

Văn Học

BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT

VĂN HỌC SÀI GÒN

THẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VỚI

VĂN HỌC HÀ NỘI

của TRƯƠNG VĂN CHINH
(TRÌNH QUỐC QUANG)

Một nhân quyền nhũn nhặn

của NGUYỄN HỮU DUNG

Tâm sự người thanh niên
Đổi thời

của TRẦN TRIỆU LUẬT
HOÀNG ĐÌNH HUY
DƯƠNG VIỆT ĐIỀN
LÊ PHỤNG CHỮ

Sáng tác văn nghệ

Truyện dài : THÁNG NGAY LẠ MẶT — DƯƠNG NGHIỆM MẠU • NGƯỜI
MỸ TRÂM LẶNG — GRAHAM GREENE — BÙI NGỌC DUNG dịch
Truyện ngắn : CỎ CÂY — NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Kịch : MÀN KỊCH KHÔNG LỜI — SAMUEL BECKETT — HOÀNG NGỌC BIÊN
Thơ : CA ĐẠO TÌNH YÊU — LUÂN HOÀN • LỜI RU TỪ HƯ VÔ —
ĐÌNH HOÀNG • LỜI QUÊ VÒNG HẢO QUANG — NGUYỄN PHÚC TỬ
Chân trời Văn Học : 12 KHUÔN MẶT MỚI TRONG LĂNG VÂN PHÁP

nội dung số này

- | | |
|---|--|
| 1. Một nhân quyền nhân nhận | NGUYỄN HỮU ĐUNG |
| 7. Tâm sự người thanh niên | TRẦN TRIỆU LUẬT |
| 14. Văn Học Sài Gòn
thảo luận về nghệ pháp với
Văn Học Hà Nội | TRƯƠNG VĂN CHỈNH |
| 45. Đối thoại với Anh
Phạm đình Đăng và Kim Sinh | DƯƠNG VIỆT ĐIỀN
LÊ PHỤNG CHỮ |
| 48. Người Mỹ trăm lạng | G. GREENE, BÙI NGỌC DUNG |
| 54. Cỏ Cây | NGUYỄN XUÂN HOÀNG |
| 65. Lối quê hương | PHÙNG KIM CHỮ |
| 67. Lối ru từ hư vô | ĐÌNH HOÀNG SA |
| 68. Ca dao một chuồn trở về | HOÀNG NGỌC BIÊN |
| 69. Trẻ thơ và chiến tranh | NINH CHỮ |
| 70. Mòn kịch không lời | S. BECKETT
HOÀNG NGỌC BIÊN |
| 74. Ý nghĩa về một cuộc đối thoại | HOÀNG BÌNH HUY |
| 77. Tháng ngày lạ mặt | DƯƠNG NGHIỆM MẠU |
| 88. Ca dao tình yêu | LUÂN HOÁN |
| 90. Tìm vòng hào quang | NGUYỄN PHÚC TỬ NGUYỄN |
| 92. Chân trời văn học : 12 khuôn
mặt mới trong lòng Văn Pháp | PHƯƠNG KHANH
TRẦN LIÊN CHI
TRẦN HOÀNG OANH |

Tư tử, bài vở, tiền bạc, ngân phiếu, xin đề :
PHAN KIM-THỊNH
61 đường Lê văn Duyệt 61, Saigon — Đ. T. 23.622

Kiểm duyệt số 2489/BTT/BC ngày 5-12-65

Một nhân quyền nhũn nhặn

Có những trường hợp người cầm bút biết tự trọng phải chèn tay. Bản nguyệt VẤN HỌC muốn đưa một số về Nhân-Quyền để góp phần kỷ niệm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Nếu chỉ là nhắc lại một số kiến thức liên quan đến bản tuyên ngôn ấy, thì chắc hẳn sẽ có ít nhất là một bài diễn văn hùng hồn mà báo chí sẽ trích đăng, mà Đài Phát Thanh sẽ phổ biến. Nếu lập san VẤN HỌC cũng sưu tầm các kiến thức ấy thì chẳng qua cũng chỉ là làm một việc có tính cách « cắc vãi trời » mà thôi ! Vì thế chúng tôi chỉ xin đặt vấn đề dưới một hình thức nhũn nhặn, nhưng cố gắng

Ngày 10 tháng 12 năm 1948, Đại-Hội-Dồng Liên-Hiệp Quốc đã chấp thuận Bản Tuyên-Ngôn Quốc-Tế Nhân-Quyền. Bản tuyên ngôn này được coi như là Hiến-Chương của Nhân-Loại. Không có Nhân-Quyền thì không có Nhân-Cách. Nhân-Quyền bảo đảm cho Nhân-Phẩm.

Từ ngày ấy, mỗi năm, vào ngày 10 tháng 12, hầu hết các quốc gia trên thế giới lại chính thức làm lễ kỷ niệm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân-Quyền. Việc chính phủ đứng lên tổ chức kỷ niệm bao hàm ý nghĩa công nhận. Nhưng công nhận chưa chắc đã là thi hành.

Bởi vậy có những chính phủ tuy mỗi năm làm lễ kỷ niệm để tỏ ra rằng mình vẫn mình, rằng mình có tinh thần hợp tác quốc tế, nhưng không thi hành các điều khoản trong bản tuyên ngôn ấy.

Thành thử, nói đến Nhân-Quyền là một điều tế nhị, nhất là tại các quốc gia đang ở trong một tình trạng đặc biệt trên một phương diện nào đó.

Tại các quốc gia ấy, không rõ trong thân tâm người ta biện chứng như thế nào, nhưng trên hình thức người ta vi phạm ra quyền, và người ta khước từ nhiều tính từ kỳ dị trên vai những người nói chuyện nhân quyền.

Nếu bị hạn chế quá đáng thì Tự-Do không còn là Tự-Do vì lẽ phải xin phép trước rồi mới được tự do sau và Nhân-Quyền sẽ chỉ còn là một ý niệm trừu tượng hay một bánh vẽ, muốn quan niệm, muốn trả hình thế nào cũng được, miễn là có một sức đề nên tạm đủ trong một thời gian.

Một màu thuần có thể và thường hay bắt nguồn từ một màu thuần của chính nó, nhưng không bao giờ nó có thể et ra chấp trên nguyên tắc và trong nội dung chính cái màu thuần ấy. Các vi phạm nhân quyền đều phủ nhận Nhân-Quyền, vì vậy nếu có vi phạm thì không thể còn Nhân-Quyền theo luật « màu thuần bất tương dung ».

Có những trường hợp, những hoàn cảnh quốc gia trong đó nói chuyện Nhân-Quyền còn là một điều viễn vông hơn

thể nữa một điều có thể bị hiểu lầm : người ta sẽ biện bạch rằng mình thích chỉ trích, mình không xây dựng, mình có tham vọng cá nhân, nói ra khôn xiết kẻ vì chỉ là những điều tưởng tượng.

Nhưng ngay trong trường hợp ấy, cũng có một Nhân-Quyền mà, dù có là Cộng-sắc đi nữa nghĩa là chuyên môn hợp mẻo sự thực, người ta cũng không viện được lý lẽ nào để ban chế hay để làm sai nội nghĩa. Vi phạm thì vẫn vi phạm, nhưng phải chối chứ không dám nhận, vì nhận thì tức khắc mất hết chính nghĩa.

Bàn luận về nhân quyền tối thiểu ấy là một việc làm không viển vông, và nếu có ý kiến cụ thể thì là làm một việc « xây dựng ».

Đó là « quyền được hưởng công bằng theo luật lệ hiện hành ». Nói một cách khác, là không dám phê phán pháp luật. Dù pháp luật có dở mấy đi nữa, dù pháp luật chỉ là một ảo khoa ngoài để có một căn bản pháp lý bảo đảm cho những thâm ý không nói ra được mà cốt cách là bất công, cũng xin công nhận. Và chỉ dám xin thi hành đồng đều cho mọi người, và dùng với các điều khoản đã ghi trên bản luật.

Ái thi hành pháp luật ? Là các cơ quan Hành-Pháp và Tư-Pháp, nhất là cơ quan hành pháp.

Nếu các cơ quan hành pháp, hoặc vi phạm, hoặc không thi hành, hoặc không áp dụng đồng đều các luật pháp thì người dân chỉ dám xin một quyền rất nhũn nhặn : quyền được xét lại công bằng và quyền được bồi bồi thường công bằng nếu bị thiệt hại.

Bán Nguyệt-San VĂN-HOC đã nhiều lần nhắc đến quyền tối thiểu ấy và đã hai lần rồi, viết nguyên văn như sau :

«Quốc-Dân chỉ dám ao ước một chế độ trong ấy phẩm giá của con người và của quốc gia được tôn trọng, nếu xảy ra một vụ lạm dụng thì quốc dân biết phải gõ cửa nào để công lý được sáng tỏ, chứ không phải như bây giờ thường gặp sự lãnh đạm hay sự cố chấp của các nhà chức trách, sự rút rè của báo chí, sự thần nhiên của các quan tòa, »

Để thỏa mãn ao ước tối thiểu, nhân nhân, phải chăng và không có lý do hạn chế ấy, tập sau VĂN HỌC đã nêu lên ý kiến và tác giả bài này đã viết thư gửi trực tiếp ông Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành Pháp Trung-Ương đề đề nghị thành lập một cơ quan tạm gọi là Cơ Quan Giám-Sát.

Trong nhiều năm trước, và cả sau ngày Cách Mạng 11-1963, đã có cơ quan chính phủ không thi hành luật pháp với đủ sáng suốt, lương tâm, và công bằng. Đó là một cơ khiến cho các tệ đoan xã hội cứ lan tràn, khiến cho tình trạng hỗn loạn tâm lý cứ phát triển. Người viết bài này cầm trong tay mấy văn thư của hai ông Độ-Trưởng trong thời Cách Mạng đều là luật sư (một ông hiện giờ là đại sứ), và của một ông Tổng Giám-Độc trước kia là giáo sư hành chánh, toàn là những người hiết luật, và đáng lẽ phải đề cao tinh thần pháp lý. Họ đã trả lời rất hách dịch: «đã xét rồi, không xét lại được nữa», các lý do cụ thể mà người khiếu nại đã trình bày. Họ không trả lời dứt khoát một lý do nào cả, họ chỉ dứt khoát đề từ chối xét lại một việc bất công mà người khiếu nại không ấp-vàng chứng minh là «bất công». Như vậy thì làm sao mà tin tưởng vào Công lý để tuân hành Pháp-Luật được? Làm sao mà không hỗn loạn tâm lý? Mà xã hội không lộn xộn?

Đành rồi, Quyền Hành Pháp có những tổ chức để tự kiểm soát. Đó là các cơ quan thanh tra, các ủy ban điều tra và kỷ luật triệu tập khi cần thiết. Đó là quyền trao việc điều tra cho Biện-Lý Cuộc để sử dụng mọi khả năng tìm kiếm của các cơ quan tư pháp, công an và hiến binh. Đó cũng là các mô ma hộp thư dân ý, Phủ Đốc Ủy Dân Nguyên, nhằm thỏa mãn quyền khiếu nại của người dân là một quyền không ai chối cãi bao giờ và giúp cho Chính Phủ biết kịp thời các sơ suất và lạm dụng. Đó là quyền của người dân đi kiện chính phủ tại các tòa hành chính.

Kết quả đã không đáp ứng mong muốn của nhân dân vì lẽ Tòa Án Hành Chánh có vẻ rất lu mờ, đi kiện chỉ có bức mình và tổn kém, có bao giờ được kiện dân, có khi còn bị «trà» thêm! Còn về các cơ quan «kiểm soát» kẻ tên ở trên thì đều do Quyền Hành-Pháp sinh ra để lại kiểm soát đúng các cơ quan của Hành Pháp, thành thử không có đủ quyền để cứu xét công bằng, để thoát khỏi các áp lực mà đầu đen

không thể nào có bằng chứng bởi vì chính các người trong cuộc không dám mạo muội làm nhân chứng.

Vì lẽ ấy, cần phải có một cơ quan biệt lập với Hành-Pháp thì mới có thể bảo đảm cho nhân quyền tối thiểu trỗi dậy ở trên. Chúng tôi tạm gọi là Cơ Quan Giám Sát.

Chính Phủ nào tại Việt-Nam Cộng-Hòa cũng công nhận rằng chỉ có thể chiến thắng Cộng-Sản nếu tranh thủ được nhân dân. Một cơ quan giám sát chính là cơ cấu có mục đích tối hậu gây một không khí tin tưởng trong dân chúng, bài trừ mọi hành động hay lời nói có thể gây nghi kỵ hay hoang mang. Nếu thành lập được đúng đắn và hữu năng hữu hiệu, thì cơ quan giám sát sẽ là một cơ cấu vững bền chứ không phải một cơ quan chỉ hoạt động trong thời gian chuyển tiếp hiện tại.

Sau Thế-Chiến thứ I, một số quốc gia Âu-Châu đã thành lập các Hội-Động Giám-Sát. Sự thực, các quốc gia ấy đã tổ chức công việc giám sát một cách chu đáo và hữu ích hơn trước, chứ không phải rằng họ là những quốc gia tiên phong thành lập một cơ quan giám sát có rộng quyền. Cũng không phải là TÓN-DẬT-TIÊN, người anh hùng lịch sử Trung-Hoa đã sáng lập Quốc-Dân Đảng và khai sáng Trung-Hoa Dân-Quốc, đã có sáng kiến đầu tiên về giá trị chính trị và xã hội của một cơ quan giám sát. Từ năm 1803, Thụy-Điển đã thiết lập một Ban Giám-Sát do Quốc-Hội chỉ định, gọi là JUSTITIOMBUDSMAN cho các cơ quan dân chính, và MILITIEOMBUDSMAN cho các cơ quan quân chính. Các cơ quan quân sự không thể lúc nào cũng dựa vào bí mật quân sự để làm bậy và từ chối mọi sự kiểm soát.

Vì nhằm mục đích ngăn chặn mọi lạm dụng quyền hành, nên tại các quốc gia đã thành lập một cơ quan giám sát, cơ quan này có nghĩa vụ kiểm soát việc làm của các người cầm quyền hành pháp, thuộc bất cứ cấp nào. Điều đó có tính cách dân chủ và hợp lý. Khuynh hướng tự nhiên của Nhà Nước thường là muốn hành trưởng quyền hành, người ta hiểu lầm rằng thế là kiến tạo một chính phủ mạnh. Và người ta quên rằng khi đã hành trưởng rồi thì khó có giới hạn. Thiếu gì

trường hợp các nhà cầm quyền trung ương và địa phương, quá say sưa với quyền hành, trở thành độc đoán mà không biết, rồi khi đã lỡ rồi thì cố chấp cãi bừa và duy trì các quyết định bất công và chuyên chế của mình.

Bất công sinh bất mãn. Bất mãn sinh hỗn loạn. Bất công mâu thuẫn với Tinh Thần Tôn Trọng Pháp Luật. Nếu pháp luật không được tôn trọng nữa thì tình trạng hỗn loạn càng thêm trầm trọng.

Một cơ quan giám sát có rộng quyền và thực quyền sẽ giúp cho một quốc gia tránh được nhiều bất công, đề bài trừ bất mãn và vô trật tự, gây tin tưởng để lấp đầy tình trạng trống rỗng tâm lý, tôn tắt là văn hồi đoàn kết và kiến tạo điều kiện để tiến bộ.

Vấn đề đặt ra là tổ chức như thế nào để có một cơ quan có đủ quyền hành để điều tra và kiểm soát, và khó có điều kiện để lạm dụng quyền hành ấy.

Nhưng điểm then chốt vẫn là có muốn có, có dám có một cơ quan như thế hay không? Nếu muốn thì chắc hẳn Trường Luật và Viện Quốc-Gia Hành-Chánh phải có nhiều tài liệu ích lợi để rút kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến, để tổ chức cơ quan, để ấn định trình bậc quyền hành của cơ quan.

Nếu nước Cộng-Hòa Việt-Nam có được một cơ quan giám sát quan niệm đúng đắn, thì người công dân Việt-Nam sẽ biết phải gõ cửa nào để công lý chắc chắn được sáng tỏ. Và đó không những là một nhân quyền tối thiểu, còn là một điều kiện tối thiểu để tranh thủ nhân tâm.

NGUYỄN HỮU DUNG

tâm sự người thanh niên

ĐỂ MINH ĐỊNH THÁI ĐỘ TRƯỚC THỜI CUỘC

TRẦN TRIỆU LUẬT

Thời đại này những phương tiện thông tin do tiến bộ kỹ thuật Tây phương như báo chí, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh điện thoại... đã được phổ biến sâu rộng và được tận dụng để loan truyền những tường thuật đầy đủ mọi biến cố thời sự. Có khi quá đầy đủ đến nỗi có những chi tiết dư thừa như những loại tin công chúa lấy chồng hoàng tử lấy vợ, hoàng hậu đẻ con, hiệp dân, ăn trộm, ăn cắp, quái thai, những mất ăn chơi lỗ lã của những kẻ quá giàu song không biết dùng đời sống làm gì hơn thế. Và thường khi những loan báo tin tức lại vẫn « được » và « bị » bóp méo, vo tròn, xuyên tạc, bình luận, hướng dẫn, khai triển, giải thích theo những quan điểm phe phái, những gọi là « ý thức hệ », lập trường dân tộc, nguyện vọng toàn thể nhân dân, những lợi dụng hoàn toàn, chỉ nhằm mục đích tư riêng.

Hai đặc điểm thời đại này gây ra tin tức bị nhấn chìm, thất thương, bị phò tương quá tròn, bị đánh tráo, che giấu, xuyên tạc khó ngờ... Câu chuyện thật sự không có gì đáng lại được làm rùm lên như chuyện CTY, thí hoa hán, vợ chồng vương giả xa út mù tấp nào đó ly dị, ly thân. Còn cái chuyện chiến tranh chém giết, giam lỏng một lãnh tụ mạng bên Nam Mỹ chẳng hạn đáng đề ý, phải chú tâm lại xuống những cột báo góc bên, chạy sang những trang tam. Và từ đó, người ta thấy quảng đại quần chúng, là quần chúng thành thị, luôn luôn sống trong những cơn thời sự, những báo động khủng hoảng, những rối loạn tục, ít ra những sôi nổi nhỏ nhất thường ngày cũng đặt người hôm nay vào tâm trạng bất an *thường trực*, có hai thân kinh, gây ra tâm lý bất an, chán nản, xa lánh và làm quên lãng đi những vấn đề quan trọng có tính cách rộng toàn diện.

Lẽ tất nhiên, có thể biến cố thời sự hôm nay vô phức tạp, bộn bề, lại ảnh hưởng mau và sâu rộng ngay tới tầng lớp. Nhưng cũng một phần không nhỏ, những biến cố thường được phóng đại, tô mào, khuếch âm và nhìn qua những phương tiện thông tin trên một cách quá sát sà, quá lo âu, quá bất thường quá phiến diện và nhất là quá gân.

Nhìn sát thực tế hơn, người ta có thể kể ra nhiều người của thời sự.

Người ta thấy có những kẻ làm ra vẻ thông thạo thời sự. Người ta thấy có những kẻ sống tựa như là mẫu lò xo chuối lò xo thời sự vốn chẳng bao giờ ở trạng thái cân bằng. Và người ta cũng thấy, tựa như vô số *Phấn trong giã từ*, xã hội chậm tiến này rất nhiều những *Ba Thê Đông* như là những đám rong rêu bên dòng nước, luôn luôn may quay cuồng khi dòng thời sự là dòng nước lũ cuốn rong rêu suốt đời vẫn là rong rêu. Còn mùa may như suốt đời vẫn là lỗ lã, nhất là vô hiệu, vô ích và vô tích. Thế mà vẫn có kẻ lo lắng như lo lắng sắp lên đời đại trước những tin đồn đảo chánh, cải tổ chính phủ.

sách này, danh sách nọ, hòa bình, thương thuyết... Và đủ thứ chuyện.

Họ có biết đâu rằng về mặt phương diện, họ đã vô hình chung làm công không cho kẻ địch — nhiên thứ kẻ địch. Họ có biết đâu rằng về mặt phương diện khác, họ đã là khiêu rất hiện nghiệm cho những hoạt động bất hảo, mặt vu, tuyên truyền đen của rất nhiều hệ thống lệ thuộc rất nhiều thế lực bên ngoài. Và một cách tích cực hơn, họ đã gián tiếp là lực lượng bảo thủ, phản động duy trì mãi mãi ý thức chính trị ấu trĩ, dễ dàng cho mọi loại dụng cụ phong cho những thế lực kinh tế bên ngoài.

Quả tính là cái ông Đại sứ kia đành đành đến chính trường của mình. Nhưng cũng quả tính đồng lịch sử chuyển biến của một xã hội có những biến đổi hiện nghiệm, lịch cực và đúng đắn lại bị ở những biến chuyển cơ cấu, tổ chức, nền tảng, tương quan thế lực. Mà những chuyển biến loại đó lại xa những thay đổi bên bờ bên ngoài. Và một cách rõ rệt hơn, nếu người ta cần có một thái độ trước thời cuộc như một lối xác định lập trường, một cách thế sống thì người ta chỉ có thể làm được như thế với điều kiện : gạt bỏ những lớp sóng gió bên ngoài để nhìn vào toàn diện những xoay chuyển lớn lao những động lực quyết định như những đợt sóng ngầm dưới đáy dòng nước.

Nói cho thật đơn giản, phải nhìn vào những biến cố chủ yếu hệ trọng để xác định một thái độ trước thời cuộc.

Nhưng đúng này, đừng nói như thế vội. Người ta có thể tìm một thái độ trước thời cuộc đầu. Người ta nói tới thời cuộc như một sự làm đáng tri thức. Như một lối âu lo ra diện chính khách, người « cứng » về chính trị. Như một báo hồ báo hay bầm sỗ tử vì thời cuộc để khoa trương, q cáo cho tài ba chính trị của mình. Và lại tệ hại hơn, để thời cuộc không gì hơn là chủ tâm đến những cơ hội lợi dụng thời cuộc, đầu cơ thời cuộc cho những tính toán kỷ riêng mình.

Thời cuộc ấy à, chẳng qua là dòng dài biến chuyển cần gương mặt để ngóng cho đúng lúc nhảy vào có quyền, có tiền, có dịp đầu cơ tích trữ... Thật chệ

ngượng lờn mà không nói: có gái thời cuộc đang bị đón đường chộc ghẹo, hiếp dâm, gở gạc. Một cái biển cổ chẳng ra quái gì, họ cũng xúm lấy, xé áo, vạch lưng, soi kính hiển vi, kính lúp để bày ra đủ khía cạnh hấp dẫn, giật gân, kinh khủng, tởm cáo lên những đàn áp gớm ghê, những vi phạm nhân quyền nặng nề. Và một cách tiêu cực, theo dõi thời cuộc là theo dõi lúc nào bán vàng được giá, lúc nào nên đi buôn lậu, lúc nào nên ca tụng ông này, dă kích ông kia.

Thời thì đủ kiểu nhìn, ngó, ngắm thời sự. Cũng đủ mọi kiểu lợi dụng và buôn bán thời cuộc. Và lại còn đủ những mỹ từ, phẩm từ, phức từ để làm cho những kiểu đó mang màu áo thái độ chân chính, đáng hoàng và nhất là... *duy nhất*, nên theo và phải theo, bởi quả là chẳng còn lối nào khác.

Nhìn vào bề sâu của những thái độ đó, người ta có thể nên lên một giải thích: lối nhìn thời cuộc như thế biểu lộ một *trạng thái mất niềm tin*, một *lối sống vụ lợi*, một *lâm lý ảnh hưởng nặng nề chủ nghĩa thực dụng* (pragmatisme) và kết cùng, một *an phận thủ thường*. An phận thủ thường đây là an phận thủ thường trước những biển cổ có tánh cách làm dấu mốc lịch sử, những biển cổ Cách mạng. Chữ nhất định không phải là an phận thủ thường nghĩa là bằng lòng với số phận mình, giữ mãi mục *thư-tag*, thụ động mãi trong hoàn cảnh sinh kế hiện có để quên đi những tăng chi số lương, mua nhà mới, xe mới, có địa vị tốt, được làm gần Sài Gòn...

Chúng tôi rõ rệt cho cái thái độ gần như phổ thông này là thái độ của một số đông người trước « *biển cổ Phật giáo* » cách đây hai năm. Đáng lẽ người ta có thể nhìn biển cổ đó như một vận hội mới cho một đất *đàng lại* vai trò tôn giáo trong xã hội, một yếu tố mới xuất hiện trong sinh hoạt chính trị, một bầu khí mới tạo nên sự tham gia tích cực của quần đại *quần chúng* vừa mới có ý thức tập đoàn vào sinh hoạt quốc gia để tạo những công bằng mới, những học tập dân chủ tự do. *Đàng này*, người ta chỉ nhìn thay đổi đó như một lật ngược chính quyền, một cơ hội « *tốt* » để

tranh đoạt quyền thế. Và với những kẻ bên ngoài nhẩy vào *thủ lợi*, đó là một dịp may hiếm có để lợi dụng.

khoa trương, múa may... Có thể thấp thoáng trong đó cả những chính khách, trí thức tự mệnh danh là chống Diệm (trong khi thực sự chỉ chống Diệm vì quyền lợi, vì xói thịt không đến tay, và bị đẩy tới chân tường phải chống). Đó cũng lại là một dịp khác cho những kẻ vốn có đầu óc đi buôn nhảy vào buôn thêm một thứ mới.

Ai mà chẳng biết!

— Nhưng thế! Cho nên cũng chẳng nên mở ngoặc phân giải dài dòng *thái độ xây dựng* của người viết khi nêu ra điều này. Có một điều đã thật rõ ràng là những vạch ra này chỉ cốt ý làm sáng nghĩa « biến cố Phật giáo » và trả lại cho nó giá trị đúng của nó. Nhưng cũng nên thêm, khi nói rằng biến cố Phật giáo chẳng hạn tạo ra một yếu tố mới trong sinh hoạt chính trị, không phải chủ tâm nói tới mục tiêu tranh đấu chính trị của cuộc vận động đó. Điều đó các nhà lãnh đạo Phật giáo đã minh định dứt khoát, chỉ tranh đấu cho công bằng và tự do tín ngưỡng. Nhưng nói như thế lẽ tất nhiên không thể nào phủ nhận được hậu quả, ảnh hưởng tất yếu của nó như tạo ra một yếu tố mới trong sinh hoạt chính trị. Mục tiêu nhằm tới không phải là tất cả hậu quả. Có những hậu quả, ảnh hưởng ở ngoài mục tiêu, không thể nào tránh khỏi dù cố thoát.

Tới đây, có lẽ chẳng nên dài dòng nữa. đành nhắc lại một vài sự thực có thể rất thông thường nhưng cũng có thể rất hay bị lãng quên, hoặc cố ý mà làm ra vô tình, hoặc vô tình mà tưởng chừng như cố ý :

A) VỀ MỘT VÀI THÁI ĐỘ SAI LỆCH

Những thái độ sai lệch trước thời cuộc nêu ở trên chẳng qua chỉ phản ánh tâm lý thụ động, bo bo duy trì một số quyền lợi vị kỷ của một giai tầng tư sản thành thị. Hạng tư sản này là tầng lớp trưởng giả thành thị chỉ biết có thụ động, ý lại, sống về đồng tiền lương tháng công chức, tư chức và các mảnh khốe tiền xảo, các tiểu đoạn hèn mạt chỉ cốt hối lộ, đầu cơ,

bòn vôi, thậm thụt công quỹ để sống an nhàn, phê phỡn giả tạo, chỉ biết tin vào hiện tại, vào những thực phẩm trần gian hoàn toàn vật chất, hoàn toàn hưởng lạc. Họ rất sợ nên rất chú ý đến những thay đổi hơi lợi bên ngoài như đổi bộ trưởng, tỉnh trưởng, nội các... Với họ, chỉ có những biến động đó mới ảnh hưởng trước tiên và quyết định tới công việc làm ăn sinh kế của họ. Còn ngoài ra, trong những giờ nhàn rỗi, để giải trí, họ và con cái họ chỉ có biết chúi mũi vào những thời sự của các cô đào chớp bóng, các Margaret, Elisabeth, Baudouin, Soraya... Và cả các biểu diễn khoa học không gian, nghệ thuật thẩm mỹ chẳng liên hệ gì tới họ, đời sống dân quê của họ. Chính ra, họ phải chú ý và làm cho quảng đại dân chúng theo họ chú ý tới những biến đổi căn bản đã là căn do và nguyên lai của cuộc xung đột dẫm máu hiện tại, đã hiển chuyển làm thay đổi hẳn mức sống, bộ mặt xã hội, cơ cấu chính trị do những biến đổi khu vực kinh tế, tiến bộ kỹ thuật khoa học cùng các phong trào giải phóng tại các nước chậm tiến Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La tinh. Và thiết thực hơn họ nên đọc những tin tức nói về các ưu khuyết điểm của các công cuộc cải cách điền địa, kỹ nghệ hóa, cách mạng giáo dục, tổ chức hợp tác xã, tổ chức cộng đồng... ở các nước kèm mở mang khác.

B) ĐỂ TÌM MỘT THÁI ĐỘ TÍCH CỰC.

1. Một thái độ đúng đắn và đích thực trước thời cuộc nhất luôn luôn phải là một thái độ mang nặng ý thức trách nhiệm và tinh thần dân thân trước thời cuộc.

2. Để có một thái độ chính xác trước thời cuộc, người tìm hiểu cần phải dăm nhìn sự thực phân tích kỹ càng những biểu chuyển cơ cấu, tổ chức, nền tảng để nhận rõ cái người ta gọi là trào lưu lịch sử, hướng đi lịch sử, và đồng thời để đặt những biến chuyển ấy vào trong dòng liên tục của những tiềm năng dân tộc, khả năng tinh thần truyền thống. Khung cảnh khí hậu, địa dư, nhân chủng.

3. Phương pháp khá mới mẻ cho tìm hiểu trên là phương pháp phân tích, suy luận theo lối huyền thoại và thực chất.

4. Với người thanh niên, nhất là với sinh viên, những xác định thái độ trước thời cuộc rất cần thiết. Với những người trẻ này, khuynh hướng vạ lợi để tránh thoát đề hướng sang lĩnh thần dân thân. Nhưng với họ, những sa vào lý thuyết xuống, phiến diện, đảng phái, làm dáng trí thức, ra bộ thông thạo lại khó thoát khỏi. Lẽ tất nhiên là cần cảnh giác đừng mức và thường trực.

5. Giáo dục hiện nay xao lãng về việc trình bày những biến cố, trọng đại về kỹ thuật, chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... cho thanh niên. Nhưng dầu sao, đề hướng người thanh niên về xây dựng ngày mai, những học tập thiết thực đó không thể nào bỏ qua. Trong khi chờ đợi một cách mạng giáo dục toàn diện và cũng để sửa soạn ý thức cho cuộc Cách mạng đó, đành còn nhờ ở sự tự cố gắng và sự giúp sức cố gắng cho nhau trong khuôn khổ một tập thể, một môi trường sinh hoạt chung.

6. Nhưng tự học mà chỉ dựa trên sách báo dễ thất vọng. Chẳng nên ngưỡng ngừng mà không nói toạc ra : sách báo nói về thời cuộc Việt Nam 20 năm nay, có giá trị vẫn là sách ngoại quốc, viết bằng văn tự của những nước đình đám, nhập nhằng với Việt-Nam.

Nhưng dầu sao căn bản của vấn đề DẪN THÂN cho THANH NIÊN TRÍ THỨC này vẫn ở chỗ : Thanh niên chúng ta hiện có còn không MỘT NIỀM TIN vào NGÀY MAI ?

Không có niềm tin vào ngày mai, thì tránh sao khỏi nhìn thời cuộc như kẻ bàng quan, như bánh xe trong vòng quay cuồng biến động, như chiếc lá trong cơn lốc chiến tranh chém giết khủng bố bom đạn và nhất là như lão ngư ông đứng ngoài chỉ hòng thủ lợi trước xung đột của trai cò lôm tép.

Nói cho hết lời, nhìn về thời cuộc chẳng qua là nhìn về ngày mai, xác định thái độ trước thời cuộc không gì hơn là nói lên ý thức trách nhiệm và vạch ra con đường dẫn thân.

VĂN HỌC SAIGON
THẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VỚI
VĂN HỌC HANOI

TRƯƠNG VĂN CHỈNH
(Trình Quốc Quang)

TRẢ LỜI HAI ÔNG HỒNG GIAO VÀ TRẦN THƯỜNG,
VỀ BÀI « ĐỌC KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT-NAM
XUẤT BẢN Ở HUẾ »

Quyển Khảo luận về ngữ Pháp Việt-Nam phát hành đã hơn hai năm nay (từ tháng 5-1963). Ngoài dăm ba bài giới thiệu, ở đây, chưa có bài phê bình nào.

Điều đó cũng dễ hiểu: Sách viết về một môn quá khó khăn, lại ít người nghiên cứu tới. Tuy rằng trên mười năm nay, các trường Đại học Văn khoa của Việt-Nam ta, vẫn đều đều cấp chứng chỉ ngữ học Việt-Nam, tuy rằng chứng chỉ này là chứng chỉ bắt buộc cho cử nhân giáo khoa Việt-Nam, nhưng thực tế thì người chuyên về ngữ học

còn ít lắm. Bởi vậy, những vị giáo sư hay học giả chuyên khảo cứu về ngôn ngữ, phần nhiều lại thiên về ngành ngữ âm, mà ít màng đến ngữ pháp (1).

Cho nên chúng tôi rất hoan nghênh bài hát ông Hồng Giao và Trần Thương phê bình cuốn *KINPVN* (2), vì chúng tôi được một dịp hi hữu để thảo luận công khai về quan niệm và phương pháp của chúng tôi về ngữ pháp. Để độc giả dễ theo dõi cuộc thảo luận, chúng tôi xin chép lại, dưới đây, bài của hai ông Hồng Giao và Trần Thương. Đoạn đầu và đoạn kết có nhiều chỗ không liên quan gì đến ngữ pháp, vậy chúng tôi xin phép đọc giả lược bỏ đi.



ĐỌC KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM

XUẤT BẢN Ở HUẾ.

Cuốn sách này, theo sự chủ thích của tác giả, được biên soạn vào khoảng 1958 và 1962
(bổ 9 dòng)

(. . .) Các tác giả không những đã tiếp thụ mà còn phát huy đến mức độ nhất định những thành tựu vốn ít ỏi của những người đi trước, và so với cuốn *Đề* hiền văn phạm (1) thì đây là một bước tiến. Cuốn sách có một số điểm khảo cứu tỉ mỉ có tính chất sáng tạo; điều đó nói lên rằng các tác giả không

(1) Bảng chứng điển hình là trường hợp Nguyễn Đình Hòa. Ông này đã tự giới thiệu là giảng ngữ học tại trường Đại học Văn khoa Sài-Gòn, và thuộc "Nhóm Ngữ học Viện Đại học Sài-Gòn" (xem *Bách-Khoa* số 66, 1-10-1959, tr. 16), còn tự xưng là chuyên môn về ngữ học (x. *B.K.* số 60, 1-7-1959, tr. 24: "những người chuyên môn chúng tôi"). Ô. Hòa còn được *Báo Trẻ*, tập 1 số 1, 1960 giới thiệu là cố băng Ph. D. (hiến sĩ văn chương) của Viện Đại học New-York cấp năm 1959 và "giáo chức giảng viên ban Ngữ học Đại cương và Ti hiệu tại Viện Đại học Columbia từ 1953 đến 1957". Thế mà soạn tập *Bảng giảng ngữ học nhập môn* (nhà in Bình Minh, Sài Gòn, 1962), trong cả một chương nhan đề là "Cú pháp". Ô. Hòa chỉ nói đến phân từ loại!

Bảng chứng nữa là Ban ngôn ngữ của trường Đại học Văn khoa Sài Gòn ra thông cáo từ năm năm nay sẽ soạn một bộ ngữ pháp Việt-Nam, mà nay đến đến như chưa viết được dòng nào!

(2) Tạp chí *Văn học*, Hà-Nội, tháng 7-1965, tr. 91-97.

"Của Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê, Đại học Huế, 1963. Trong bài này chúng tôi sẽ gọi tắt là cuốn *Khảo luận*."

(1) Nguyễn Hiến Lê, *Đề* hiền văn phạm, Sài Gòn, 1952.

muốn chịu những quan niệm cũ gò bó. Lần đầu tiên trong các tác phẩm về ngữ pháp (. .) ở miền Nam, các tác giả đã phân biệt thành phần phụ của câu và thành phần phụ của từ, đã xác định một thành phần đặc biệt của câu là chủ đề (?), đã vạch ra một loại câu phức hợp có tính chất hỗn hợp (các tác giả gọi là câu liếp kết). Trong cấu tạo cú pháp của tiếng Việt, trật tự của từ, các hư từ (từ có công dụng ngữ pháp) đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Các tác giả đã chú ý nhiều đến hai yếu tố đó và khảo sát khá tỉ mỉ về những hư từ.

Đôi chỗ, các tác giả đã vận dụng phương pháp phân tích khách quan như phương pháp đối chiếu, phương pháp cải biến, v.v., để chứng minh những hiện tượng ngữ pháp chỉ giống nhau về bề ngoài mà khác nhau về bản chất. Ví dụ, để chứng minh thành phần phụ của một từ khác thành phần phụ của một câu, các tác giả đối chiếu như sau :

— Hôm qua tôi đã đọc cuốn sách Giáp mới gửi về.

— Tôi đã đọc cuốn sách Giáp mới gửi về hôm qua (tr. 554)

Tuy vậy, không thể không vạch ra rằng cuốn sách có những khuyết điểm nghiêm trọng về phương pháp luận, về tính chất lá gịch của cách lập luận và cách xử lý các hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt, v.v... vì khuôn khổ tập chỉ có hạn, chúng tôi chỉ nêu ra ở dưới đây vài ý kiến chính.



Các tác giả đã nói có phần đúng : « Phương pháp (nghiên cứu ngôn ngữ — H.G và T.T) hợp với lương tri hơn cả, là phải căn cứ vào cả hình thức lẫn nội dung của lời nói. Tuy nhiên, ngữ pháp là phép cấu tạo lời nói, nên có khi phân tích một câu ta phải chú trọng đến hình thức cấu tạo nhiều hơn là ý từ hay nội dung » (tr. 42-43). Nhưng tiếc rằng các tác giả chưa quán triệt nguyên tắc đó trong toàn bộ cuốn sách của mình.

Muốn nghiên cứu ngôn ngữ một cách khách quan thì không bao giờ có thể rời bỏ hình thức và nội dung. Do đó không phải là chỉ khi nào nghiên cứu lời nói, phân tích câu,

mới cần đến nguyên tắc ấy. Sự thật, từ, từ tố (các tác giả gọi là từ kết), cấu đều là sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung (ý nghĩa) và hình thức (cấu tạo). Chưa thấy toàn diện điều đó, cho nên khi xác định ranh giới của từ, từ loại (các tác giả gọi là từ tính) của từ, v.v.. Các tác giả đã chỉ dựa một chiều vào ý nghĩa, hay vào « tác dụng theo ý nghĩa ». Vì vậy, có nhiều chỗ, các tác giả chưa tôn trọng sự thật, có khi không chứng minh được một cách khách quan, những ý kiến của mình, hoặc có khi khẳng định một cách độc đoán. Xin dẫn một vài ví dụ :

1. Các tác giả đã coi những tổ hợp in [đòng] sau đây là những phó từ « chủ quan », cũng một chữ năng như những phó từ có lẽ, cũng đang, đã, không, chợt, v.v.. :

— Thầy Giáp muốn Giáp học Hán tự.

— Tôi tưởng Bình là em Ất (tr. 425)

Không thể lẫn lộn những tổ hợp này với những tổ hợp gồm có động từ ý chỉ + động từ chính, như : Thầy Giáp muốn học... Ở đây, học biểu thị hoạt động của « chủ thể » thầy Giáp và vì thế cô nhà ngôn ngữ học gọi nó là động từ « chủ quan » (trong các ngôn ngữ Ấn-Âu, người ta gọi là dạng bất định chủ quan — infinitif — subjectif). Trái lại, học (Hán tự) trong ví dụ mà các tác giả nêu ra là động từ « khách quan » vì nó không biểu thị hoạt động của thầy Giáp mà biểu thị hoạt động của « khách thể » Giáp. Cũng không thể lẫn lộn tôi tưởng (tôi) ôm (ôm biểu thị trạng thái của « chủ thể » với tôi tưởng Bình là em Ất (em Ất phán đoán về khách thể Bình).

Dù muốn, tưởng ở đây có biểu thị ý chỉ chủ quan thì cũng không thể lấy ý nghĩa đơn thuần để gán cho chúng cái chức năng mà những phó từ có lẽ, đang, v.v.. vẫn thường gán vào vì một đẳng là thành phần chính của câu, một đẳng là từ phụ, nếu bị lược đi, cấu trúc của câu và ý nghĩa cơ bản của câu vẫn không thay đổi. So sánh :

— Thầy Giáp muốn Giáp học Hán tự với Giáp học Hán tự (ý nghĩa và cấu trúc khác nhau).

— Có lẽ Giáp học Hán tự với Giáp học Hán tự (ý nghĩa và cấu trúc về cơ bản như nhau).

(2) Một số nhà ngôn ngữ học miền Bắc gọi là Khôi từ.

* — Giáp đang học Hán tự với Giáp học Hán tự (ý nghĩa và cấu trúc về cơ bản như nhau).

Hơn nữa, nếu lấy «ý chủ quan» ra để phân định «phó từ chủ quan» (tr. 425) thì không động từ nào không phải là «phó từ chủ quan», vì yên, thích, ưa, miễn, ngắm, xem, v.v... đều là «chủ quan» cả.

2. Từ loại là chủng loại ngữ pháp của từ; nếu gọi như các tác giả là từ tính thì nó cũng phải là tính chất ngữ pháp của từ. Nếu ta không chú trọng cả đặc trưng ý nghĩa khái quát (nội dung) và những đặc trưng hình thức (từ pháp hoặc cú pháp) để xác định từ loại thì ta sẽ phân định một cách chủ quan, hoặc là sẽ giảm chẵn sang địa hạt ngữ nghĩa học. Bởi vậy người đọc không thể đồng ý với lập luận sau đây của các tác giả: «Bản thân sự vật, sự vật làm động tác gì, và sự vật có tính cách gì, là ba khái niệm cơ bản, ba phạm trù. Nhưng, ta có thể gộp hai khái niệm sau làm một mà nói «sự vật ở trạng thái động hay tĩnh nào», nói gọn là «sự trạng» nào. Vì thế mà chúng tôi chỉ phân biệt thể từ dùng để trở sự vật, và trạng từ dùng để trở sự trạng» (tr. 152). Thống nhất động từ và tính từ trong tiếng Việt vào một chủng loại ngữ pháp là điều có thể được, nhưng đó lại là chúng có những đặc tính ngữ pháp giống nhau chứ không phải vì chúng biểu thị «sự trạng». Người Pháp, người Anh, người Nhật, v.v. ... đều có thể có quan niệm về «sự trạng» như vậy, nhưng không thể gộp động từ và tính từ trong các ngôn ngữ Pháp, Anh, Nhật, v.v. vào cùng loại «trạng từ» vì đặc trưng ngữ pháp của hai từ loại này khác nhau.

3. Một trong những yêu cầu của phương pháp nghiên cứu khoa học là đối tượng khách quan như thế nào thì ta phân tích, giải thích nó như thế chứ không được tự ý thêm thắt cho phù hợp với nhận định chủ quan của mình. Nhiều chỗ, các tác giả đã không làm thế. Ví dụ, có đoạn viết: «Ta đã nói trong ngoài, trên, dưới (...) dùng làm phó từ. Nhưng ta thấy chính những tiếng ấy dùng một mình để trở không gian.» Ví dụ:

«(A) Anh nằm trong, tôi nằm ngoài. (...)»
«Đúng như trên, là ta lược ý thể từ chính: câu A: trong là phía trong (của cái giường), chỗ xa lối đi; ngoài là phía ngoài (của cái giường), gần lối đi. (...)» (tr. 590). Căn cứ vào đầu mà

phản đoán rằng ở đây lược ý thế thì ? Đó là một việc hoàn toàn do suy luận chủ quan mà thôi. Người nào thật sự tôn trọng thực tế của tiếng Việt tất sẽ không thể nào hài lòng với sự phản đoán ấy.

Ở một chỗ khác, các tác giả viết :

« Bao nhiêu tất cả ? (...) phải hiểu là có bao nhiêu tất cả ? nghĩa là lược tiếng có » (tr. 517). Nếu cứ thêm như vậy thì đâu có phải chỉ thêm được từ có ? Người ta có thể thêm :

— Giá bao nhiêu tất cả ?

— Được bao nhiêu tất cả ?

— Lấy bao nhiêu tất cả ? v.v...

Và lấy gì để chứng minh rằng chỉ thêm có là đúng ?

Ở một chỗ khác nữa, các tác giả viết về từ lại như sau : « Có khi chỉ nói ra một ý, ta phải suy luận mới thấy sự quan hệ diễn tả bằng lại :

Con vua thì lại làm vua (...)

Ta hiểu là « vua đã làm vua, thì con vua lại làm vua » (tr. 449). Như vậy thì có thể hiểu rằng câu « con vua thì lại làm vua » là một vế của câu phức hợp, hay cũng có thể hiểu rằng đây là một liên đề lớn của một tam đoạn luận, còn liên đề nhỏ và kết luận của tam đoạn luận thì bị rút gọn, v.v... và v.v..

Vì chú trọng một chiều đàng ý nghĩa, cho nên có nhiều chỗ tác giả đã dùng lối tư biện thuần túy thay vào chứng minh khoa học, hay đã làm những việc có tính chất du hí về tri tuệ. Ví dụ, đặt ra mục « sự trạng tác động, sự trạng thụ động, sự trạng bị động » rồi, các tác giả lập luận :

« Ta nói : « Cây đổ », « Lá rụng », « Xe chạy », thì đổ, rụng, chạy, trở sự trạng động, và ta coi là cái cây, cái lá, cái xe « hoạt động ». Thực ra, cây, lá, xe là vô sinh vật mà hoạt động được, là có một động lực nào ở ngoài làm cho nó hoạt động, như bão làm cây đổ, gió làm cho lá rụng, sức cơ khí làm cho xe chạy (...) Cây chịu sức bão mà đổ; lá chịu sức gió mà rụng; xe chịu sức cơ khí mà chạy ; nên đổ, rụng, chạy đang trong

Vì vậy trước hết chúng tôi muốn nói qua về những tôn chỉ ấy của các tác giả.

Các nhà ngữ pháp cổ đại ở Hy-lạp, La-mã coi từ loại là những bộ phận của lời nói (*partes orationis*) nghĩa là gồm cả tính chất lẫn chức năng ngữ pháp của từ. Các tác giả Khảo luận tuy có phân rõ «tức tính» và «tức vụ», nhưng sự thật thì chưa tiến hơn các nhà ngữ pháp cổ đại được bao nhiêu :

«Tuy theo phương diện tức tính hay tức vụ, mỗi từ trong câu thuộc hai từ loại khác nhau» (tr.151).

Nói một cách khác, theo các tác giả, từ loại là tính chất của từ mà cũng là chức năng ngữ pháp của từ.

Các nhà ngữ pháp hiện đại có thể có ý kiến khác nhau về các tiêu chuẩn phân định từ loại nhưng ai cũng nhận rằng từ loại (lần) mà là các chủng loại — các phạm trù — của từ xếp theo những đặc tính ngữ pháp biểu hiện trong cấu trúc của câu.

Hình như hệ thống «tức tính», «tức vụ» của các tác giả đã phỏng theo hệ thống từ loại của Fries C. C. Nhà ngôn ngữ học (gồm có 4 loại : danh từ, động từ, tính từ, phó từ) và «Function-words» (gồm có 15 loại nhỏ như quân từ, trợ động từ, liên từ, giới từ, v.v. .) (1). Nếu như thế thì quả là các tác giả đã hiểu sai Fries C. C. bởi vì «function-words» (từ - chức năng) của Fries không phải «tức vụ», nghĩa là không phải là các chức năng của từ ở trong câu nói.

Phân loại khoa học phải phù hợp với mọi số nguyên tắc tối thiểu mà ai nấy đều biết :

1. Đối tượng phân loại, ngoài những đặc điểm riêng ra phải có đặc điểm chung. Trong phần nghiên cứu về «tức vụ», các tác giả Khảo luận đã lẫn lộn các đơn vị ngôn ngữ học, như từ (đơn vị cơ bản của ngôn ngữ), từ tố (đơn vị cấu pháp), câu (đơn vị của lời nói) với chức năng cú pháp của từ, từ tố trong câu. Vì vậy loại từ, lượng từ, phó từ, quan hệ từ, v.v. đang lẽ phải

(1) Fries, Charles Caspenter, *The structure of English*, NY, 1952.

được xử lí như những từ thì lại được xử lí như những chức năng phụ (từ vụ thứ) bên cạnh những chức năng chính (từ vụ chính) như chủ ngữ, vị ngữ, v. v.

2. Phải có căn cứ khách quan. Về điều này, các tác giả đã căn cứ vào ý nghĩa, và như đã nói ở trên, căn cứ đó chỉ có tính chất một chiều, có tính chất thuần túy tư biện, chưa thể gọi là căn cứ ngữ pháp.

3. Chỉ được có một căn cứ (nguyên tắc nhất quán), nghĩa là trong mọi bằng phần loại không được khi thì chọn căn cứ này, khi thì chọn căn cứ khác. Các tác giả Khảo luận phân chia từ loại thứ nhất (từ tính) theo ý nghĩa, còn chia từ loại thứ hai (từ vụ) thì theo «quan hệ các tiếng kết hợp với nhau trong câu» (183) và nói: «phân từ loại chúng tôi xét về hai phương diện khác hẳn nhau» (tr. 36). Các tác giả có dùng thuật ngữ «tác dụng theo ý nghĩa» và «tác dụng theo cú pháp». Mời xem qua, có thể tưởng rằng đó là một căn cứ. Nhưng sự thật không phải thế.

Trước hết, phải nói rằng việc dùng thuật ngữ «tác dụng» (các tác giả chủ thích là tương đương với *fonction* trong tiếng Pháp — tr. 22) ở đây, nếu không phải là do các tác giả không lĩnh hội nội dung của khái niệm mà các nhà ngôn ngữ học đã nhất trí công nhận thì là một cách đánh tráo khái niệm. Từ lâu, người ta nói đến «*fonction*» của từ là nói đến «chức vụ», «vai trò» của nó ở trong câu, hay trong sự tổ hợp với những từ khác, còn cái mà các tác giả gọi là «tác dụng theo phương diện ý nghĩa» thì chỉ là khái niệm ý nghĩa (không phải là nghĩa cụ thể) mà có người nói thêm là «ý nghĩa khái quát» hay «ý nghĩa ngữ pháp hóa», v.v. . .

Các loại phân định ra, loại nọ phải bài trừ loại kia. Nhưng phân chia ra «sự trạng động» và «sự trạng tĩnh» (tr. 157-158) rồi, các tác giả lại viết «phần nhiều trạng từ có thể dùng để vừa trở sự trạng động vừa trở sự trạng tĩnh, tùy theo ý nghĩa trong câu» (tr. 159) (1). Việc phân loại phó từ mà chúng tôi đã dẫn ra ở trên cũng không phù hợp với nguyên tắc thứ ba này.

(1) Và sao, các tác giả đã phải hợp nhất hai loại ấy lại: tuy vậy, thử hỏi phân loại phụ thế cỡ làm gì?

4. Các đối tượng nghiên cứu đều phải thuộc về một loại nhất định, và không có đối tượng nào đứng ở ngoài bảng phân loại. Khuyết điểm nghiêm trọng nhất của hệ thống từ loại trong Khảo luận là đã đặt loại từ, phó từ, lượng từ, quan hệ từ v.v. . ra ngoài bảng «từ tính» mặc dầu chúng cũng có «tác dụng theo ý nghĩa»: ý nghĩa ngữ pháp. Thậm chí có chúng loại như tao, mày, nó, v.v. . không được xếp loại, hoặc những loại như này, kia, ấy, ọ, v.v. . bị coi là «điểm từ», nghĩa là không nằm trong hệ thống «từ tính», cũng không nằm trong hệ thống «từ vụ» (tr. 622, 631. .)

Tóm lại, «tôn chỉ» nghiên cứu của tác giả chưa vững, còn nhiều thiếu sót.

Một nhà khoa học không thể đề cho trong lập luận của mình có mâu thuẫn, cũng không thể đề cho lập luận và cách giải quyết thực tế của mình mâu thuẫn với nhau. Các tác giả Khảo luận không làm đầy đủ điều đó.

— Các tác giả viết: «Ngôn ngữ có quy luật và phải theo tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn ấy là cách nói của đại đa số, chứ không phải cách nói của một thiểu số (tr. 35); nhưng lại lấy cách gáy âm tê tê te, hê hê hê, von vọt vọt, loè loè loe, v.v. . trong bài thơ khuyết danh làm mẫu mực của tiếng Việt.

— Các tác giả viết: «Phát ra âm được mà còn diễn tả một ý gì (ý này không thể phân tích được), thì mới là ngữ tố (133),» «ngữ (các nhà ngôn ngữ học miền Bắc gọi là từ ghép) . . . gồm nhiều từ đơn khác nghĩa nhau . . . những từ đơn trong một ngữ có quan hệ về ngữ pháp . . » (tr. 122), nhưng tất cả những từ ghép như dấu vết, tìm kiếm, v. v. . cũng gồm những từ đơn khác nghĩa nhau: «những yếu tố diễn tả một ý gì» (dấu khác vết, nói đánh dấu chứ không nói đánh vết; nói kiếm củi chứ không nói tìm củi (trừ trường hợp cá biệt v.v. có ý nghĩa khác hẳn v. v. .)). có quan hệ ngữ pháp với nhau (câu tạo theo quan hệ liên hợp) thì bị coi là «một ngữ tố» (tr. 35, 129 . .), «một đơn vị nhỏ nhất» như «tiếng lẻ» (tr. 35).

— Các tác giả viết: «quan hệ từ là liên dùng để diễn tả quan hệ của hai ý với nhau. Ta còn phân biệt quan hệ đồng đẳng và quan hệ sai đẳng» (tr. 441), nhưng dấu, tuy (tr. 360),

không những... còn (tr. 371), thà (tr. 438), v.v. ... là những từ «điển tả quan hệ của hai ý» lại bị coi là phó từ.

— Các tác giả viết: «Đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ là ngữ tố. Đơn vị nhỏ nhất trong câu nói [...] của Việt ngữ (theo Phan Khôi và chúng tôi) là «từ» (tr. 131). Nhưng nghĩ, mét, Gi trong đồng nghĩ tái mét, đồ cũ rõ ràng là không thể đứng một mình trong câu nói» (tr. 139) và đành ra chỉ là một «ngữ tố», thì lại được coi là những từ độc lập, có chức năng riêng là làm «hình dung từ» cho đồng, tái, đồ... (tr. 256).

Những chỗ mâu thuẫn như trên không phải là ít.

oOo

Công phu mà các tác giả Khảo luận đã bỏ ra để biên soạn cuốn sách này khá nhiều. Dung lượng cuốn sách khá lớn. Việc làm đó đáng được khuyến khích. Nhưng vì chưa có một cơ sở lý luận thật sự tiến bộ chỉ đạo, ảnh hưởng của ngữ pháp học duy lý còn khá nặng. Điều đó đã làm giảm bớt chất lượng của cuốn sách

... (bỏ ba dòng) ...

Ngôn ngữ do nhân dân sáng tạo ra và phát triển lên qua các thế hệ. Sự tiến bộ của ngôn ngữ học cũng như của các khoa học khác phải có tiền đề là sự tiến bộ của xã hội. Cho nên, chúng tôi nghĩ rằng (... bỏ một dòng ...) khi nào các tác giả gần gũi nhân dân hơn, thì thành công của các tác giả sẽ càng nhiều hơn.

HỒNG GIAO và TRẦN THƯỜNG



Thường thấy nói «Làm khó, phê bình dễ». Chúng tôi tưởng rằng lời ấy không hoàn toàn đúng, vì làm khi phê bình cũng khó, khó bằng làm, nếu chẳng khó hơn: người phê bình, ít ra, phải hiểu biết bằng người làm; có thể, phê bình mới không sợ mang tiếng mũi chĩa qua mắt thợ, hay là họa hổ loại cẩu.

Trước khi trả lời hai nhà phê bình, Hồng Giao và Trần Thường, chúng tôi thấy cần phải minh định một điều sau đây. Sách của chúng tôi soạn, không phải chỉ là một cuốn ngữ pháp thực hành, áp dụng hay phỏng theo một phương pháp sẵn có, vào tiếng Việt. Nếu chỉ như vậy thì chúng tôi đã nhường công việc ấy cho người khác.

Sơ soạn cuốn *KLNPVN*, tuy rằng chúng tôi đã dựa rất nhiều kinh nghiệm của người đi trước (*KL 45-46*) (1), tuy rằng chúng tôi dựa được những kết quả khảo cứu mới mẻ nhất về ngữ pháp nhất là về ngữ pháp học, nhưng chúng tôi cũng còn có tham vọng phân nào, dù chỉ là một viên gạch rất nhỏ, vào môn ngữ pháp học giới. (Chẳng lẽ về học thuật ta cứ vay mượn mãi của người mà nghĩ gì cống hiến?) (2). Vậy thì sách *KLNPVN*, ngoài phần được phương pháp của chúng tôi, còn có phần lí thuyết lấy làm căn bản phương pháp ấy. Nhà phê bình có nhận định ra điểm ấy thì thảo luận mới có hứng thú và bổ ích, khỏi đi vào những chi tiết vặt, mà mang tiếng là bới lông tìm vết, vạch lá tìm sâu.

Và lại, cuốn sách của chúng tôi cũng khá dày (trên 700 trang). Đối với người đọc, nắm vững được hệ thống nhất quán trong sách được từ đầu đến cuối, để đến lúc phê bình, khỏi lự mâu thuẫn, cũng là một việc khó nữa.



Thảo luận với hai ông Hồng Giao và Trần Thường, chúng tôi không theo trình tự trong bài phê bình, vì theo trình tự ấy cuộc thảo luận không được minh bạch khúc chiết. Vậy, chúng tôi sẽ gộp những điểm phê bình vào mấy mục: phương pháp, từ và từ loại (loại = từ tính + từ vụ). Mục thứ tư, và cũng là mục chốt, là phần luận, chúng tôi sẽ bày tỏ về một điểm khá quan trọng đối với phê bình: cái cơ sở lí luận *thời sự tiến bộ*, mà các ông muốn cho nó đạo chúng tôi, có thật là một phương pháp đúng để nghiên cứu ngữ hay không? Đọc bài phê bình và hỏi trả lời, độc giả cũng sẽ nhận định được lí thuyết về ngữ pháp hai ông Hồng Giao và Trần Thường, có giá trị đến mức độ nào.

I. PHƯƠNG PHÁP

1. Hai nhà phê bình cho rằng phương pháp chúng tôi nghiên cứu ngôn ngữ căn cứ vào cả bình thể lẫn nội dung « có phần đúng » (Tir. 39). Nhưng, chỗ khác, nhà phê bình lại cho rằng căn cứ vào ý nghĩa chưa đủ gọi là căn cứ ngữ pháp (Tir. 23), và dựa vào ý nghĩa để nghiên cứu ngữ pháp dễ mắc phải bế tắc (Tir. 29).

(1) Xin đọc là : « Xem Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam, trang 43-45 ».

(2) Vì mục đích ấy, và cũng để cho các nhà ngữ học ngoại quốc dễ dàng đọc phần của chúng tôi, chúng tôi đang soạn một bản bằng Pháp văn. Sách sẽ lấy tên « La structure de la langue vietnamienne » và có thể hoàn thành vào cuối năm nay.

(3) « Tir. 16 » : Xin hiểu là « Tham chiếu ở trên, trang 16 ».

Nếu nhà phê bình đọc kĩ cuốn KL, và để ý nhận định, thì đã thấy rằng vì Việt-Ngữ là thứ ngôn ngữ sách thể (langue isolante), không có từ pháp (morphologie), nên nghiên cứu về từ và ngữ, từ kép và từ tính, chỉ có thể căn cứ vào ý nghĩa, mà nghêo cấu từ vụ thì có kh cần củ cả vào ý nghĩa lẫn hình thức, có khi chỉ cần củ vào hình thức (hình thức ở đây, là hình thức cấu tạo và vị trí các từ đối với nhau).

2. Trong sách, chúng tôi đã viện dẫn De Saussure, Jespersen, Brunot, Martinet, Galichet, để chứng minh phương pháp của chúng tôi (Kl. 41-43). Nhưng, có thể rằng nhà phê bình cho đấy là ý kiến của học giả « tư sản », mà không đủ tin chúng ? Thì đây, chúng tôi dẫn lời những tác giả mà không ai dám phủ nhận tính chất « vô sản ». Ấy là Marx và Staline.

Một số đồng chí có đặt với Staline câu hỏi : « Theo đồng chí thì ngữ học phải chú trọng đến ý nghĩa của ngôn ngữ tới mức độ bao, hay là ngữ học chỉ cần lấy hình thức làm đối tượng ? » (« Dans quelle mesure, à votre avis, la linguistique doit-elle s'occuper du sens de la langue (...), ou bien la linguistique ne doit-elle avoir que la forme pour objet ? »)

Trước đó, Staline đã viện dẫn câu này của Marx : « Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, » (« La langue est la réalité immédiate de la pensée »), và còn thêm rằng ngôn ngữ dù là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, thì ngôn ngữ và tư tưởng có kết với nhau, mà không thể phân chia ra được (« ... la langue et tant que «réalité immédiate de la pensée», indissolublement liée à la pensée... ») (1)

Staline không nói đến « hình thức », nên chúng tôi không nản nguyện tìm về câu trả lời, trừ phi Staline hiểu ngôn ngữ là hình thức và tư tưởng là nội dung. Đến sao thì ta cũng thấy rằng Staline chủ trương không khác gì những nhà ngữ học « tư sản » chúng tôi đã dẫn trên, nghĩa là ngữ học phải cho ý cả nội dung lẫn hình thức. Nhưng chúng tôi xin phép nhắc lại rằng, về phương diện ngữ pháp, hình thức các ngôn ngữ Ấn Âu gồm từ pháp và cú pháp, mà của ta chỉ có cú pháp. Cho nên nghiên cứu về câu thì có thể căn cứ vào hình thức và nội dung, nhưng nghiên cứu về từ thì hoàn toàn căn cứ vào nội dung.

Muốn cho sáng tỏ vấn đề phương pháp, chúng tôi thêm rằng có hai quan niệm cực đoan về ngữ học. Một phái chỉ căn cứ vào ý nghĩa, tức là phái duy tâm (psychologistes hay mentalistes) và một phái chủ trương chỉ căn cứ vào hình thức, tức là phái « duy vật » (formalistes hay

(1) « Lettre à la camarade E. Kouchentchova », A propos du marxisme en linguistique, trong tập di cảo của Staline, nhan đề Œuvres écrites 1950-1953, Éditions sociales Paris 1953, trang 44-46.

mécanistes). (Đại vật nói ở đây, không liên quan gì đến quan niệm vật trong chủ nghĩa Marx.)

Nhân nói đến Staline, chúng tôi muốn nhắc lại cùng nhà phê rằng Staline còn viết: ngôn ngữ không thuộc vào thượng tầng kiến trúc chính trị, pháp luật, tôn giáo, triết học; ngôn ngữ cũng không thuộc tầng kiến thiết, coi ngôn ngữ có tính chất giai cấp, thì là một điều lầm lỗi rất nặng. «Un marxiste ne peut pas considérer la langue comme une superstructure au-dessus de la base; confondre la langue avec une superstructure, c'est commettre une grave erreur» — tr. 19. — «La thèse du «caractère de classes» de la langue est une erreur, non marxiste» — sđt. tr. 20). Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này sau, khi trả lời nhà phê bình về cơ sở lý luận chỉ đạo việc nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Chúng tôi thực tình không hiểu tại sao lấy một bài thơ kh danh làm tỉ dụ cho tiếng ba điệp từ, mà lại bị nhà phê bình chê t (Tr. 24), cho rằng như thế là trái với chủ trương lấy cách nói của đa số làm tiêu chuẩn.

Trang 96-97 KL, ngoài bài thơ khuyết danh, còn có nhiều tỉ dụ Bài thơ ấy có in trong Việt nam-văn học sử tiền của Dương Quảng tr. 122. Và lại, trái với các hạng tiếng điệp âm khác, về hạng tiếng điệp từ này, cũng như tiếng đối điệp âm đã mà âm lót vần (tr. 85), lấy bất cứ một từ đơn nào, và bất cứ ai cũng có thể tạo ra điệp âm được, nên không thấy có hạng tiếng ấy trong từ điển.

Những câu tục ngữ ca dao, không những khuyết danh, mà còn vô danh, vậy có thể lấy làm tỉ dụ cho ngôn ngữ được không? Còn nh lời nói nghe thấy ngoài đường ngoài chợ, mình ghi được mà không tên người nói, để thường cũng không thể dẫn làm tỉ dụ được?

II. TỪ

4. Chúng tôi lấy ngữ tố (morphème) để định nghĩa từ. Từ, đ là đơn (một âm), đủ là từ kép (nhiều âm), đều chỉ có một ngữ tố (133-135, 144, 146). Thảo luận mà không nắm được điểm này chốt thì dễ đi đến «nhập nhằng» (một danh từ của nhà phê bình dân Emeneau, tác giả *Studies in Vietnamese (Annamite) grammar*, gọi từ đ của ta là «morpheme-words». Nhiều nhà ngữ học Pháp cũng gọi từ đơn (mot simple) của họ là «mot-morphème».

Ngữ pháp của ta không có ngành từ pháp, vậy nên nghiên cứu từ, chỉ có thể căn cứ vào ý nghĩa, và từ cách cấu tạo tiếng điệp âm

(1) Nhưng chúng tôi đã viết ở KL 209 rằng cấu tạo tiếng điệp âm thuộc về âm nhiều hơn là ngữ pháp.

và điểm nói ở cuối mục này, chúng tôi hoàn toàn căn cứ vào ý nghĩa, chứ không như nhà phê bình đã viết sai rằng chúng tôi đã từ cái cực lấy ý nghĩa thuộc tây làm cơ sở, nhưy song cái cực tây hình thức là nền tảng (Ttr. 21).

Sở dĩ chúng tôi xếp *xanh xanh, chàm chàm, tranh đấu, quốc gia, ba lớp, bằng quy, tổ vô*, vào cùng một hàng, là vì mỗi tổ hợp chữ có một ngữ tố. *Xanh xanh, chàm chàm*, là từ kép điệp từ chỉ có một ngữ tố lặp lại; *tranh đấu, quốc gia* là từ kép điệp ý, hai ngữ tố đồng nghĩa hay gần nghĩa nhau, vậy cũng chỉ là một ngữ tố lặp lại; *ba lớp, bằng quy, tổ vô* là từ kép thuần túy, hai âm của mỗi tổ hợp đều vô nghĩa, hợp lại thành một ngữ tố. (Chúng tôi xin đọc giả coi lại những trang 66-69 và 133-135 trong KL, chép lại ra đây chỉ thêm dài dòng, vô ích. Riêng về từ kép *quốc gia*, xin đọc lời chú 1 tr. 69.)

Một đoạn khác, nhà phê bình bẻ chúng tôi rằng sao lại coi *dấu vết, tìm kiếm* là từ kép (từ kép điệp ý), mà phải coi là ngữ, vì *dấu* khác nghĩa *vết*, và *tìm* khác nghĩa *kiếm* (Ttr. 21). Xin giới Việt Nam tự điển (Khảo tri tiền đứơc, Hà Nội):

— *dấu* = hình vết để ghi nhớ, làm hiệu;

— *vết* = ngắn, dấu;

— *tìm* = lừng kiếm;

— *kiếm* = tìm.

Nhà phê bình đã dẫn tỉ dụ để chứng minh *dấu* khác với *vết*, *tìm* khác với *kiếm*, như nói *dánh dấu, kiếm củi*, chứ không nói *dánh vết, tìm củi*. Nhưng, chúng tôi cũng có thể dẫn tỉ dụ khác, để tỏ rằng *dấu* đồng nghĩa với *vết*, *tìm* đồng nghĩa với *kiếm*, như nói *dấu xe* hay *vết xe*, nói *tôi tìm anh mãi* hay *tôi kiếm anh mãi*. Nếu thảo luận vì sao nói *dánh dấu, kiếm củi* mà không nói *dánh vết, tìm củi*, sẽ đi vào phạm vi từ nghĩa học (sémantique) không còn trong phạm vi ngữ pháp nữa. Và lại, chúng tôi đã viết: «từ kép điệp ý gồm có hai từ đơn đồng nghĩa hay nghĩa gần giống nhau» (KL 67).

Nói quan hệ cú pháp là nói *quan hệ các từ với nhau* chứ không phải *quan hệ thành phần một từ*. Đã coi *dấu vết, tìm kiếm* là từ, thì không thể nói đến quan hệ cú pháp của hai thành phần *dấu* và *vết*, hay *tìm* và *kiếm*. Nói rằng *dấu vết* và *tìm kiếm* cấu tạo theo quan hệ liên hợp thì cũng có thể nói rằng *dưới xuôi* (từ kép thuần túy), *rộng rãi* (từ kép đơn ý) cũng có quan hệ cú pháp liên hợp, chẳng?

5. Nhà phê bình còn bẻ chúng tôi rằng những tiếng *ngọt, mệt, tối* (trong *đồng nghĩa, tôi mệt, đồ tối*) chỉ là ngữ tố, chứ không thể coi là từ được, vì những tiếng ấy «không thể đứng một mình trong câu nói» (Ttr. 25)

Đã là ngữ tố, theo chúng tôi quan niệm, thì là từ (KL 144-146). Chúng tôi đã giải thích ở trang 139-142, thế nào là «đứng một mình» và

«không đứng một mình». Vậy thì đáng lẽ ra nhà phê bình luận về điểm ấy, xét xem lối chúng tôi hiểu có đúng hay không, nếu không đúng thì nhà phê bình trình bày quan điểm của

Điểm này rất quan trọng về phương diện lý thuyết. Chúng tôi viết rằng ngữ tố đứng một mình và ngữ tố không đứng một mình là «free forms» và «bound forms» trong *Language* của Bloomfield. Nếu hai nhà phê bình chưa lãnh hội được hai quan niệm ấy cả Bloomfield cũng không lấy gì làm lạ, vì có người đã được người luyện cho về ngữ học, thì Bloomfield làm tổ sư mà cũng còn không hiểu chỉ người không phải là môn đồ của nhà ngữ học trừ

Bloomfield định nghĩa «free forms» và «bound forms» như sau: «A linguistic form which is never spoken alone is a bound form» (as, for instance, *John ran*, or *John*, or *ran*, or *running*) (Language 160). Chúng tôi dịch ra: Ngữ thể không độc lập (không đứng một mình) không bao giờ phát âm riêng rẽ, còn ngữ thể khác là ngữ thể độc lập (tức là đứng một mình được). Chúng tôi dịch «is spoken» (= nói) ra «phát âm», là vì «free forms» và «bound forms» chỉ có thể hiểu về từ pháp, tức là ngành nghiên cứu hình thể của từ, và nhất là những tiếng tiếp hợp (mọi đơn vị hình thể của từ là gì? chẳng là âm phát ra hay chữ viết để (xin xem lại KL 141, 142). Và lại, Bloomfield đã nhiều lần viết trong *Language* rằng ngôn ngữ cách thể (Việt ngữ thuộc loại này) là ngữ thể không độc lập.

Vậy thì «free forms» và «bound forms» (hay là ngữ thể không độc lập, và ngữ thể không độc lập, chỉ nói về hình thể chứ không nói về ý nghĩa. Diễn tả một khái niệm càng rộng bao nhiêu thì một khái niệm càng hẹp với nhiều từ khác. Trái lại, diễn tả một khái niệm càng hẹp với ít từ khác thôi. Tỉ dụ, từ cái có thể kết hợp với nhiều từ khác. Trái lại, diễn tả một khái niệm càng hẹp với ít từ khác thôi. Tỉ dụ, từ cái có thể kết hợp với hầu hết các tiếng trở sự vật, mà từ hoa chỉ kết hợp với những tiếng trở cây có hoa. Trường hợp dẫn ra, vì ý nghĩa của nó đối nên những từ ấy chỉ có thể đi với một số ít từ khác. Một từ có thể dùng một mình, như nói người kéo đến nghìn nghìn người, nói là ới, có nghĩa là «chỉ», ngoài tỉ dụ «đổ ới» dẫn ra còn thiếu Việt Nam từ điển: «ruộng đầy ới nước», «ổ ới của không thiếu gì như nhấc» nghĩa là như chảo rách, KL 136, chỉ đi với từ chỉ đi với đồ và chao, v.v.)

Tóm lại, hai đoạn này nên thảo luận về hai điểm: a) lấy ngữ tố để định nghĩa từ, có được không?

văn học

b) Nếu ngữ thể đứng một mình và ngữ thể không đứng một mình theo quan điểm trong *KLNPVN* có đúng không?

Chúng tôi xin thêm rằng đúng ngữ thể để định nghĩa từ, ta mới phân biệt được hai hạng từ hợp tính chất khác nhau mà chúng tôi phân biệt là từ kép (một ngữ 16) và ngữ (trước ngữ 16), mà từ trước tới giờ vẫn cho vào một hạng (xin đọc lại *KL* 124-127, 131-132, 135, 137).

g. Trong *KLNPVN*, từ trang 113 đến trang 117 (đặt vào «Phụ lục» nhan đề «Ấp đền nghi dân...» có mục đích gì?

Theo lịch trình cấu thành Việt ngữ, ta đã mượn rất nhiều từ của ngoại ngữ như Thái, Môn-khơ-me, v.v... và nhất là của Hán ngữ. Nhưng cứ hiện tình khoa từ nguyên học của ta, chưa biết được hết những tiếng nào là mượn, tiếng nào là Việt thuần túy. Cho nên người muốn nghiên cứu «từ mượn» (lại một danh từ nữa đang trong bài phê bình) như chúng tôi, muốn tìm xem có cách nào định được những từ Việt thuần túy không. Vì thế mà phải đặt ra giả thuyết.

Vẫn biết rằng nghĩa của từ là do xã hội quy định (Tr. 21), nhưng chúng tôi đã viết rằng từ tiền ta đặt ra từ, có theo phép tắc nào không mà chúng ta chưa tìm ra (*KL* 113). Tay có nhắc lại những giả thuyết về nghĩa của phụ âm đầu và của giọng (thanh), chúng tôi thiên hơn về những «văn gốc» (*KL* 116), và vẫn còn mong rằng và trong tương lai sẽ có thời giờ đi sâu vào vấn đề này hơn nữa, mặc cho ai chàm biếm là «duy tâm». Nhưng thực ra, vấn đề «văn gốc» không hoàn toàn căn cứ vào ý nghĩa, mà còn có liên quan đến hình thể.

III. — TỪ LOẠI (TỪ TÍNH + TỪ VỤ)

7. Trước khi cho in cuốn *KLNPVN*, chúng tôi đã có ý định, cho in trên đầu sách, một dòng như sau: «Khi đọc cuốn sách này, xin đọc giả đứng nghĩ đến ngữ pháp cổ điển của Tây phương, và cũng xin đừng coi những từ ngữ chuyên môn chúng tôi dùng là tương đương hẳn với từ ngữ dùng trong các sách ngữ pháp cổ điển». Nhưng, e vô lý với độc giả, chúng tôi không dám cho in nữa. Nay được đọc bài phê bình, nghĩ lại, già mà có mấy lời báo trước ấy, thì đã khỏi làm mất công hai nhà phê bình phải viết rất nhiều về mục này. Mặt khác, nếu nhà phê bình có đọc qua những tài liệu chúng tôi dẫn ở đầu sách (tr. 49-51) thì chắc là lời chỉ trích chúng tôi cũng nhẹ bớt đi nhiều.

Đọc bài phê bình, chúng tôi nhận thấy hai nhà phê bình còn quá sơ suất với ngữ pháp cổ điển, với thuật ngữ của phương pháp cổ điển. Ta phải hiểu bộ chữ 1600 chữ giữ làm gì những quan niệm trong ngữ pháp cổ điển, mà chính người Tây phương nhận định là không đúng, muốn bỏ đi (*KL* 47). Lấy ngữ pháp tiếng cổ Hi Lạp làm mô phạm cho

ngữ pháp các ngôn ngữ Ấn-Âu hiện đại, đã là một cái lăm (KL lấy làm mẫu mực cho tiếng Việt, tiếng Hán, là một cái lăm tức là

8. Trước hết, xin nói về hai danh từ «tư loại» và «tác dụng

Tuy rằng, *tư* = *mot*, *loại* = *espèce*, nhưng chúng tôi không «tư loại» theo nghĩa là «espèces de mots» trong ngữ pháp cổ điển

Chúng tôi phân biệt các từ dùng trong ngôn ngữ không ra hai loại lớn như Fries C.C., mà theo hai phương diện: từ tính và từ vụ. Hai nhà phê bình tưởng chúng tôi bắt chước Fries và chúng tôi chiều sai tác giả *The Structure of English* (Ttr. 22), chúng nhà phê bình đã chiều sai chúng tôi. Phân chia theo từ tính và từ vụ, mà phân chia theo từ vụ cũng là phân loại. Vậy nói rằng từ tính và từ vụ là hai loại về từ tính và từ vụ, thì có hai loại gọi là *espèces logiques*, loại về từ vụ là *espèces syntaxiques*.

9. Chúng tôi đã dịch *fonction* ra tác dụng (cũng có thể dịch ra công dụng, hay chức năng). Nhà phê bình cho rằng các nhà ngữ học đã nhất trí công nhận *fonction* là chức vụ, là vai trò của từ trong câu (Ttr. 23). Như vậy, tức là *fonction* chỉ hiệu theo nghĩa là *fonction grammaticale*, hay đúng hơn là *fonction syntaxique*. Và nhà phê bình trích chúng tôi rằng không hình hội nội dung của khái niệm, nếu thì là một cách đánh tráo khái niệm.

Nếu có nhất trí, thì chỉ là nhất trí trong số các nhà ngữ pháp cổ điển, chứ đối với những nhà ngữ học tân bộ thì hiện nay *fonction* dùng theo nhiều nghĩa khác nghĩa cổ điển là *fonction syntaxique*. Thế mà trang 23 KL, chúng tôi đã viện dẫn ra rằng các nhà ngữ học phải am hiểu lẫn nhau về danh từ *fonction*. Chúng tôi xin đơn cử một tác giả là P. Guiraud, trong cuốn *La grammaire*, phần I, *fonction sémantique* (tác dụng về từ nghĩa), như ở trang 89, để chứng minh rằng *fonction* trong môn ngữ học, không nghĩa độc nhất là *fonction syntaxique*.

10. Do những sách chúng tôi đã đọc, và gom góp những điều biết và suy luận, chúng tôi chủ trương như sau:

Dùng trong lời nói, mỗi từ có hai giá trị (*valeur*): một giá trị về từ nghĩa (*valeur sémantique*), một giá trị thuộc về ngữ pháp (*valeur grammaticale*).

Giá trị về từ nghĩa, tức là ý nghĩa (*sens, signification*) của từ nói. Giá trị này thuộc về từ nghĩa học (*sémantique*). Từ dụ câu «giúp cậu em đỡ đỡ», tiếng cậu thứ nhất có nghĩa là «trợ giúp», có lẽ bằng sắt đỡ bởi đất lên» (VNTĐ). Nhưng từ thứ hai có nghĩa là «đỡ cái cuốc mà bởi đất lên» (VNTĐ). Bởi vậy giá trị về từ nghĩa của hai tiếng «đỡ», giá trị ấy thuộc về từ ngữ

Chúng ta bàn về ngữ pháp, vậy không phải quan tâm đến giá trị về từ nghĩa học hay ý nghĩa của từ, mà chỉ cần nói đến giá trị về ngữ pháp của từ trong lời nói.

Xét đến giá trị của từ về ngữ pháp, có hai phương diện: một phương diện về khái niệm (*aspect conceptuel*), và một phương diện nữa về cấu tạo (*aspect structurel*).

Về phương diện khái niệm thì từ diễn tả hoặc sự vật hoặc sự trạng, tức là từ có giá trị là thể từ hay trạng từ. Vậy thì phương diện khái niệm định từ tính (*nature du mot*). Về từ tính chúng tôi coi là tác dụng của từ về ý nghĩa (*fonction logique*). Tác dụng của từ về ý nghĩa khác với giá trị của từ về từ nghĩa. Giá trị về từ nghĩa thuộc từ nghĩa học, mà tác dụng về ý nghĩa là một phương diện của giá trị về ngữ pháp, chúng tôi sẽ nói thêm ở dưới. (xem điều 13).

Về phương diện cấu tạo (tức là các từ kết hợp với nhau thành từ mới), thì từ dùng làm chủ từ, thuật từ, bổ từ, v.v. Phương diện khái niệm định từ tính, thì phương diện cấu tạo định từ vụ, và từ vụ chúng tôi coi là tác dụng của từ về cú pháp (*fonction syntaxique*).

11. Thể từ và trạng từ là những loại thuộc về ý nghĩa (*espèces logiques*). Chủ từ, thuật từ, bổ từ, v.v. là những loại thuộc về cú pháp (*espèces syntaxiques*).

Trong hệ thống ngữ pháp, từ loại thuộc về ý nghĩa và từ loại thuộc về cú pháp, nói gọn hơn là từ tính và từ vụ, có liên quan với nhau (1), vì có loại về từ tính chỉ có thể dùng vào những từ vụ nhất định. Ví dụ: thể từ và trạng từ cũng có thể dùng làm thuật từ, mà chỉ có thể từ dùng làm chủ từ, thuật từ, bổ từ thời, không gian, loại từ, v.v.; trái lại, trạng từ không thể dùng vào những từ vụ ấy. Chỉ có trạng từ dùng làm phó từ bị động hay phó từ tác động, mà thể từ không thể dùng vào từ vụ ấy.

Tuy vậy, từ vụ chiếm phần quan trọng hơn từ tính (phần thứ hai và phần thứ ba trong KL gồm có 26 chương mà chỉ có một chương nói về từ tính), vì từ vụ do mối liên hệ các từ trong câu định ra, mà những liên hệ ấy là căn bản của cách cấu tạo câu. Chính những mối liên hệ ấy là nòng cốt của câu, định ra hình thức cấu tạo; chính nhờ có mối liên hệ ấy mà câu mới có ý nghĩa. Nghĩa một câu không phải chỉ là tổng hợp nghĩa của các từ cấu thành câu ấy, mà còn tùy thuộc mối liên hệ trong các từ ấy nữa. Ví dụ, ta lấy ba từ: *Giáp*, *Ất* và *danh*. Theo toán học hoàn vi, ba từ có thể kết hợp với nhau theo: $1 \times 2 \times 3 = 6$

(1) Về thể chúng tôi không đồng ý với De Saussure và Mauxouau cho rằng phân loại theo từ loại không thuộc về ngữ pháp (xem KL 209, chú 3).

phương thức: (1) *Giáp Ất đánh* — (2) *Giáp đánh Ất* — (3) *đánh Giáp Ất* (4) *Ất Giáp đánh* — (5) *Ất đánh Giáp* — (6) *đánh Ất Giáp*. Trong 6 phương thức kết hợp, chỉ có hai phương thức, phương thức 2 và phương thức 5, đủ điều kiện ý nghĩa thành câu, mà hai câu ấy, ý nghĩa trái hẳn nhau.

12. Tóm lại, đang trong lời nói, từ có hai tác dụng (fonction): tác dụng về ý nghĩa (fonction logique) và tác dụng về cú pháp (fonction syntaxique). Vì thế mà chúng tôi phân biệt hai loại: một loại về từ tính (espèce logique), một loại về từ vụ (espèce syntaxique). Chúng tôi lấy ví dụ sau đây để chứng minh:

	Chủ từ	Thuật từ
I	(A) Chim	bay
	(B) Giáp	hắn chim
	(C) Họ	nói rít rít như chim
	(D) Một đầu chim sẽ	bay
II	(E) Lũ	tại anh.
	(G) Nó	phải uống (tại anh. (1))
	(H) Giáp	đọc sách tại thư viện

Tỉ dụ I: Trong bốn câu, về từ tính, tiếng *chim* là thể từ. Nhưng về từ vụ, thì *chim* dùng làm chủ từ trong câu A, dùng làm khách từ cho trạng từ *bắn* trong câu B (KL 222), làm tính dụng từ cho trạng từ *rít rít* trong câu C (KL 224), làm loại từ cho thể từ *sẽ* trong câu D (KL 235).

Tỉ dụ II: Trong hệ thống, về từ tính, tiếng *tại* là trong từ. Nhưng về từ vụ, *tại* dùng làm thuật từ trong câu E, làm quan hệ từ trong câu G (KL 300), làm phó từ cho thể từ *thư viện* trong câu H (KL 371).

Chúng tôi dẫn tỉ dụ khác, tuy rằng không có tính chất gì về ngữ pháp, nhưng để so sánh cụ thể hơn với từ tính và từ vụ. Ta lấy một người là anh Giáp. Đối với xã hội, anh Giáp là một công dân. Trong gia đình, đối với cha mẹ, anh là con, đối với vợ, anh là chồng, đối với con, anh là cha, v.v... Bản chất, anh Giáp dù ở trong gia đình hay ngoài xã hội vẫn chỉ là một người, nhưng tùy trường hợp, anh đóng vai trò này hoặc vậy là công dân, là con, là chồng, là cha, v.v

13. Chúng tôi xin giải thích thêm về giá trị từ nghĩa (= ý nghĩa) và tác dụng về ý nghĩa (= giá trị ngữ pháp theo phương diện khái niệm = từ tính).

Trong câu *Chim bay* từ *chim* có nghĩa là loài vật có lông vũ, có cánh bay, và từ *bay* có nghĩa là di động trên không. Đó là ý nghĩa của hai từ *chim* và *bay*, là giá trị về từ nghĩa.

(1) Trong câu G, *tại anh* là bổ từ nguyên nhân.

Về ngữ pháp, ta chỉ cần biết đến giá trị ngữ pháp theo phương diện khái niệm và giá trị ngữ pháp theo phương diện cấu tạo.

Nói về phương diện thứ nhất (tức là), theo định nghĩa từ *chín* thì *chín* là một vật. Vậy thì ngay trong từ *chín* đã có một ý niệm rằng hơn 5 «chín», bao quát tất cả các gì ta gọi chung là sự vật. *Chín* là sự vật, người là sự vật, cái bàn, cái ghế cũng là sự vật. Ý niệm khái quát ấy, gọi là khái niệm cơ bản (concept premier hay concept fondamental).

Khái niệm «sự vật» là một khái niệm cơ bản (1), và tiếng dùng để nói khái niệm «sự vật» ta gọi là từ thể từ. Trong môn ngữ pháp, về từ tính những từ *chín*, *người*, *bàn*, *ghế*, là từ thể từ. Nói rằng *chín*, *người*, *bàn*, *ghế* là từ thể từ, ta chỉ cần biết rằng những từ ấy trở sự vật, mà không cần hiểu đến ý nghĩa riêng của từng từ một, ý nghĩa ấy thuộc về từ nghĩa học.

Nói đến một sự vật thì thường ta nói sự vật ấy là «gì» hay thế nào; ví dụ: «*Chim bay*» hay «*Ngựa chạy*» là nói sự vật làm gì, động tác gì, và nói «*Trời xanh*» hay «*Mây trắng*» là nói sự vật thế nào, sự vật có tính chất gì. Sự vật động tác hay sự vật có tính chất gì, ta nói chung là sự vật ở trạng thái động hay tĩnh nào. Sự vật ở trạng thái nào, nơi gọi là «sự trạng» cũng là một khái niệm cơ bản, và tiếng dùng để trở khái niệm «sự trạng» ta gọi là trạng từ. Như ở mấy từ dụ vừa dẫn, những từ *chín*, *ngựa*, *trời*, *mây* là từ thể từ, và những từ *bay*, *chạy*, *xanh*, *trắng*, là trạng từ.

Tóm lại, có hai khái niệm cơ bản là sự vật và sự trạng. Vậy từ loại về từ tính có thể từ và trạng từ. Từ thể từ và trạng từ là tiếng có thực nghĩa. Về từ tính, ngôn ngữ của ta còn có một loại thứ ba nữa, không có thực nghĩa, chúng tôi gọi là trợ từ (KL 130-131).

14. Vẫn biết rằng phân ra từ tính và từ vụ không có gì mới mẻ, và đúng như nhà phê bình đã viết, các nhà ngữ pháp cổ đại Hi, La cũng đã phân biệt như vậy (tr. 21). Nhưng, tiến hơn các nhà ngữ pháp cổ đại, tiến hơn phương pháp cổ điển, là ở chỗ đặt khoaát, để chứng minh, chúng ta lại phải nhắc đến lỗi phân từ loại theo phương pháp cổ điển này.

Ngữ pháp cổ điển phân biệt mười từ loại là article, substantif (hay nom), adjectif, pronom, verbe, participe, adverbe, préposition, conjonction và interjection. (Về sau, bổ participe, còn chín từ loại).

(1) Tất cả những ý niệm, những cái ta cảm niệm được trong tư tưởng, dù cụ thể hay trừu tượng, do con người xếp chúng vào một số ít khái niệm cơ bản, nhà triết học còn gọi là phạm trù của tư tưởng (catégorie de la pensée, hay catégorie pensonnelle). Khái niệm «sự vật» là một phạm trù của tư tưởng, và khái niệm «sự trạng» nói ở dưới cũng là một phạm trù của tư tưởng.

Nhiều nhà ngữ học hiện đại chỉ trích lối phân loại trên, cho rằng không hợp lý, vì đáng lẽ chỉ căn cứ vào một tiêu chuẩn nhất định nào ngữ pháp cổ điển đã đặt tên và định nghĩa từ loại theo ba tiêu chuẩn khác nhau, là từ tính, từ vụ và vị trí: *verbe*, *substantif* và *participe* thì theo từ tính; — *pronom*, *article*, *adjectif*, *adverbe* và *conjonction* thì theo từ vụ, — còn *préposition* và *interjection* thì theo vị trí.

Cách phân chia ra mười từ loại như trên, là bất chước những nhà đặt ra văn pháp cổ ngữ Hi, La; nhưng theo J. Vendryes thì ngay đối với Hi ngữ cách phân loại ấy cũng đã không đúng rồi, làm sao mà áp dụng cho các ngôn ngữ khác được? (*Le langage* 136) Vì thế mà nhiều nhà ngữ học Tây phương đã nghĩ sửa lại lối phân từ loại cho hợp lý hơn, và nhất là hợp với ngôn ngữ. Nhưng, vẫn theo Vendryes thì phân từ loại là điều khó khăn, khó khăn đến nỗi chưa ai tìm được cách phân loại nào thỏa đáng. (*« La difficulté de classer les parties du discours est telle qu'on n'est pas arrivé jusqu'ici à une classification satisfaisante. »* — Sdt. 136)

15. Điều trên, chúng ta đã nói về «*espèces de mots*» (từ loại) theo ngữ pháp cổ điển. Về «*fonction*» (tức là *fonction grammaticale* = chức vụ ngữ pháp) thì có: *sujet*, *verbe* (1), *complément d'objet*, *complément circonstanciel*, *complément déterminatif*, *apposition*, *épithète*, *attribut*. Từ loại *verbe* chỉ có thể dùng vào chức vụ *verbe* (thuật từ). Từ loại *adjectif qualificatif* có thể dùng hoặc làm *épithète*, hoặc làm *attribut*. Từ loại *substantif* (nom) và *pronom* có thể dùng vào tất cả các chức vụ nói trên, trừ chức vụ *verbe* (thuật từ) và chức vụ *épithète*.

Không thấy nói đến chức vụ cho các hạng *adjectif*, ngoài *adjectif qualificatif*, (tức là *adjectifs démonstratifs possessifs, numéraux, indéfinis, interrogatifs*), và chức vụ cho các từ loại *article*, *adverbe*, *conjonction* và *préposition*. Ấy là vì định nghĩa những hạng và loại kể trên đã căn cứ vào chức vụ ngữ pháp rồi.

Đó là cách phân chia từ loại và chức vụ ngữ pháp (chúng tôi gọi là từ tính và từ vụ) mà chúng tôi muốn tránh. Nó an, *pronom*, *verbe* và *adjectif qualificatif* thì có cả từ tính và từ vụ; còn các loại khác tuy xếp vào từ tính mà định nghĩa theo từ vụ. Vậy thì từ tính của các loại sau là gì? Chúng tôi đơn cử tí dụ sau để thử mình chỗ bất nhất trong phương pháp cổ điển. Nói: *« Il viendra ce jour »* (Anh ấy tới hôm nay) thì *jour* là *substantif* dùng làm *complément circonstanciel de temps* (bổ từ thời gian); mà nói *« Il viendra aujourd'hui »* (cũng có nghĩa là: Anh ấy tới hôm nay) thì *aujourd'hui* là *adverbe de temps*.

(1) *Verbe* có hai nghĩa: một nghĩa và từ tính tương đương với trạng từ, một nghĩa và từ vụ tức, thuật từ (KL 170)

không cần nói đến chức vụ ngữ pháp. Một điểm nữa ta có thể cho là không hợp lý: *Jour* có nghĩa là ngày, *aujourd'hui* có nghĩa là ngày hôm nay, vậy hai tiếng về từ tính phải xếp vào cùng một loại, mà sao *jour* là *substantif*, và *aujourd'hui* là *adverbe*? Ấy chỉ vì phương pháp cổ điển còn nặng về từ pháp (morphologie) nên đã xếp hai tiếng vào hai loại khác nhau: *jour* có biến vị (*flexion*) tùy theo số tính, mà *aujourd'hui* không có tính cách ấy.

16. Chúng tôi đã nói rằng phương pháp của chúng tôi tiến hơn phương pháp cổ điển, chính vì chúng tôi đặt khoát chia từ theo hai phương diện. Không kể trợ từ, còn thì bất cứ từ nào cũng có thể xếp một mặt về từ tính, một mặt về từ vụ. Vậy, có nói rằng đây là một lộn chỉ trong phương pháp của chúng tôi, tưởng cũng không có gì quá đáng. « Một số người ở Sài-Gòn (có) viết hẳn hai vào sách giáo khoa rằng đó là sự phát hiện của tác giả (KINP'IN) », thì là họ nhận định đúng, và cách chúng tôi xếp loại cũng không có gì là « mâu thuẫn » như nhà phê bình đã tưởng (Ttr. 24).

Đã nói rõ thế nào là từ loại, từ loại gồm có từ tính và từ vụ, từ tính thì phân chia theo tác dụng về ý nghĩa, từ vụ thì phân chia theo tác dụng về cú pháp, vậy thì cách phân chia ấy chỉ có một căn cứ: phân chia theo từ tính có một căn cứ, và phân chia theo từ vụ cũng chỉ có một căn cứ. Các nhà phê bình không lãnh hội điểm quan trọng ấy, và tưởng rằng chúng tôi không tôn trọng « nguyên tắc nhất quán » (Ttr. 23). Chúng tôi xin nhắc lại: từ tính là một hệ thống, từ vụ là một hệ thống khác. Mỗi hệ thống, mỗi loại chỉ có một căn cứ. Mỗi hệ thống, mỗi loại không thể theo hai căn cứ, thì trái lại không thể theo cùng một căn cứ duy nhất cho hai hệ thống, cho hai loại.

Những lời giải thích trên, và những tỉ dụ dẫn ở điều 12, đủ để chứng minh cũng nhà phê bình vì sao chúng tôi đặt loại từ, lượng từ, phó từ, quan hệ từ, v.v. ra ngoài bảng « từ tính »: những loại ấy là từ vụ thì sao có thể nhập vào loại từ tính được?

17. Trong một quyển ngữ pháp, làm sao mà kê ra tất cả những tiếng dùng làm thể từ hay trạng từ được? Người đọc nắm vững được định nghĩa hai từ loại ấy (về từ tính) thì cứ tiếng nào trở sự vật coi là thể từ, tiếng nào trở sự trạng thì coi là trạng từ.

Nhà phê bình trách chúng tôi rằng « *tao, mày, nó*, v.v. không được xếp loại » (Ttr. 24). Những tiếng ấy trở người, tức là trở sự vật, vậy là thể từ. Có lẽ nhà phê bình còn mơ tưởng đến từ loại *pronom* (= đại danh từ) chẳng? Đại danh từ nghĩa là thay cho danh từ, vậy những tiếng *tao, mày, nó* thay cho danh từ nào mà gọi là đại danh từ? (Vendryes cũng như Tesnière xếp những tiếng *toi, moi, lui, qui, quoi*, v.v. trong Pháp ngữ vào loại *substantif*, mặc dầu những tiếng ấy theo phương pháp cổ điển thuộc vào từ loại *pronom*).

Còn những tiếng *này, kia, ấy, nó*, không phải chỉ là « điểm từ » Trang 623 KL, chúng tôi có nói đến những tiếng ấy, và cho rằng đây là thể từ (từ tính). Còn về từ vụ; thì phải tùy chức vụ trong câu mà định. « Điểm từ » nói ở KL 631 chỉ là một tác dụng phụ. Nói đến *này, kia, nó, ấy*, xin đừng nghĩ đến *adjectifs démonstratifs* trong ngữ pháp cổ điển Pháp.

18. Chúng tôi xếp vào cùng một loại từ tính, gọi là trạng từ, những tiếng mà các sách ngữ pháp của ta trước kia theo ngữ pháp của Pháp xếp vào hai loại « động từ » và « tính từ » (có người gọi là « từ tính từ »). Các nhà phê bình cho là « trong tiếng Việt (...) điều (đó) có thể được » (tr. 18), nhưng còn thêm rằng « đó là vì chúng có những đặc tính ngữ pháp giống nhau chứ không phải vì chúng biểu thị « sự trạng ». Người Pháp, người Anh, người Nhật, v.v. đều có thể có quan niệm về « sự trạng » như vậy, nhưng không thể quy động từ và tính từ trong các ngôn ngữ Pháp, Anh, Nhật, v.v. vào cùng loại « trạng từ » vì đặc trưng ngữ pháp của hai từ loại này khác nhau ».

Nếu chúng tôi không hiểu lầm ý của nhà phê bình, thì « đặc tính ngữ pháp », ở đây là nói về từ pháp (morphologie). Chỗ này nhà phê bình nói có điểm đáng. Chúng tôi không biết người Anh và người Nhật có quan niệm gì về « sự trạng » không, nhưng người Pháp thì có. Ấy là quan niệm « *procès* » chúng tôi đã nói đến trong KL 175. Hiện giờ thì ngữ học Pháp chưa xếp *verbe* và *adjectif qualificatif* vào cùng một loại từ tính, vì còn nặng nề từ pháp, đặc tính hiển vi của hai loại ấy khác nhau. Nhưng, biết đâu rằng họ chẳng « *tiến* » dần đến điều ấy, vì trong giáo trình *Grammaire et philologie*, tr. 156, giáo sư R. L. Wagner đã nói đến « *procès conço sous l'aspect d'un événement* » (tức là sự trạng động) và « *procès conço sous le simple aspect d'état* » (tức là sự trạng tĩnh). Về sự trạng tĩnh, Wagner có nói rằng Pháp ngữ điển là bằng cách « *cêtre + adjectifs* ». L. Tesnière cũng chủ trương rằng muốn đổi *adjectif* ra *verbe* chỉ cần thêm một *verbe auxiliaire* như *être* (KL 170). Nhưng, chúng tôi đã viết trong KL 503, 505, rằng *verbe cêtre* không có ý nghĩa gì, vậy thì phương thức *verbe = être + adjectifs* thành ra « *verbe = O + adjectifs* », tức là « *verbe = adjectifs* ».

Nếu hiểu đặc tính ngữ pháp là cách dùng trong câu (= từ vụ) nghĩa là *verbe* chỉ dùng làm thuật từ (prédicat), mà *adjectif* chỉ dùng làm *attribut*, thì ngày nay quan niệm ấy cũng đã thay đổi rồi. Trong KL 503-505 chúng tôi đã dẫn Mallery, Jespersen và Sechehaye để chứng minh rằng các nhà ấy muốn thay quan niệm *attribut* bằng quan niệm *prédicat*.

19. Chúng tôi không muốn dùng hai tên gọi là « thực từ » và « hư từ », vì đọc những sách Hán văn dẫn trong KL 40-50, cũng nhiều sách khác nhận được về sai, chúng tôi chưa tìm ra định nghĩa nào coi là thật chính xác. Chúng tôi sẽ nghiên cứu thêm để xem nên dùng hai danh từ ấy về từ tính hay từ vụ.

Nhưng, nhiều nhà ngữ học Tây phương đã theo giới ngữ học Trung Hoa, phân chia từ loại ra thực từ và hư từ. Fries đã muốn theo lối phân chia ấy. Vendryes thì chia thực từ ra hai loại: *nom* và *verbe* (đấy cũng là ý kiến của Meillet); từ loại *nom* thì gồm có *substantif*, *adjectif* và *adverbe*. Còn các loại khác như *article*, *conjonction*, *préposition* là hư từ. Tesnière cũng coi bốn loại *substantif*, *verbe*, *adjectif* và *adverbe* là thực từ, và các loại khác là hư từ, nhưng nhà này gộp *substantif* và *adjectif* vào một loại, *verbe* vào *adverbe* và một loại nữa.

Chia như vậy, vẫn chưa hợp lý và chưa dứt khoát hẳn về phương diện từ tính cũng như về phương diện từ vụ. Theo chúng tôi, có thể hợp hai loại *adjectif* và *verbe* làm một, mà không thể hợp hai loại *adjectif* và *substantif*. Khái niệm *substantif* khác khái niệm *adjectif*, và khái niệm này gần khái niệm *verbe* hơn. Vendryes dẫn tí dụ «*Je suis fort*» (Tôi khoẻ) và «*Je suis roi*» (Tôi là vua) để chứng minh hai loại *adjectif* và *substantif* có thể gộp vào làm một. Về phương diện từ vụ thì được, vì *fort* hay *roi* cũng là thuật từ, nhưng về phương diện từ tính thì không ổn. Trong câu «*Je suis fort*», *fort* trở tính chất hay trạng thái tính, mà trong câu «*Je suis roi*», *roi* không trở tính chất hay trạng thái tính, mà dùng để đồng nhất chủ từ với thuật từ. Câu thứ hai có thể thay bằng phương thức «*Je (moi) = roi*», mà câu thứ nhất không thể thay bằng phương thức «*Je (moi) = fort*» được.

Vả lại, về ý nghĩa, không hẳn là *préposition* và *conjonction* đều là hư từ.

Có nhiều tiếng *conjonction* và *préposition* rõ ràng là *substantif*, *verbe*, *adverbe* hay *adjectif*. Tđ. *préposition* thì có *chez*, *excepté*, *sans*, *durant*, *pendant*, *suiuant*, *à cause de*, *à côté de*, *à force de*, *à la faveur de*, *au lieu de*, *au milieu de*, *faute de*, *le long de*, *au sujet de*,... *conjonction* thì có *partant*, *loutefois*, *à condition que*, *afin que*, *à mesure que*, *attendu que*, *de sorte que*, *c'est-à-dire*, *c'est pourquoi*,...

Vì thế mà A. Meillet đã viết rằng bất cứ từ loại nào, kể cả *verbe*, cũng có thể tạo ra *conjonction* («*Il n'y a pas d'espèce de mot qui ne puisse livrer des conjonctions. Le verbe même en fournit*».—*Linguistique historique et linguistique générale*, I. 169). G. Galichet thì viết rằng nhiều tiếng *nom* và *verbe* trở thành *préposition* («*Beaucoup de noms et de verbes sont devenus prépositions*».—*Physiologie de la langue française*, 81).

F. Brunot nói đến «*préposition—adverbe*» và «*adverbe—préposition*», còn cho rằng lắm khi khó phân biệt *adverbe* và *conjonction* (*La pensée et la langue* 411, 412, 702). P. Guiraud thì cho rằng *préposition* và *conjonction* & *adverbe* mà ra («*La préposition et la conjonction sont d'anciens adverbes*».—*Syntaxe du français* 17, lại cho rằng theo từ nguyên *préposition* là *nom* («*La préposition est [...] étymologiquement un nom [...]: dans mon jardin = à l'intérieur de mon jardin*». —sđt 58)

20. Về từ vụ, một điểm cần trả lời nhà phê bình là phó từ chủ quan.

Trong hệ thống ngữ pháp, quan hệ các từ về ý nghĩa định ra quan hệ về cấu tạo. Nhưng Việt ngữ là ngôn ngữ cách thể không có từ pháp, không có hình thức biến vĩ và hình thức phù hợp, nên tiếng chính và tiếng phụ (1) có vị trí nhất định trong câu. Như nói «bỏ hoa», «trong nước», ta cần nhắc quan hệ về ý nghĩa của bỏ và hoa, của trong và nước, rồi ta định quan hệ về cú pháp, và ta nhận thấy rằng lượng từ đơn vị (KL 371) và phó từ xác định (KL 371-373) đứng trước tiếng chính.

Về phó từ chủ quan, chúng tôi đã nói phải hiểu danh từ «chủ quan» về ngữ pháp ra sao (KL 124) chúng tôi đã định nghĩa phó từ chủ quan là tiếng diễn tả ý kiến hay ý chỉ về một sự vật hay sự trạng, hoặc về một việc (KL 423). Chúng tôi cũng đã phân biệt cùng một trạng từ khi nào dùng làm phó từ chỉ quan, khi nào dùng làm tiếng chính (KL 429, 430, 578).

Trong hai câu sau đây:

(A) Thầy Giáp muốn Giáp học Hán tự.

(B) Thầy Giáp muốn học Hán tự.

Nhà phê bình coi tiếng muốn ở câu B là phó từ, mà không coi «Thầy Giáp muốn» ở câu A cũng là phó từ (Tr. 17); còn chúng tôi thì cho rằng muốn là phó từ của tiếng ở câu B và thầy Giáp muốn là phó từ của câu ở câu A. Câu B, phó từ diễn tả ý chủ quan của người chủ sự (thầy Giáp), còn câu A, phó từ diễn tả ý chủ quan của người không phải là chủ sự (câu sự trong câu là Giáp).

Nhà phê bình không đồng ý với chúng tôi, có lẽ vì ý kiến của chúng tôi mới mẻ quá, trái hẳn với ngữ pháp cổ điển. Theo phương pháp cũ, thì trong câu A phải phân tích như sau: «Thầy Giáp là chủ từ, muốn là «động từ», Giáp là khách từ của muốn, v.v..»

Nhưng, thử xét lại nội dung hai câu ở trên xem việc chính là gì? Có phải rằng trong câu A việc chính là «Giáp học Hán tự» và trong câu B việc chính là «Thầy Giáp học Hán tự»? Nếu đồng ý là

(1) Nói «tiếng chính, tiếng phụ», không phải là tiếng tương đương với từ. Về từ tính, ta có thể định từ tính cho một từ hay một ngữ, mà không thể nói đến từ tính cho một từ kết hay một cú. Trái lại, về từ vụ thì khác: một từ, một ngữ, một từ kết cho đến một cú đều có thể giữ một từ vụ chính hay thứ. Vậy, về phần từ vụ, «tiếng» đúng theo nghĩa rộng, rất rộng, chúng tôi đã nói ở lời chú n. 151, 194 và 493 KL. Tương hợp ngữ: từ kết hay cú giữ một từ vụ, ta có thể phân tích mãi cho đến đơn vị từ (KL 2: 2-214, 644). Vì thế chúng tôi mới phân biệt từ vụ chính và từ vụ thứ. Vậy tôi nào lại bảo rằng chúng tôi lẫn lộn các đơn vị ngôn ngữ học với chức năng cú pháp của từ. (Tr. 22)?

Trong câu B, muốn diễn tả ý phụ, thì phải nhận rằng trong câu A « *thầy Gióp muốn* » cũng diễn tả ý phụ. Ý phụ ấy, trong cả hai câu, là phó từ chủ quan, mà trong câu trên là phó từ chủ quan về một việc (phó từ câu), còn trong câu dưới, là phó từ chủ quan về một sự trạng (phó từ của tiếng).

21. Sách của chúng tôi tuy rằng có trên 800 điều, nhưng không có điều nào là thừa. Chúng tôi có nói về « sự trạng tác động, sự trạng thụ động và sự trạng bị động », không phải là chúng tôi muốn làm cái việc mà nhà phê bình gọi là « du hí về tri tuệ » (Ttr. 5,4) — chúng tôi không sợ trường về những việc ấy mà cũng không có thời giờ làm những việc ấy —, mà chỉ cốt để giải thích phó từ tác động và phó từ bị động. Có lẽ vì nói về sự trạng tác động, v.v. ở trang 160, rồi mới xuống trang 415 mới nói về phó từ tác động và phó từ bị động, cách nhau trên 250 trang, nên nhà phê bình không nhớ được, để chính mình làm cái việc « du hí về tri tuệ » mà nhà phê bình gán cho chúng tôi !

Về thể từ, chúng tôi có phân biệt chủng thể từ, cá thể từ, tập thể từ, phân thể từ, cả đến thể từ trở bộ phận cấu thành một cá thể (KL 151), cũng không phải là « tần mẫn » hay « du hí về tri tuệ ». Chúng tôi đã nói rõ rằng cần phân biệt như vậy, là nhằm mục đích, 130 trang về sau, giải thích về loại từ và lượng từ đơn vị (KL 154, chú). Nhà phê bình sách mà không đọc kỹ, không nhớ sách, thì không nắm được hệ thống nhất quán trong sách, và dễ đi đến sơ suất đáng tiếc như vậy ! Nếu nhà phê bình có đọc và nhớ những trang KL 284—286, 319—321, thì đã thấy rằng phân biệt chủng thể từ, cá thể từ, v.v. là điều cần thiết.

Nhà phê bình tưởng rằng có chỗ chúng tôi tự mâu thuẫn với mình. Nhưng, chính cái điểm chúng tôi cần phải giải thích rõ ràng để khỏi mang tiếng là mâu thuẫn với mình thì nhà phê bình lại cho là « tần mẫn » (Ttr. 20). Chúng tôi đã viết rằng loại từ là chủng thể từ mà tiếng chính là cá thể từ (KL 284). Như vậy thì thể từ trở bộ phận cấu thành một cá thể không thể dùng làm loại từ được, (KL 300). Vì thể mà phải giải thích tại sao những thể từ *hoa, quả, lá*, v.v. trở bộ phận của cây, mà đứng trước tên cây, lại có thể coi là loại từ. Đó là mục đích của những trang KL 298—299, xin hai nhà phê bình hiểu cho !

22. Ngôn ngữ dùng để diễn tả tư tưởng. Ngôn ngữ còn có tác dụng nữa là truyền đạt tư tưởng, cho người nói và người nghe hiểu nhau. Nhưng, trong lời nói ta thường lược bớt một số từ, có khi cả một câu chỉ còn một từ, mà người nghe suy luận cũng hiểu. (Chúng tôi đã nói rất nhiều về phép lược ngữ : KL 235, 258, 286, 317, 508, 519, v.v.)

Nếu không suy luận thì làm sao mà hiểu được nhiều câu tục ngữ. Ví dụ câu « *Chó, treo, mèo, dậy* » có bốn cú, nói lược, mỗi cú chỉ còn một từ.

Trong câu tục ngữ «Con vua thì lại làm vua», không có lược từ nào, nhưng quan hệ từ lại diễn tả quan hệ của hai ý nào? Vậy, cũng phải suy luận mới biết được rằng tiếng *lại* diễn tả quan hệ của một ý có nói ra với một ý không nói ra. Trường hợp này là lược ý chứ không có lược ngữ.

23. Nhà phê bình nói nhiều lần đến «chủ quan» và «khách quan». Nghiên cứu cú pháp, thế nào là «chủ quan» với «khách quan»?

Điều 11 trên, chúng tôi đã nói rằng về cú pháp mỗi liên hệ các từ trong câu là nòng cốt của câu. Quan trọng như vậy, nên nhiều nhà ngữ học (như Meillet, Vendryes) coi những mối liên hệ ấy có giá trị ngữ tố nhưng ngữ tố vô hình. Như câu «*chim bay*» có hai từ mà có ba ngữ tố *chim* và *bay* là hai ngữ tố có thể chết (phải thành âm được); ngữ tố: *thứ ba* không có thể chết, là mối liên hệ của hai từ. Câu «*Giáp đánh Ất*» có ba từ mà có năm ngữ tố, vì có hai mối liên hệ: *Giáp* — *đánh* và *đánh* — *Ất*.

Nghiên cứu cú pháp là nghiên cứu những mối liên hệ các từ trong câu, vì những mối liên hệ ấy định ra từ vựng. Nhưng nó lại vô hình, nên L. Tesnière đã chủ trương rằng nghiên cứu cú pháp phải dùng đến phương pháp nội quan (méthode introspective). Ông còn cho rằng phương pháp ấy là phần chủ yếu để nhận xét những sự kiện hay thực thể về cú pháp (faits de syntaxe).

Chúng tôi xin tóm tắt thêm ý kiến của tác giả *Éléments de syntaxe structurale* (tr. 37-38): «Phương pháp nội quan trái với những tập quán và truyền thống về ngữ học, nên không khỏi có người sẽ phản đối và chỉ trích, cho rằng phương pháp ấy, vì có tính chất chủ quan (subjectif), nên rất khó sử dụng.

«Khó thì có khó thật, nhưng đã làm một việc gì thì sự khó khăn có phải là lí do chính đáng để mà từ bỏ không?

«Bảo rằng phương pháp nội quan phải dùng đến trực giác (intuition), vậy nó có tính chất chủ quan thì lí lẽ càng không vững.

«Phương pháp nội quan cũng như trực giác, diễn đạt đúng. Nhưng cũng còn cần đến kinh nghiệm nội tại (expérience interne). Vậy thì phương pháp nội quan là một phương pháp thực nghiệm, mà đã là phương pháp thực nghiệm thì nó có tính chất khách quan (objectif).

Một lẽ nữa để chứng minh rằng phương pháp nội quan có tính chất khách quan, là nó lấy sự kiện cú pháp làm đối tượng. Vẫn biết rằng những sự kiện ấy là sự kiện trừu tượng (abstrait), nhưng làm gì có sự kiện cú pháp cụ thể (concret). Có thể nói rằng tất cả sự kiện cú pháp đều trừu tượng, chỉ có âm phát ra là cụ thể.

Xem vậy thì thấy rằng có phương pháp, mới xét bề ngoài, tưởng là chủ quan, mà chính ra nó là khách quan.

Ấy là vì ngữ học tuy là một khoa học thực nghiệm, nhưng khác với các khoa học thực nghiệm khác, vì tư không giống các vật thể. Ta hãy so sánh ngữ học với vạn vật học. Khoa học này chia vạn vật ra loại lớn (classe), rồi loại lớn lại chia ra nhiều loại nhỏ là bộ, thuộc, họ (ordre, genre, famille), v. v. Từ cũng có thể phân loại như vậy: phân ra loại lớn rồi chia ra nhiều loại, hạng nhỏ hơn.

Hó là điểm giống nhau. Chỗ khác nhau, là về vạn vật học. Một vật đã xếp vào một loại, bộ,... nào thì không thể xếp vào loại, bộ,... khác nữa, mà về ngữ học không có cách phân loại tuyệt đối như thế. Điều 10 ở trên, chúng tôi đã dẫn tỉ dụ cũng một âm *cau* mà khi thì xếp vào loại thể tự, khi thì xếp vào loại trạng từ.

Đây là nơi về từ tính. Về từ vụ, ngoài những tỉ dụ dẫn ở điều 12, chúng tôi dẫn thêm một tỉ dụ nữa: cũng một thể từ *thanh*, tại sao nói *thanh gươm* thì *thanh* là loại từ, mà nói *thanh tre* thì *thanh* lại là lượng từ đơn vị (KL 319)?

Thanh là tiếng gọi chung vật gì mỏng và dài (VNTB). Về hình thể thì *gươm* là một vật mỏng và dài. Vậy nói *thanh gươm* thì *thanh* là chúng thể từ mà *gươm* là cả thể từ, và như vậy thì *thanh* dùng làm loại từ chuyên biệt cho *thanh*, theo hình trạng (KL 154, 284).

Trái lại, nói *thanh tre* thì *tre* trở vật liệu. Vật liệu *tre* tự nó không có hình trạng nhất định như đồ vật *gươm*; ta có thể dẫn *tre* thành ống hay chế *tre* thành *thanh*, v. v. Vậy thì *thanh tre* là phân thể của *tre*, và *thanh* là phân thể từ dùng làm lượng từ đơn vị (KL 154, 311).

Tóm lại, về ngôn ngữ không thể có cách phân loại tuyệt đối.

Phân loại phải dùng phương pháp nội quan, nhưng phương pháp nội quan có tính chất khách quan chứ không có tính chất chủ quan như nhiều người hiểu sai.

IV. — KẾT LUẬN

24. Đọc bài phê bình và bài trả lời, độc giả đã thấy đâu là tiến bộ, đâu là không tiến bộ, và ai là người đã tiếp thu được những lí thuyết có tính chất khách quan, toàn diện, mới mẻ? Thế mà nhà phê bình lại có ý nói rằng «vì chưa có một cơ sở lí luận thật sự tiến bộ», chỉ dựa trên chúng tôi chưa «tiến bộ».

Chắc độc giả cũng hiểu như chúng tôi rằng nói đến «cơ sở lí luận thật sự tiến bộ», nhà phê bình ám chỉ duy vật biện chứng pháp. Ở đây, không phải chỗ thảo luận đến giá trị của phương pháp ấy. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng nếu đem duy vật biện chứng pháp để nghiên cứu ngôn ngữ, thì thật là một cái làm rất lớn. Cái làm ấy không thể tha thiết được, ở những người theo chủ nghĩa Marx. Độc giả tất còn

nhớ trên đầu bài trả lời này (điều 2), chúng tôi đã dẫn lời của Staline: « ngôn ngữ không thuộc vào thượng tầng kiến thiết... ngôn ngữ không có tính chất giai cấp ». Ngôn ngữ đã không thuộc vào thượng tầng kiến thiết, thì sao có thể dùng duy vật biện chứng pháp để nghiên cứu ngôn ngữ được ?

Theo chúng tôi, nghiên cứu một ngôn ngữ nào, cần nhất là có ý thức về ngôn ngữ ấy đã, rồi phải suy luận rất nhiều và lấy lượng trí mà kiểm soát lại những điều suy luận ấy. Một mớ danh từ như « phương pháp luận », « khách quan », « chủ quan », « duy lý », « duy tâm », v.v. chẳng giúp ích gì cho công trình nghiên cứu ngôn ngữ, nếu ta không suy xét.

Nếu quả thật nhà phê bình dùng duy vật biện chứng pháp để nghiên cứu ngôn ngữ, thì các ông đã đi lầm đường. Hèn nào mà các ông không tiến bộ được về khoa ngữ học...

25. Chúng tôi đồng ý với nhà phê bình rằng « ngôn ngữ do nhân dân sáng tạo ra (Tr. 25). Chúng tôi cũng đã viết đại ý như vậy (KL 37-38).

Nhân dân thì ở đâu chẳng có, mà nào có là người giữ « độc quyền » về nhân dân được ! Có điều đáng ngại là luôn luôn nói đến nhân dân mà làm trái quyền lợi của nhân dân, không « gần gũi nhân dân » để hiểu biết nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Nghiên cứu ngôn ngữ, chúng tôi có « gần gũi nhân dân » không ? Điều này chúng tôi đã trả lời anh bạn Nguyễn Nga-lí trong bài phỏng vấn chúng tôi (« *Thủ giờ với hai tác giả Khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam* », *Bách Khoa* số 162, 1-10-1963, tr. 32, trái).

Nhà phê bình có ý kiến là « gần gũi nhân dân » hơn chúng tôi, nhưng các ông có nói ngôn ngữ của nhân dân hay không ? hay chính các ông lại nói một thứ ngôn ngữ của hạng người rất cách biệt với nhân dân ?

Chúng tôi không tin rằng hai nhà phê bình « gần gũi nhân dân » hơn chúng tôi, chúng tôi còn « rằng nhà phê bình quá cách biệt với nhân dân. Vì sao ? Vì chúng tôi thấy rằng nhà phê bình không nói ngôn ngữ của nhân dân.

Chúng ta không cần tìm dấu xe, chỉ lấy cần đầu trong bài phê bình : « Cuốn sách này, theo sự chú thích của các tác giả được biên soạn vào khoảng 1958 và 1962 (1).

Nhân dân Việt Nam dù ở Nam hay ở Bắc, không nói thế. Đây là lối hành văn có tính chất « thực dân » (xem LK 879 - 880) Nhân dân Việt Nam, theo ngôn ngữ thuần túy Việt Nam, nói : « Cuốn sách này, theo các tác giả chú thích, biên soạn vào khoảng 1958 và 1962 ».

Sài Gòn, 25-9-1963.

TRƯƠNG VĂN CHÍNH
(Trình Quốc Quang)

(1) Xin chú ý : 1956 - 1962 - (KL 48).

ĐỐI THOẠI

THƯ VỀ
NGƯỜI QUEN XƯ LẠNII

Thân gửi anh Phan Đình Đăng

Anh Đăng à,

Sau khi đọc qua bức thư của anh đăng trong Văn Học số 49, tôi có cảm tưởng rằng anh muốn đã kích tất cả những người muốn làm Cách-Mạng.

Trong bức thư « Thương về vì thủ đấu tranh », anh có viết « Họ đã tranh đấu được một lần tất nhiên phải làm lần thứ hai, thứ ba, thứ tư và mãi mãi » (trang 49).

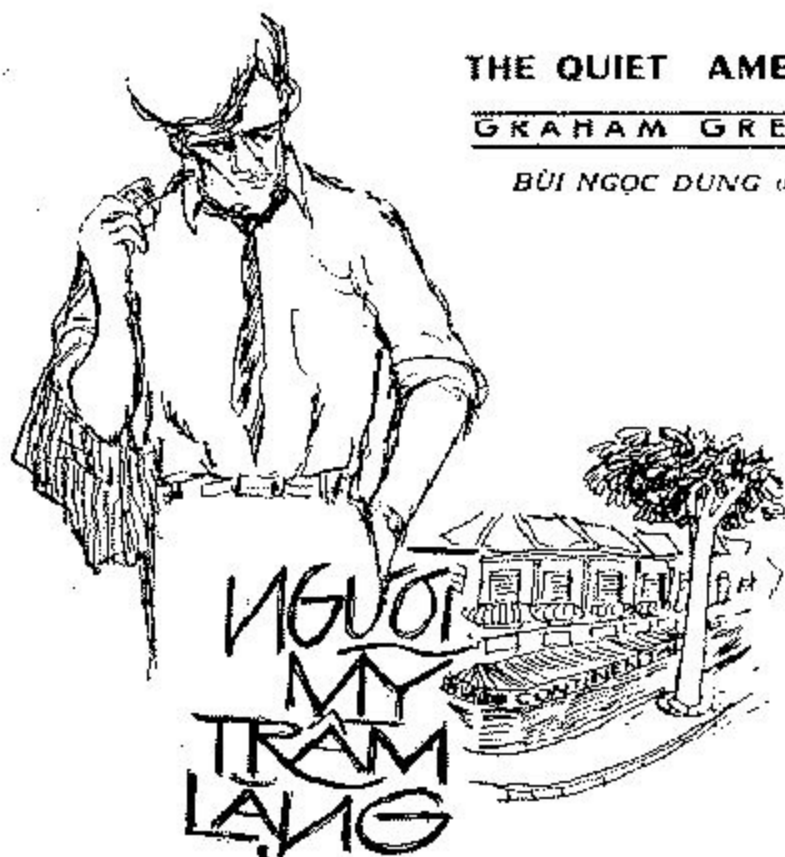
Anh Phan Đình Đăng à, dĩ nhiên là vậy. Lần thứ nhất họ đấu tranh để lật đổ bạo quyền, lần thứ hai đấu tranh để bóp chết bất công, lần thứ ba đấu tranh để đánh đổ thối nát và xấu xa của tội Việt Nam hiện tại.

Còn bất công, còn xấu xa, còn tệ đốn và thối nát, họ đành phải còn tranh đấu vậy chứ không phải một, hai ba lần mà thôi. Anh còn viết « những khuôn mặt đầm máu còn đó... Xứ Huế còn nổi sóng nữa. Họ tranh đấu để làm gì?... » (trang 49). Thế trong mấy năm nay anh nằm ngó tr? Họ tranh đấu để lật đổ chế độ thối nát của Ngô đình Diệm đó, họ tranh đấu nên Chính Phủ Trần văn Hương mới bị knocout đó, họ tranh đấu để xé nát bản hiến chương Vàng Tàu đó. Chắc đọc đến đây anh thâm nghĩ « Chưa chi đã nóng giận dữ vậy » phải không anh Đăng? Không đâu anh ạ, tôi không đến nổi nóng nảy và giận dữ như Tổng Thống Truman đã đuổi Molotov ra khỏi phòng họp, như Tổng Thống Nasser đuổi Allen ra khỏi văn phòng, như Thái Tử Sihanouk đòi đóng cửa Tòa Đại Sứ Mỹ khi người Mỹ phản đối những hành động vô nhân đạo của ông ta. Không đâu, tôi là một người hiền khô vậy à, ít khi giận ai trái lại còn vui tính nữa là khác. Nào lên những lời trên tôi muốn anh hiểu những việc mà sự thật đã bày ra trước mắt đa thôi chứ tôi không có ý gì để kích anh đâu. Vì tôi biết rằng đã kích đi liền với bạo động, mà bạo động thường đem đến đổ máu, có đổ máu tại có thù hận và thù hận thường mang đến hận thù. Do đó mà tôi chỉ muốn nêu lên một sự kiện hiển nhiên như trên.

THE QUIET AMERICAN

GRAHAM GREENE

BÙI NGỌC DUNG dịch



Nàng hỏi tôi :

(tiếp theo)

— Đê Phượng bán cho anh một bi nhê ? (1)

Khi tôi mở mắt, nàng đã lên đèn và bàn đèn đã có sẵn kế hoạch. Ánh sáng khiến da nàng đổi sang màu vàng đen, trong lúc nàng xuống hèn anh, lửa, đôi lông mày nhú lại như tập trung ý nghĩ. Nàng hơi nòng một ít thuốc phiện, quay tròn chiếc kim tiêm.

Tôi lên tiếng hỏi :

— Pyle có còn hút thuốc phiện nữa hay không hả Phượng ?
— Không anh ạ.

— Có nên bán bi cho hắn hay là hắn không bao giờ trở lại.

Đây là một thứ dự đoán của những người ghiền thuốc phiện. Họ cho rằng người mình yêu hút thì người đó sẽ trở lại dù có ở tận đâu.

(1) Danh từ của những người ghiền thuốc phiện.

Pháp chẳng nữa. Đối với việc ghiền thuốc phiện thì người có tình dục mạnh có thể bị tê liệt, nhưng những kẻ yếu nhau bao giờ chẳng qui những kẻ trung thành. Giờ đây Phụng đang nhồi những viên thuốc nhỏ để trên đĩa nổi và tôi thoáng ngửi thấy mùi thuốc. Thực ra không có mùi gì giống mùi thuốc phiện. Cảnh giường, chiếc đồng hồ báo thức chố 12 giờ 30, nhưng tôi hết cử lực mình. Vẫn chẳng thấy Pyle đâu. Ngọn đèn chiếu hắt vào khuôn mặt Phụng trong lúc nàng ngả mình theo chiếc đệm tầu dài. Nàng hơi cúi xuống trong dáng điệu suy nghĩ như nàng sắp sinh con. Tôi rất thích bộ đàn đèn, dài hơn hai đốt tre thông, một đầu bịt bằng ngà. Khoảng hai phần ba có gắn một cái nồi lật ngược, miệng nồi được đánh bóng và đen xam lại vì thuốc phiện nhồi. Cỗ tay Phụng rung động khi nàng đưa chiếc đệm vào một cái lỗ nhỏ xu, chiếc nồi lật ngược lên trên ánh lửa và nàng cầm chiếc đệm tầu để cho tôi hút. Viên thuốc phiện kêu vo vo và nhẹ nhàng khi tôi hít vào.

Người hút thuốc phiện có thể kéo hết một hơi, nhưng tôi thường hút làm nhiều lần. Sau đó tôi nằm ngửa gối đầu lên chiếc gối da và Phụng đem cho tôi một bì thứ hai.

Tôi nói :

— Phụng thấy không, trời trong sáng hẳn như ban ngày. Pyle hiểu là tôi bán một vài đi trước khi đi ngủ và hẳn không khi nào muốn làm rớt tôi. Mãi đến sáng hôm sau hẳn mới quay trở lại.

Tôi hút lần thứ hai. Vừa đề dục tầu xuống tôi nói :

— Không nghĩ ngợi gì hết. Không có gì đáng nghĩ ngợi cả.

Tôi nhấp một ngụm nước trà và nắm chặt lấy cánh tay Phụng. Tôi nói tiếp :

— Khi nào Phụng rời tôi thì đó là một điều may mắn để cho tôi được ngủ lại. Ở phố Ormay có một căn nhà khá tốt. Những người Âu châu như chúng tôi thật chẳng làm nên trò trống gì. Phụng không nên sống với một người không biết hút thuốc phiện, có phải không Phụng?

Nàng trả lời :

— Nhưng Pyle sắp lấy Phụng mà.

— Lễ dĩ nhiên, đó lại là vấn đề khác.

— Để em thôi cho anh một đôi khac nữa nhé.

— Cũng được

Tôi tự hỏi không biết nàng có bằng lòng ngủ với tôi đêm ấy không nếu Pyle không bao giờ trở lại, nhưng tôi hiểu rằng sau khi thôi hút thuốc phiện hẳn, tôi không còn ham muốn Phụng nữa. Lễ dĩ nhiên

tôi cảm thấy dễ chịu khi đôi chân nặng nề sát bên tôi trên giường. Phượng luôn luôn nằm giữa lúc ngủ, và sáng hôm sau khi thức dậy tôi khỏi đau một ngày với một đôi thuốc phiện thay vì khỏi đau có hạn của tôi.

Tôi bảo Phượng :

— Đây giờ Pyle không đến đâu. Phượng nên ở lại đây.

Nàng cầm lấy dĩa rau đưa cho tôi và lắc đầu. Ngay lúc ấy, tôi một hơi, sự có mặt hay sự vắng mặt của Phượng thật vô nghĩa.

Nàng hỏi :

— Tại sao Pyle không có mặt ở đây anh nhỉ ?

Tôi nói :

— Làm sao tôi biết được.

— Có phải anh ấy đến gặp tướng Thổ không ?

— Tôi chịu không sao hiểu nổi.

— Anh ấy bảo rằng nếu không ăn cơm chiều với anh thì sẽ đi đây cơ mà.

— Có không nên thức mặc. Hắn sẽ trở về. Thôi cho tôi một khác nữa đi.

Khi nàng cúi xuống bên ánh lửa, tôi nhớ lại một bài thơ của Bandelaire : *Mon enfant, ma soeur* . . . Thế nào nữa không biết ?

Aimer à loisir

Aimer et mourir

Au pays qui te ressemble

Ngoài kia những con tàu ngủ trên mặt nước, *voient l'humeur vagabonde*. Tôi nghĩ là nếu tôi nghĩ thấy mùi da Phượng gây gây và thơm như mùi thuốc phiện và nước da nàng như màu ánh lửa. Tôi thấy những cánh hoa trên áo dài của nàng bên cạnh con kênh ở miền Bắc, Phượng là người hân hỉ, nàng như một thứ cỏ và tôi không bao giờ mong muốn trở về quê hương.

Tôi nói lửa :

— Tôi muốn ở vào địa vị của Pyle, tuy nhiên sự đau khổ của con người bao giờ cũng có giới hạn và con người có thể chịu đựng được và chỉ có thuốc phiện mới thấy rõ những nỗi đau khổ đó.

Có người gõ cửa. Phượng bảo :

— Chắc Pyle đấy.

— Không, không phải tiếng gõ cửa đâu.

Tiếng gõ cửa gấp hơn. Phương vội đứng dậy, làm lay động cây mai vàng, những cánh hoa rơi như trái xuống mấy chiếc Cờ mờ. Mọi giọng nói chỉ lửng:

— Ông Fowler đâu?

Tôi nói:

— Tôi là Fowler đây.

Tôi không đứng dậy trước mặt một viên cảnh sát — tôi thấy bốn bốn quần áo kaki cộc và tôi không ngừng đầu lên.

Hắn giải thích bằng tiếng Pháp tại Việt ngữ không rõ là người ta cần gặp tôi ngay tại sở liên phòng.

— Sở liên phòng Pháp hay Việt Nam?

— Pháp.

Tiếng nói của hắn lại đi nghe như *Francis* (1).

— Về chuyện gì thế?

Hắn không biết. Hắn được lệnh đến tìm tôi. Hắn bảo cô Phương:

— *Toi aussi.*

— Anh nên đứng chờ với một phụ nữ. Thế làm sao anh biết cô ta có mặt ở đây?

Hắn nhắc đi nhắc lại là sở liên phòng cần gặp tôi và Phương.

— Để đến sáng tôi sẽ đến.

Hắn nói với vẻ mặt hơi khó chịu:

— Ngay bây giờ. (2)

Không cần phải tranh luận lời thôi nữa, tôi đứng dậy dắt cả vợ và đi giày. Bốn cảnh sát ở đây chỉ nói một lời: họ có thể rút giấy phép lưu thông, họ có thể ngăn cản tôi trong các buổi họp báo, nên họ được quyền lựa chọn thì cũng có thể họ không cho phép tôi ra ngoài. Đây là những biện pháp hợp lý và công khai, nhưng sự hợp pháp này thực không cần thiết ở một quốc gia trong tình trạng chiến tranh. Tôi có quen một người kể lại chuyện một người đầu bếp bị mất tích không sao giải thích được; người đó đến trình tại sở liên phòng thì các sĩ quan tại đây hứa chắc rằng người đầu bếp sẽ được thả về sau khi thăm vấn xong. Thế rồi gia đình người kia không gặp lại người đầu bếp nữa. Có lẽ hắn theo Cộng Sản, gia nhập một tổ chức quân đội riêng ở xung quanh thành phố Saigon như Cao Đài, Hòa Hảo hay

(1) *Francis* với cách đi của chữ *Francis*.

(2) Nguyên bản *Sur le champ* thay vì *Sur-le-champ* vì giọng nói tiếng Pháp không có *sur*.

Tường Thử. Hay có lẽ hắn còn nằm trong khám đường của người Pháp, hoặc biết đâu lại không đang làm tiền bọn gái đĩ ở Chợ Lớn, khu vực ngoại ô của người Trung Hoa. Và có lẽ tâm trí của người đầu bếp kia bị khủng hoảng trong lúc bị thẩm vấn.

Tôi nói :-

— Tôi không thể đi bộ được. Anh phải trả tiền xe tay cho tôi.

Người ta nên giữ tư cách của chính mình. Chính vì thế tôi không hút thuốc của một viên sĩ quan Pháp sử liêm phóng. Sau khi thổi ba đôi thuốc phiện liền, tôi cảm thấy trí óc sáng suốt và tỉnh táo lạ thường, nhờ thuốc phiện mà tôi có thể quyết định được dễ dàng và không quên các vấn đề chính; không hiểu bọn họ cần gì tôi đây? Trước đây, tôi đã gặp Vigot nhiều lần tại các buổi họp, tôi nhận ra hồn vi hình như hai vợ chồng có chuyện không yên, người nào không hiểu thì cho hắn là loại dân ông giá dối... Lúc bấy giờ là hai giờ sáng, Vigot ngồi thừ người, thất vọng, hút thuốc lá. Trời thì hăm hấp nóng. Hắn đeo kính màu xanh và một quyển sách của Pascal để mở trên bàn giấy. Lúc tôi không chịu để cho hắn thẩm vấn Phụng mà không có mặt tôi, hắn bỏ hẳn cuộc thẩm vấn đó. Hắn có vẻ mệt mỏi và chán chường đối với Saigon, với hơi nóng hay với tất cả thân phận con người.

Hắn nói bằng tiếng Anh :

— Tôi rất tiếc là đã cho mời anh đến đây.

— Người ta có mời tôi gì đâu. Người ta ra lệnh cho tôi mà.

— Ôi dào, cảnh sát bản xứ — họ thì biết cái gì.

Đôi mắt Vigot chăm chú nhìn quyển *Les pensées* như chính hắn còn chú còn chăm chú vào những lời lý luận phiên dịch đó.

— Tôi muốn hỏi anh vài câu về Pyle.

— Tốt hơn anh nên hỏi ông ta.

Hắn quay sang Phụng và thẩm vấn nàng một cách gay gắt bằng tiếng Pháp.

— Có ở với Pyle được bao lâu rồi?

Phụng trả lời :

— Một tháng, tôi cũng tôi hiểu nữa.

— Thế hắn trả cô bao nhiêu tiền?

Tôi lên tiếng:

— Ông không có quyền hỏi cô ta như vậy. Cô ta đâu có là hạng người đem đi bán.

Bất chợt hắn lùi lại.

— Cô thường ở với người này, phải không?

— Hai năm.

Tôi nói.

— Tôi là một thông tin viên chuyên môn lường thuật cuộc chiến tranh của các ông — một khi ông đề cho Pyle được yên. Đừng nên đòi hỏi tôi phải cộng tác các hành động bí ẩn của các ông.

Thế ông biết gì về Pyle? Ông Fowler, làm ơn trả những câu tôi nêu ra. Tôi không muốn hỏi họ làm gì. Nhưng điều này thật nghiêm trọng. Cứ tin tôi đi, việc này nghiêm trọng lắm.

— Tôi không phải là kẻ đưa tin. Ông thừa hiểu là tôi có thể cho ông biết rõ tất cả về Pyle. 32 tuổi, từng sự tại Ủy Ban Viện Trợ Kinh Tế quốc tịch Mỹ.

Vigot nhìn tôi và Phương, rồi hỏi:

— Hình như ông là bạn của ông ta kìa mà.

Một người cảnh sát bản xứ huơ vào với ba tách cà phê đen.

Vigot lên tiếng:

— Hay ông đừng trả nhé?

Tôi nói:

— Tôi là bạn thân của Pyle. Tại sao lại không nhỉ? Một ngày nào đó tôi sẽ lên đường trở về nước, tại sao không nhỉ? Tôi không thể đem theo Phương được. Phương sẽ được yên ổn với Pyle. Đó là một sự dàn xếp hữu lý. Pyle bảo rằng hắn sẽ lấy Phương. Như ông biết đấy, hắn có thể lấy nàng được chứ. Theo phong độ thì hắn là một người tốt. Đừng dấn. Hắn không thuộc hạng nói nhiều tại khách sạn Continentale.

Sau đó tôi nói rõ cho Vigot hiểu thêm:

— Một người Mỹ trầm lặng. Một con cún lông xanh, một con bạch tạng. (1)

Vigot nói.

— Đúng. Một người Mỹ trầm lặng.

Hình như Vigot muốn tìm một ngôn ngữ để chứng minh rõ ràng nhưng ý nghĩa mà hắn phả bày như chính tôi đã thất ra. Hắn ngồi đó, trong một văn phòng nóng bức, chỗ đặc một trong hai chúng tôi lên tiếng.

Một con muỗi bay vo vo, lao xuống đối, tôi nhìn Phương. Thuộc phiên đã lâu cho con người sáng khoái, có lẽ thuộc phiên khiến cho tinh thần bớt căng thẳng và các cảm xúc cũng lắng hẳn xuống. Chẳng có gì quan trọng, ngay cả về sự chết cũng không quan trọng. Tôi nghĩ rằng Phương không sao thoát lên lời, khuôn mặt nàng buồn và tiếng Anh của nàng thật dở hết chỗ nói. Nàng ngồi đó, trên một cái ghế cứng chắc, nóng lòng chờ Pyle. Lúc ấy hình như chủ tôi quên hẳn việc chờ đợi Pyle mà chỉ để ý đến Vigot.

(Còn tiếp)

(1) Ý nghĩa của câu ám chỉ đến điểm tới của nhân vật Pyle.

CỎ CÂY

NGUYỄN
XUÂN
HOÀNG



Khi tôi ngàng dần lên hồi hã vuốt mặt thì bãi cát chỉ còn là một đường vờ nhỏ màu vàng. Biển như rộng hơn và thẳm hơn. Mấy cây dừa, đường phố, dãy cột đèn, những người đi tắm bây giờ là hình ảnh của một tấm ảnh phong cảnh mờ. Tôi cố gắng định vị tại góc dừa nơi đã để quần áo ở đó. Sáng hôm qua có hai người ở Saigon ra tắm đã bị mất hết áo quần khăn tắm cũng chỉ vì bỏ bờ lợ quá xa mà lại không có người giữ. Và lại khoảng biển này vàng quá. Nhưng tôi thì tôi bất cần vì Kim liên tôi ở đây. Trời xanh lơ và cao thật cao. Biển yên lặng và mênh mông làm tôi sợ. Tôi bơi trở lại bờ thật chậm, đếm từng sải tay rớt xuống nước. Sự quyến rũ của biển, tôi nói thầm trong đầu. Tôi nhớ hồi ở Dalat gặp Sơn, Sơn cũng đã nói với tôi ánh nắng vàng và sự quyến rũ của biển, Cái chết ám ảnh và thôi thúc, tôi như một nhu cầu khẩn thiết đòi hỏi phải được thỏa mãn. Nhưng để làm chi vậy? Đường như tôi đã đọc ở đâu một lần ý nghĩ cho rằng những lý lẽ để chết

bây giờ đã lỗi thời mà những lý lẽ để sống thì cũng vô bổ. Và chẳng sống hay chết thì cũng chẳng ăy mà thôi. Tôi cười thầm về sự ngơ ngẩn của mình. Bờ biển trời đến gần. Những con sóng nhỏ xô dầy thân tôi như những lời hát hời. Cát vàng chói nắng bỏng cháy và những cây dừa cao lêu nhều đứng lẻ loi buồn bã. Tôi trái khần tâm và nằm dài lên đó. Ngày phép cuối cùng còn lại những luyện tiếc dừng đọng. Tôi nhớ đến nơi trú quân đào heo hút gió, đơn vị mà tôi sẽ trở lại với tiếng súng mỗi đêm. Và bóng tối với những tiếng động bí mật của nó. Rừng bọc xung quanh rậm đầy không thể tưởng. Mưa thì mưa như trút, nắng thì nắng cháy da. Trời đầy gió. Linh của tôi chủ nào cũng chỉ, ba gai một rừng. Có hôm buồn mấy chú ngói quay tròn thách nhau uống rượu bằng cách đốt thuốc châm lỗ vào da. Dừa nào da mới bắt đầu cháy khét mà đã rục rịch nhận mặt thì bị phạt rượu. Rượu để nóng cháy cổ. Chúng uống bằng «ca» nhôm. Ưng ực một hơi. Còn tôi những ngày giữ đồn không hành quân, cứ thấp thòm chờ đợi. Không biết chờ đợi cái gì. Nhưng tôi cứ nghĩ là rồi có một cái gì đó sẽ đến. Một cái gì đó. Như tiếng động cơ trực thăng. Như tiếng hô xung phong của kẻ thù. Như những lá thư, như một món quà. Như một tờ báo. Không nhận được báo mới tôi đành đọc đi đọc lại hàng chục lần những tờ nhật báo cũ. Đọc cả những mục quảng cáo, tìm con, phân ru, chia vui, bán nhà, bán đất... Tôi thấy mình càng lúc càng gần cái chết và càng phút càng xa sự sống. Với tôi sự sống đã ở ngoài tầm tay với. Trời vẫn cao và xanh. Thành phố nhỏ. Con biển dài. Bạn bè đã xa, anh em đã mất. Chỉ còn lại có nụ cười của Kim, và những thay đổi đang thành hình, đang lớn lên và đang tàn phá trong tôi. Rồi tôi sẽ phải nói gì với Kim bây giờ, tôi hỏi thăm mình như thế. Kim với đôi mắt nai, chiếc răng còi, mái tóc ngắn, và nụ cười rộng lượng. Kim với đôi môi hồng thơm, hai trái tai mềm to và đầy cảm xúc. Rồi tôi sẽ làm gì, nói gì, chuyện trò làm sao với Kim? Tôi lúng túng rồi sao? Gia đình tôi ở Saigon. Quen Kim một cách rất tình cờ ở Nha Trang. Nhà Kim ở Dalat. Rồi tôi vào Thủ Đức. Rồi Kim xuống Saigon. Giữa hai người chỉ còn lại có những lá thư. Rồi cuộc đàn áp Phật giáo. Rồi tôi được đổi đi xa hơn, xa hơn cho đến khi danh từ thành phố chỉ là một cái gì rất vời vợi trong trí tưởng tượng tôi. Cũng như Kim vậy. Cách mạng thành công. Những lúng túng của một lớp người mới. Những bè phái kéo cánh nhau. Tôi như một chiếc phao bị sóng đẩy ngày một lênh đênh. Trong sự quạnh hiu của mấy mươi tay súng trú đóng tại một đồn lẻ, tôi hiểu được thế nào là cô đơn.

Rồi thư Kim đến như một phép lạ mâu nhiệm. Mười ngày phép này anh dành cho Kim. Chỉ riêng cho Kim mà thôi. Nhưng chín ngày đã qua rồi. Chín ngày buồn hơn ở đơn vị. Ở đơn vị còn có những người bạn đồng đội. Ở đơn vị nghe tiếng súng của địch còn biết có mình hiện đang sống. Ở thành phố này chỉ còn có một mình mình với bóng mình. Tôi ngồi dậy nhìn đồng hồ và đọc lại một lần nữa thư Kim... xanh có còn nhớ cây dừa ngày xưa hai đứa quen nhau không? Cây dừa mà anh đã lấy dao khắc chữ K thật sâu đó. Anh chờ Kim ở chỗ đó nghe. Để rồi coi cái chữ K có còn không. Hay cây đã lớn rồi nên vỏ đã bóc và chữ K đã mất. Có cả triệu chuyện phải kể, phải nói cho anh nghe. Đọc hén cứ gặp những phiền ư, ai tin, chia buồn mà Kim sợ. Anh đừng hỏi Kim tại sao. Hai năm và mười chín ngày với những lá thư không định kỳ của anh, anh tưởng là anh thương Kim lắm sao. Lần này thì anh đừng có hòng chạy khỏi tay Kim. Hồi mới quen nhau, anh và Kim đã ngầm coi như là không hề xé gì nhau về những liên hệ ngoài mối tình của mình. Nhưng bây giờ Kim xin anh. Thật đấy, Kim xin anh. Kim đã hết kiên nhẫn rồi. Một là có anh, hai là không có gì hết. Ba và má của anh. Anh chị và em của anh. Những người đó ở đâu, làm gì. Có thực không hay chỉ là những hình bóng trong trí tưởng của anh. Cha Kim vẫn dạy học. Mẹ Kim vẫn bán hàng ngoài chợ. Và Kim thì anh cũng biết đây lúc nào Kim cũng thương anh. Đáng lý Kim còn viết nhiều và thật dài cho anh đọc. Nhưng Kim ghét anh quá. Thôi để dành gặp nhau kể anh nghe thử hơn.

Hồn anh ngàn cái

Kim

Viết thêm.

« Anh đừng quên chỗ gốc cây dừa có chữ K. Bữa đó Kim sẽ mặc áo tím màu xanh, bănga xanh thứ to nha. Tại mình thuê một cây đu xanh nói chuyện cho đã. Mười ngày phép này anh dành cho Kim. Chỉ riêng Kim mà thôi »

Lại ký tên cho anh nhớ như thường.

Kim

Mười ngày dành cho Kim. Chín ngày đã không có Kim. Phải biết, cây dừa có K và những người tình có gặp không nói gì với tôi hết. Những thành phố, những thôn xóm làng mạc, những đèo cao, trường dài, những bụi những bờ, những đau đớn, những chưa xót... đã nói gì với tôi? Với Kim, tôi đã chợt quên, chợt

nhớ, đã chột vui chột buồn. Trong cơn vui tôi muốn hét cho tâu cùng âm thanh. Trong nỗi buồn tôi muốn Tan thành từng mảnh tế bào. Cả hai trạng thái cũng độ đó, hình ảnh Kim đều hiện lên sáng lóng và êm ái. Trong một tạp chí tôi đọc thấy người kết toán tình lữ đảo chính và nội các thay đổi bốn lần. Tôi bỗng bật cười. Mà mình cười cái gì vậy? Ời cũng không hiểu nữa. Tôi trở mình nằm nghiêng nheo mắt nhìn đằng xa. Hình như Kim đang chạy về phía tôi bằng những bước chân chim sẻ. Tôi ngồi hẳn dậy. Tiếng ồn ào của những người đi tắm dội lại với tiếng sóng hồ. Những núi đá ngoi khơi xa kia. Bầy chim mũi và nổi đám mè trong tôi. Những người chết đã qua. Những người sống trơ ra đó. Trời vẫn cao và xanh. Biển thẳm và rộng. Người con gái trắng nuốt. Người con bando màu xanh. Cũng đôi chân thon dài và trắng nuốt. Người con gái đã chạy qua gửi lại tiếng cười đùa như một lời khích. Không phải Kim rồi. Tôi lấy kính mang vào nhìn theo những dấu chân in hằn trên cát. Rồi dấu chân nàc sẽ dẫm lên. Rồi con sóng nào sẽ xóa mất. Tôi nằm sấp xuống cát, gổi trán lên cánh tay, nhắm nghiền mắt và buồn bã vốc từng nắm cát thả lơ dang.



— Kim nằm đầu chiếc khăn tắm quảng ở cõ tôi giật nói: Kim xin lỗi anh. Thôi đừng giận Kim nữa nghe. Tội nghiệp Kim mà. Ờ chú bé! Kim vừa nói vừa gõ thìa lên ly nước dừa — chú bé cho tôi một cái ba mươi ba, một xá xì con cạp, một đĩa bánh tôm. Anh Quyết — Kim quay lại phía tôi — Kim chịu thua anh rồi.

Tôi ngó mong ra biển. Người đi tắm đã bắt đầu đông. Một đứa con gái mặc bikini từ dưới nước chạy lên. Da nó đỏ cháy như mực Mỹ. Nó cười với một đứa con trai đứng chỗ cây dù màu xanh. Hai tay nó vuốt mặt lia lịa rồi chỉ tay ra ngoài khơi nói cái gì tôi không nghe rõ. Đứa con trai cười nhìn theo. Đứa con gái nằm sấp xuống cát, hai tai vòng lại và gác cằm lên trên. Vậy là anh nhất định giận Kim phải không? Kim đã nói là mẹ bị bệnh lất thình lình... mà. Cha đi dạy học bận cả ngày. Nhà có còn ai đâu. Bữa nay mẹ cũng chưa bớt nữa đó anh. Vậy mà Kim cũng ráng ra đây với anh. Thấy không? Đứa con trai ngồi xuống cạnh con nhỏ lấy tay vốc cát rải trên lưng nó như rắc muối tiêu. Hai đứa có vẻ cười vui thỏa thích. Nhớ lần tôi tình với Kim trên bãi biển này, tôi đã lấp cát phủ Kim thật kín chỉ chừa cái đầu. Rồi tôi lấy ngón tay viết chữ nhẹ chữ se t'ime lên lưng Kim. Tôi hỏi Kim có biết anh viết chữ

gì không. Kim đỏ mặt nói không biết. Buổi đi chơi biển chấm dứt ngay sau đó. Vậy mà rồi hai đứa yêu nhau. Sau này có lần nhắc lại chuyện trên Kim nói tôi tổ tình cái lỗi gì vô duyên lãng nhách. Anh nhứt định là không nói chuyện với Kim rồi phải không anh Quyết? Được, thôi Kim đi về đây. Như vậy là tại mình coi như xa nhau rồi hén? Ờ, anh coi vậy mà khôn dữ, chưa có ai ngu dại hơn Kim. Ờ chú bé! — Kim vừa nói vừa gõ thìa lên bờ ly nước dừa. — Tính tiền đi chú. Mong gặp anh muốn chết, mà gặp mặt thì như vậy đó. Thấy phát điên. Tôi bẻ cái ống hút làm hai liếng xuống cát, lấy chân dẫm đi một hơi. Tôi cầm ly bĩa lên uống một hơi. Bọt bĩa dính ở môi, tôi lấy bando của Kim chùi. Kim giắt lại rồi nói lâu lâu cái gì đó tôi không nghe. Tôi ngó mong ra biển. Cặp trai gái đã đi đâu rồi, chỉ còn lại cây dù xanh. Cây dù xanh, Kim sẽ mặc áo tắm màu xanh, mang bando xanh, rồi hai đứa mình thuê một cây dù xanh nói chuyện cho đã. Tôi nhìn Kim mờ ảo qua ly bĩa. Đáng như trong thư Kim viết, Kim mang bando xanh, áo tắm màu xanh. Người Kim dài thật dài. Tôi nói tại mình thiếu cây dù xanh hén Kim. Kim nhìn tôi nói bộ anh không hà. Nói năng lung tung chẳng ai hiểu được cái chi hết. Giọng Kim có vẻ giận dữ. Tôi nói được rồi để anh trả tiền cho Kim. Nè chú bé, tôi chạm miệng lại suýt suýt, nè chú bé tiền đây, tiền lẻ còn lại cho chú hết. Chú bé nói cảm ơn cậu hai, cậu hai tử tế quá. Tôi nắm tay Kim chỉ nhà thay áo quần nói nè Kim, Kim vào tắm lại nước ngọt đi rồi tại mình thay quần áo về nhà nói chuyện chơi. Anh cho Kim coi cái này hay lắm. Kim hất tay tôi ra nói cái anh này kỳ cùng mình hà ta. Đề coi Kim không về thì anh làm gì Kim đây. Tôi khom người xuống phủi cát dưới hai bàn chân rồi mang dép đứng dậy. Cát bu nhột khó chịu quá ta. Kim cười nói anh này ăn nói cái gì nghe ghê quá chừng hà. Kim không thêm tắm lại nước ngọt đâu. Thôi tại mình về đi anh. Tôi nói ờ mà thôi tại mình về phứt đi cho rồi.



— Chiều đã xuống trời lâu. Căn phòng phủ đầy bóng tối. Mùi hoa dạ lan và tiếng nhạc từ nhà hàng Club Vautique trôi bồng bềnh tỏa khắp gian phòng. Tiếng sóng bề bề vỗ về giấc ngủ tôi. Căn phòng xa lạ chứa những bàn ghế chiếu u chẳng xa lạ. Và một người đàn ông xa lạ nào nằm cạnh bên tôi. Tôi còn nghĩ gì được trong vòng tay thân thể tôi và cả đời tôi trong đó. Cánh tay dài như một sợi dây thừng trời quẩn lấy tôi, mang bỏ tôi chìm trong một vực thăm âm u nào. Và đôi mắt anh, đôi mắt như ngọn lửa ở một cường độ thực

cao đốt cháy thân thể tôi, soi mói tận tâm hồn tôi. Tôi lúc đó như một cây đuốc và lửa bốc cháy ở đầu những sợi tóc để hơi nóng dần xuống tận đỉnh những ngón chân. Anh nằng nịu lắm, Tôi chờ đợi anh và anh không buông thả tôi một chút nào, một chỗ nào. Ôi làm thân con gái buồn như cô cây. Bây giờ cây đã cháy, cỏ đã khô và đêm đã tàn. Tôi còn làm lại gì? Kim ơi, mày còn lại gì? Trong vòng tay anh, em còn lại gì? Tôi không còn gì hết. Không còn gì hết. Tôi đã chối đời con gái. Tôi đã đánh mất tôi. Tôi lạc tôi rồi. Tôi dờ dáp của mình thật nhẹ ra đứng bên cửa sổ nhìn biển ban đêm. Biển đen và đêm đen. Tiếng sóng bề bề và gió nghe thật gần. Biển động mạnh. Tôi cầm chiếc radio transistor mở ở volume thấp nhất. Bằng giọng nói ấm áp và dễ thương Anh Ngọc giới thiệu tiếng ca tròn và gợi cảm nằng nịu như căn dặn tiếng ước mơ của Thái Thanh kể về niềm nhớ thương một Hà-Nội mùa-thu đã mất. Bây giờ là mùa thu rồi sao? Tôi vuốt ve tóc tôi, những sợi tóc mềm bay mùi thuốc lá. Tôi nghĩ đến sự liên hệ kỳ cục giữa thuốc lá và đàn ông, giữa đàn ông và đàn bà. Tôi vuốt ve thân thể tôi. Trời lạnh. Tôi liếm môi và nghe mẩn mẩn. Tôi không còn hiểu gì cả. Tôi không hiểu nổi tôi nữa. Cái gì làm chúng ta gần nhau? Ở thật xa anh tôi nhớ anh. Bây giờ gần anh tôi thấy sao hai đứa xa cách nhau làm vậy. Tôi trở lại giường kéo chăn phủ kín đầu. Đêm ở biển lạnh lắm. Tôi thấm tận da thịt. Quyết của mình và như một con sói anh vỗ lấy tôi. Một lần nữa lửa bốc cháy trong tôi. Trong cơn mê man thân trí tôi bay bổng. Lửa hương hực đốt cháy cả những lâu đài ngà ngọc trong tôi. Tôi giống như một que diêm. Một que diêm phủ đầy diêm sinh. Một tên to lớn đến bên cạnh tôi tôi dậy và đẩy tôi dậy và đẩy tôi dậy. Mày có đi không hay năm lý ra đó. Đồ chó đẻ. Hai cổ tay tôi bầm tím và thân thể tôi như bị ai cắn từng thớ thịt. Chiếc áo dài tôi bẩn nhiều chỗ và vật áo sau đã không còn. Buổi sáng tôi đã xé nó chúi vết máu cho chị bạn cùng trong xà lim. Chị nói với tôi chị đã không khóc khi bị chúng đánh đập và giữ nước mắt vào tận xà lim khóc một mình. Tuy nó sẽ không bao giờ thấy nước mắt của tôi. Tôi cũng vậy. Mái tóc của tôi cắt ngắn nên không chải gỡ cũng chẳng sao với lại trong hoàn cảnh đó thiệt tình tôi không còn tâm trí đâu mà nghĩ đến chuyện điếm trang nữa. Hân thờ hồng học như một con vật vừa nói đứng lại đây chờ tao một chút đồ chó đẻ. Rồi hân mở cửa bước vào một gian phòng. Hân tra đèn chữ đồ chó đẻ. Bà tôi cũng như mẹ tôi rất kỳ đúng loại tiếng này. Cha tôi nói chữ đồ chó đẻ. Tôi nghĩ đến những sợi tóc cứng và ngắn của tên cao lớn. Bàn tay rắn và chặt như giòng kẽm. Tôi bỗng nghe đau nhói ở sau lưng. Hân đập tôi ngã dúi vào một gian phòng tối om như ở rạp chóp bóng. Tôi chống tay định bỏ dậy thì một bàn tay họ pháp của hân giật tóc tôi xẹt

tôi dậy và ấn tôi ngồi xuống một chiếc ghế, chắc là ở giữa phòng. Tôi lo lắng chưa biết chúng định làm gì tôi thì đèn bật sáng. Không phải thứ đèn phòng khách đâu, thứ đèn này tròn và to giống đèn đèn ở dưới chân sân khấu tôi còn nhớ hồi xem phim *Limelight* của Charlie Chaplin, ở đoạn người vũ nữ múa đèn chiếu sáng tròn quanh người cô ta còn tắt cả sân khấu thì chìm trong bóng tối. Bấy giờ tôi cũng giống như vậy. Nhưng có điều khác là ngọn đèn chói hơn nóng hơn và khăn giấy không có vỗ tay. Cả gian phòng bỗng như sâu hơn và ánh sáng ngọn đèn, dường như đặt tại một góc phòng bỗng lóe lên làm tôi thảng thốt. Rồi một ngọn đèn ở góc phòng thứ hai chiếu tới nâng bổng tôi lên và quăng tôi vào một vầng trống trơn sâu thẳm. Rồi kể đó tôi có cảm tưởng như đèn từ bốn góc phòng, từ trần nhà bật cháy cùng một lúc. Tôi giống như một hạt nước biển trong đêm đen rơi hàng từ bàn tay người thủy thủ xuống biển khơi. Biển khơi mênh mông mịt mù và tôi chìm xuống đó như một loài rong. Tên đàn ông tắt tôi một cái đầu đinh. Còn mặt nó toàn màu trắng và khuôn mặt dữ tợn. Nó hỏi tôi một câu gì đó, dường như thế, vì quả thật là tại tôi choáng váng không nghe thấy gì.

— Tên! Tên của mày, tên họ của mày, đồ khốn nạn, nghe chưa?

Tôi trả lời rằng tên tôi là Kim. Thẻ căn cước tôi đã bị lấy hồi sáng, chưa trả, và tên họ tôi, ngày sinh tháng đẻ, tên cha tên mẹ đầy đủ trong đó.

— Không cần! Hân! hét to lên và tay phải hân đập xuống hân. Không cần! Mày nghe chưa? Tao chỉ muốn nghe mày nói thôi. Tên họ mày là gì!

— Nguyễn thị Kim,

— Tuổi? Lần này hân đập bàn có vẻ mạnh hơn. Tôi nói không ra tiếng. Hai mươi tuổi. Còn ba mươi hôm nữa tôi đầy hai, mươi tuổi. Mẹ tôi đã nghĩ đến chuyện gả chồng cho tôi từ hai năm nay. Mười tám, tôi vẫn ăn yến và hân diện về ông bác sĩ đó. Rồi con sẽ sướng suốt đời con ơi! Tôi đã gặp hân ta hai lần. Lần thứ nhất hân đến mời cả nhà đi xem phim *Il s'enfuit que, ving ans*, lần thứ hai mời riêng tôi đi xem phim *Paris by night*, gọi là để làm quen trước khi sống chung. Tôi biết là đã có sự thỏa thuận của mẹ tôi. Nhưng cứ làm bộ kêu là mẹ khô. Cả hai lần đều không có tôi. Không phải tôi không ra hân. Trông hân mồm mím dặt dẹo nói năng từ tốn cũng dễ thương. Tôi chỉ coi hân như một đứa bé muốn làm ông cụ. Về trình trạng của hân làm tôi chết cười. Và lại tôi không

đi với hân là vì cả hai lần tôi đều phải đi với Quyết. Tôi thấy hai con mắt hân van lơn, nhưng tôi không dám quên đôi mắt đen ngó như xoáy vào tim của Quyết. Đèn bỗng như lóe lên chói mắt tôi. Nước mắt tôi bỗng ràn rụa. Tôi không khóc tôi nói thật là tôi không khóc mà. Nhưng cay mắt quá tôi không chịu nổi. Tôi nói ông làm ơn quay ngọn đèn sang phía kia cho tôi. Tôi chịu hết nổi rồi.

— Chịn không nổi thì khai, cha mày nghề gì? Mẹ mày nghề gì? Hân hét vào tai tôi và ngọn đèn vẫn giữ nguyên chỗ cũ. Tôi nói cha tôi làm nghề dạy học. Làm nghề dạy học đâu có gì quấy phải không ông?

Hân chồm tới nắm cổ áo tôi giật một cái thật mạnh. Tôi nghe tiếng vải rách soạt. Và bằng một phản ứng chớp nhoáng tôi kéo vạt áo lên che ngực.

Hân phải hai tay đứng dậy bỏ ra ngoài.

Tôi ngồi lại một mình trong phòng với ngọn đèn. Ngọn đèn và tôi. Cả hai đều cô đơn. Cả hai đều trần trụi. Tôi như một con thú bị xua ra tận cùng bìa rừng. Đằng sau là chỗ săn, đằng trước là đồng bằng. Chỗ săn không phải là bạn tôi, và đồng bằng làm sao dung nổi con thú rừng. Tôi ngồi như thế đó và tôi nghĩ đến cha tôi. Hai con mắt đã chồm một nhọc, hai bàn tay đã khô héo nụ cười... đã phai. Chỉ còn lại cái tâm hồn tươi trẻ nồng nhiệt sưởi ấm gian nhà là mẹ và tôi. Có tiếng giầy gỗ mạnh ngoài hành lang. Hình như hân đứng lại trước phòng. Tôi nghĩ đã đến lúc mình phải trả lời về nghề nghiệp của mình. Tôi làm nhảm trong trí những câu trả lời về cái nghề làm học trò của tôi. Vẫn không có người vào. Sự im lặng làm tôi sợ. Tôi nghĩ đến cái phòng học chật như nêm. Một cái bàn ngắn mà đến năm đứa chen chúc nhau. Khí ghi bài, đứa này đụng vào đứa kia, kêu réo om sòm. Rồi hân lại đi. Tiếng giầy để đa cọ lên thêm xi măng dính cát nghe rào rào như tiếng ai đang nạo xương. Tôi bỗng nghĩ đến một lối tra tấn dã man. Nếu tiếng động kia phát ra từ tiếng dao cạo trên xương sống mình? Eo ôi! Chỉ nghĩ đến chừng ấy cũng đã muốn chết rồi.

— Thế nào? Điếc hả?

Tôi giật mình ngó lên. Hân đấy. Cái tên to lớn đã vào đây từ bao giờ. Hân dầy cảm tôi lên ngó tận mặt hỏi như hét vào tai:

— Thế nào? Nói đi. Mày làm nghề gì?

Tôi kiệt sức rồi. Tôi làm nghề học trò. Hân đập tay xuống bàn:

— Học trò không phải là nghề! Mày hiểu chưa? Mẹ mày làm nghề gì?

— Buồn bán nội trợ. Tôi như tỉnh hẳn, ngó chăm vào mặt hẳn trả lời. Mắt tôi sưng mọng lên, hai mí trên nặng kéo trĩu xuống. Tôi nhìn hẳn như khi nhìn ai qua một khe cửa. Văng trăn đã thấy những nét nhăn. Hai con mắt to sáng và như có dòng chút buồn, hàng lông mày rậm, đôi môi dày và hàng ria mép vênh khẹo. Không, đây không phải là khuôn mặt hung thần. Tôi tự nói thầm — Đồ du đảng!

Tôi thấy hẳn giơ tay lên và đánh đập một cái vào mặt tôi. Cứ cái kiểu này hoài thì hai con mắt sưng húp không còn kẻ hở. Tôi không phải là người hiền lành, khôn ngoan, cũng không phải là người du đảng. Hiền lành đã có những đứa con gái suốt ngày du dú trong nhà, bếp núc và may. Khôn ngoan đã có những đứa đầu đôi ba cái bằng cấp. Du đảng đã có những nữ chúa rắn rì. Còn tôi, tôi không làm được cái tích sự gì. Tôi chỉ là một đứa học trò tầm thường trong muôn ngàn vạn ức đứa học trò tầm thường khác. Trong lớp học tôi ngồi im cúi đầu và tai vênh ra như đón nghe lắng nghe những lời giảng dạy. Ấy vậy mà tôi không hiểu gì hết. Tiếng xe buýt chạy ngoài đường. Hai bà hén quả trong chảo rửa dĩa trước. Chiếc xe tắc xi giăng bài của giáo sư ở phòng bên cạnh. Tôi nghe tất, nghe rõ ràng và không nghe gì cả. Tôi không giỏi Việt văn, tôi không xuất sắc về Toán. Cái vốn Sinh Ngữ nhỏ bé của tôi chỉ đủ giúp tôi nói trôi chảy giá tiền của một món hàng, và gặt gù đầu kèm với yes hay no.

Tôi đã nói là ngồi trong lớp học mà tôi không nghe thấy gì hết. Có lẽ bởi tôi nghe tất cả và thấy tất cả nên không nghe thấy gì. Tôi nghĩ đến mái tóc của con nhỏ ngồi bên cạnh, mũi nước hoa nó bôi, chiếc vòng nó đeo, màu đen bút chì trên mí mắt kẻ dài thêm như đuôi cá. Những thứ đó tôi thấy dường như hơi nhiều trên một khuôn mặt non. Con nhỏ ngồi bên cạnh đó tuy vậy mà khỏi hài một cây. Khi nghe tôi kể tình trạng tinh thần «lãng đãng» đó thì nó nói với tôi như thế này: Con ơi, con có thể học đạo yoga được rồi đây. Khi con nhìn thật kỹ mà không thấy, khi con lắng tai thật cố tình mà không nghe, khi con hết lòng biết mà trí vẫn u mê thì con ới con có thể bắt đầu yoga rồi đây. Tôi không hiểu yoga là cái quái gì, nhưng thấy nó nói giọng nghiêm chỉnh nên tôi bật cười. Buổi học hôm đó tôi có con «xi rô» sớm hơn hết. Mẹ tôi phản nản tôi về cái tội học hành bê bối. Tháng nào cũng đôi ba lần như thế. Tôi nói tiếng là vua đội sổ, người cầm đàn tã. Và tôi đã đóng vai trò đó khéo đến nỗi cha tôi phải kêu lên vì ngạc nhiên. Tôi cũng biết mình đã làm cha mẹ buồn, nhưng thực tình tôi không biết phải làm sao hơn. Tuy thích

uống rượu và say mê sách vở, cha tôi vẫn là người thực tế. Cha bấm đốt ngón tay, tính ngày tôi về nhà chồng và buồn bã nghĩ đến nỗi quanh hiu của hai người còn lại. Buổi chiều thứ bảy, khi mặt trời đã xuống, ba chúng tôi thường đi dạo trên đường Phan thanh Giản khoảng từ Công Lý đến nhà thương Saint-Paul. Thỉnh thoảng rẽ sang đường Đoàn thị Điểm. Cha tôi cho đó là quãng đường đẹp nhất Saigon. Tôi thì thích ngắm những chiếc lá cây rụng ào ạt trên bờ cỏ. Chiếc lá chỉ cần tung lên cao là có thể nhìn nó chao đầu xuống xoay tròn như phi đội Thần Phong của Nhật bản. Cha tôi nói mây có những ý tưởng của một đứa con trai. Và những dịp như thế là cơ hội cho mẹ tôi thở than với cha về nỗi ngu dốt của tôi. Dĩ nhiên bà không quên kể về cái tương lai đen tối của con gái bà. Tôi thì tôi nghĩ là chả có làm sao. Cha tôi cũng vậy. Mọi việc rồi cũng chẳng làm sao hết. Nhưng sự cô đơn vẫn thường ở về phía những người ít nói. Mẹ tôi đã biến thư cho ba tôi và than thở như vậy. Nhưng cha tôi thì nghĩ ngược lại. Chính những kẻ nói nhiều nhất mới là những kẻ cô đơn nhất. Bởi sự cô đơn đến cùng tột thường bắt người ta phải che giấu nó. Nói là một hình thức che giấu tốt nhất. Từ đó tôi suy ra cha tôi là người cô đơn.

— Tôi biết ông cô đơn hơn cha tôi vì ông nói nhiều hơn cha tôi.

— Cái gì? Mày nói cái gì. Súc vật? Đồ khôn nản.

Hắn la to lên, tay lại đập xuống bàn. Hấp nhún chăm chăm vào mặt tôi. Tôi thấy hàng ria mép của hắn khê động, hai hàng lông mày rậm chầu lại gần. Tôi đọc thấy tất cả những giận dữ trong nỗi nhìn của hắn. Trên khuôn mặt vuông đó, chiếc cằm nhọn, vầng trán cao, những vết nhăn ở cuối khóe mắt. Hai chiếc túi lệ thông phía dưới nghiêng xuống hai gò má xương cao. Những tháng những năm đã qua đời mắt đó, những đêm những ngày đã đổ xuống đôi gò má kia. Bao nhiêu lo âu, bao nhiêu buồn phiền. Tôn giáo, tao hỏi mày tôn giáo gì? Mày nghe chưa?

Tôn giáo gì. Cha tôi đạo Phật. Mẹ tôi Thiên chúa giáo. Tôi đi nhà với mẹ mỗi sáng chủ nhật. Và hơn năm nay đôi ba lần tôi nghe cha giảng về kinh Lăng Nghiêm. Cha tôi nói đức từ bi giống như giọng suối trong chảy giữa lòng sa mạc khô cằn. Mẹ tôi đưa tôi đến nhà thờ quỳ lạy hàng giờ trước ảnh Đức Mẹ. Chúng tôi cầu xin sự bình an trong tâm hồn mọi người và hòa bình cho thế gian. Chúng tôi đau đớn và xót xa khi thấy những cảnh tượng xảy ra hàng ngày ở đây. Một người mẹ khỏe con vừa mất tích trong trận đánh tuần trước. Người vợ trẻ khóc chồng khi nhìn đứa con mới chào đời mà cha đã bị chiến tranh cướp mất. Tôi đã nhìn thấy những hàn tay

không tác sát chiến đấu với giấy thép gai và súng gậy. Tôi không biết gì hết, tôi lao đầu vào đám đông đó. Tôi muốn chia xẻ với mọi người những xót xa đau đớn bởi chính tôi cũng đau đớn xót xa. Những người đã chết không nói gì hết sao? Những người còn sống không nói gì hết sao? Rồi rồi cuộc tôi làm được gì? Mặt ông có quầng đen và nặng nhọc chắc ông đã thức nhiều đêm không ngủ, chắc ông đã hỏi cung nhiều người. Làm sao tôi dám nói là cái nhìn của ông giống nỗi nhìn của cha tôi. Cái nhìn hối hận khi tát một đứa con vô tội, cái nhìn ăn năn vì những lời nói đã vô tình thốt ra trong cơn giận dữ. Ông nhìn xem bàn tay tôi đây này. Bàn tay mềm đau có hợp với chiếc công sắt cứng và nặng. Thịt xương tôi làm sao chịu nổi những roi da, những đồng điện, những củ dấm. Nhưng ông liếc là tôi không khóc đâu. Không bao giờ khóc. Hôm được tin thì rớt Tú Tài, mẹ tôi nói thôi con đừng buồn, rớt kỳ này thì kỳ khác. Kỳ sau thế nào con cũng đậu mà, mẹ tin như vậy. Con cứng của mẹ. Hôm đó có ai đánh tôi đâu vậy mà tôi ôm lấy mẹ, ngã đầu vào ngực mẹ khóc ròng rã, nước nớc. Mẹ tôi hay nói đùa về tôi với bà ngoại là mẹ chỉ muốn đóng thùng con Kim và dán chữ «Xin nhẹ tay, coi chừng bể» ở ngoài. Bây giờ thì ông nhìn thấy đó, tôi sắp bị bẻ rồi...

Tôi đã nói với ông là tôi không biết gì hết nên tôi sẽ không nhận và sẽ không khai gì hết. Tôi không hiểu chính trị nên ... tôi không làm chính trị. Tôi không hiểu chủ nghĩa này kia nọ nên tôi cũng chẳng biết phải hành động cho một đảng phái nào. Tôi chỉ biết có những người đã chết vô lý, oan uổng, những người còn sống bị bạc đãi, bị hành hạ. Ai bạc đãi, ai hành hạ, ai bóc lột, ai giết chóc? Tôi tưởng ông hơn ai hết là người biết rõ câu trả lời đó. Bởi chính tại tôi nghe, chính mắt tôi thấy cảnh đàn áp dã man, tiếng rên xiết kêu la thảm thiết của những người trong tay không có tác sát chống lại những kẻ trong tim không có chút tình. Ông bảo sao? Ông nói những hành động của tôi là điên rồ, là trẻ con? Nghĩ cho cùng ông nói có phần đúng. Người lớn lúc nào cũng có lý và biết nhiều việc. Trẻ con như bọn tôi thì chỉ biết có một điều hết sức trẻ con là vui thì cười, buồn thì khóc, không bằng lòng thì phản đối. Tôi không biết làm gì cả. Tay tôi mềm, người tôi mong manh, óc tôi chật hẹp và tôi đứng hàng chót trong lớp học.

Cái gì? Ông muốn biết tôi là học sinh trường nào à? Sao? Đã theo học những trường nào từ trước đến nay à? Tôi theo học nhiều trường. Ở Saigon này chỉ sợ không có tiền đi mà theo học chứ không phải sợ không có trường để mà đến. Cha tôi nói tìm một trường đứng đắn cho tôi học khó quá. Nhưng mà, ông chắc trước, trường nào rồi cũng đến vậy thôi. Mày «bảo hòa» rồi. Quả thật tôi

«bão hòa» rồi. Đôi lúc tôi cũng có nghĩ nếu mình được vào học ở Gia Long hay Trưng Vương thì hay biết bao nhiêu. Nhưng những chỗ đó cao và xa quá, và lại kỳ tôi nữa. Mẹ tôi nói thế. Tôi không biết phải giải nghĩa ra làm sao. Sao? Bạn bè có những gì? Tên gì à? Tôi không có bạn bè nhiều ngoài cha và mẹ tôi. Tôi đến trường với vở sách trên tay, nói chuyện với hết thầy bạn học và không nói với ai hết. Chiều thứ năm đi xem chớp bóng với ba, sáng chủ nhật đi nhà thờ với mẹ. Giờ còn lại ở nhà bếp, dọn trường và bàn học. Tôi không thích ăn diện, không thích lượn phố đông người, không thích ra vào những tiệm kem, không thích ai chú ý. Tôi cũng biết là cho dù mình có thích đi nữa thì cũng chẳng có chi là lạ giữa cái thời buổi kỳ cục này. Nhưng dường như vì tôi nghĩ ngược lại nên có người cho là tôi bất thường, là quê mùa, là cò hủ, là dốt,... là... đủ thứ. Tôi không trách họ, bởi cũng như mẹ tôi, tôi thương hết mọi người.

— Nói nữa đi con...

—

— Nói nữa đi con ...

Tôi không nghe thấy gì hết, ngoài những tiếng động mạnh như một bàn tay đập vào khuôn mặt và những vòng tròn xoáy rộng ra lớn dần lớn dần. Nước biển vỗ về thân thể tôi và tôi thấy mình trôi giữa khơi xanh. Mình trôi và mình chìm như một loài rong. Khi Quyết buông tôi ra tay anh còn đặt lại trên ngực tôi. Chắc anh tưởng đó là chiếc phao. Tôi nhớ vậy biết mình đã lên bờ.

Trên núi non cây cối thì buồn

Đá ở không hàng muôn nghìn năm

Tôi đọc thấy hai câu thơ của Viên Linh trong một tập chỉ văn Nghệ xuất bản cách đây mấy năm và tôi bỗng thấy mình gần gũi với cái thời sự đó. Cái thời sự nói cho tôi biết người đàn ông có đôi mắt dày và hàng như có đọng chút buồn, hàng lông mày rậm, mặt vuông, với chiếc cằm nhọn, vầng trán cao, những vết nhăn ở cuối khoé mắt và hai chiếc túi lệ nghiêng xuống đôi gò má xương ông người con trai ngoài mặt trần và xin trả lại cho anh người cha thành phố. Tôi bây giờ như nhánh củi khô đã rữa, đã mục, trôi lênh bênh trong con nước lũ.

lời quê hương

Tôi bằng khuông ngó trên thân thể mình
Mệt mỏi sau những cát bụi sông lờ
Rừng tóc hoang vu, soi gương bằng sợ
Vết sẹo trẻ thơ, vết chém đầy thì
Những phút cuồng, buông thả mình đi
Phần thân thể trong những ngày nội loạn
Những giấc quan, đã bao lần phân tán
Liên đới thân mình, thù nghịch anh em
Đốt cháy lòng trong những hơi men
Mim cười gượng sau những lần tự dối
Đi vắng qua trên bảy đầu sóng nổi
Tôi bằng bệnh khó định hướng sao mai
Và giết mình khi nghĩ đến tương lai
Trong cơ thể đã lỏng từng khớp nối
Tôi nhủ thầm : — sau những ngày tăm tối
Bảo phải qua và trời sẽ quang mây
Hãy sống hiền lành, hơi những chân tay
Bồi dưỡng lại cho phẳng đầy vầng trán
Cho tóc thêm xanh, vầng chân công vô hạn
Sống hợp quần — Hơi thân thể Việt-Nam

lời ru từ hư vô

Trên đỉnh sương mù hoang liêu phát nguyên từ nỗi sáng suốt ngông cuồng đáng tiếc, với sự trần trụi nguyên thủy của A-Dam về nỗi trống không ghê rợn đời người, anh choáng váng nhìn qua ngưỡng cửa hư vô.

Lời ru nào khe khẽ âm vang từ đo giắc.

Dưới vực sâu âm u của chân chường một mối về trọng lượng một tảng đá vô hình của kiếp người kéo dần linh hồn vào vực sâu không đáy, anh muốn buông chìm theo bóng thời gian.

Bàn tay êm ái vươn ra từ đo giắc.

Giữa đại dương bao la mà con tàu đức tin tan tành theo sóng gió điên cuồng thổi từ nội địa ý thức và mặt nạ ảo ảnh rơi chìm thắm thương, anh bơ vơ như bọt biển trong niềm tuyệt vọng vô biên.

Chiếc phao nào đột hiện âm thầm trong đo giắc.

Trong khu rừng già mịt mù của cuộc phiêu du không thể chối từ đây cạm bẫy rắn rết và thú dữ mà thung lũng xanh tươi phải chăng là quê hương ngàn thu của mảnh hồn gần bờ lửa.

Con suối nào im lìm băng ngang vàng đo giắc.

DYNH HOÀNG-SA

MÀN KỊCH KHÔNG LỜI

(ACTE SANS PAROLES)

Kịch : SAMUEL BECKETT
người dịch : HOÀNG NGỌC BIÊN

NHÂN VẬT :

Một người đàn ông. Cử động quen thuộc : gấp chiếc khăn tay lại rồi mở ra.

SÂN KHẤU :

Trống không. Đèn chiếu sáng chói.

HÌNH TÁC :

Bị đẩy bước lùi ra sân khấu từ hậu trường bên phải, người đàn ông sấp chân, té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phải bặt, suy nghĩ. Tiếng còi huýt ở hậu trường bên phải.

Hắn suy nghĩ, đi ra phía bên phải.

Bị đẩy ra sân khấu ngay liền lúc đó, hắn sấp chân, té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phải bặt, suy nghĩ. Tiếng còi huýt ở hậu trường bên trái.

Hắn suy nghĩ, đi ra phía bên trái.

Bị đẩy ra sân khấu ngay liền lúc đó, hắn sấp chân, té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phải bặt, suy nghĩ. Tiếng còi huýt ở hậu trường bên trái.

MÀN KỊCH TRÌNH DIỄN VỚI PHẦN NHẠC CỦA JOHN BECKETT

Hắn suy nghĩ, đi về phía hậu trường bên trái, ngừng lại trước khi đến tới hậu trường, nhảy lùi về phía sau, sấp chân, té xuống, đứng dậy ngay lúc khác, phải bụi, suy nghĩ.

Một cái cây nhỏ từ trên vòm sân khấu hạ xuống đất. Một cảnh độc nhất cách mặt đất ba thước và trên đỉnh có một chòm lá thốt nốt lưa thưa chiếu xuống một bóng mát mong manh.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn quay người lại, trông thấy cái cây, suy nghĩ, tiến lại phía cây, ngồi xuống chỗ bóng mát, nhìn hai bàn tay.

Một cái kéo thợ may từ trên vòm sân khấu thả xuống, bất động trước cây, cách mặt đất một thước.

Hắn vẫn nhìn hai bàn tay.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn ngẩng đầu lên, trông thấy cái kéo, suy nghĩ, lấy kéo và bắt đầu cắt móng tay.

Những chiếc lá thốt nốt rũ xuống trên thân cây, bóng mát biến mất.

Hắn bỏ kéo ra, suy nghĩ.

Một cái bình nhỏ, có treo một nhãn hiệu lớn và cứng mang chữ NGƯỜI, từ trên vòm sân khấu thả xuống, bất động cách mặt đất ba thước.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn ngước mắt lên, trông thấy cái bình, suy nghĩ, đứng dậy, đi đến ngay dưới cái bình, thử với tay lấy nhưng vô hiệu, quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Một cái thùng vuông lớn từ trên vòm sân khấu hạ xuống đất.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn quay người lại, trông thấy cái thùng, nhìn nó, nhìn cái bình, lấy thùng vuông đặt ngay dưới cái bình, thấy thùng đứng vững, bước lên, thử với tay lấy cái bình nhưng vô hiệu, bước xuống, đem thùng trở về chỗ cũ, quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Một cái thùng vuông thứ nhì nhỏ hơn từ trên vòm sân khấu hạ xuống đất.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn quay người lại, thấy cái thùng thứ nhì, nhìn nó, đem đặt ngay dưới cái bình, thấy thùng đứng vững, bước lên, thử với tay lấy cái bình

nhưng vô hiệu, bước xuống, nắm đem thùng trở về chỗ cũ, đổi ý, đặt nó xuống, đến tìm cái thùng vuông lớn, đặt nó lên thùng nhỏ, thấy thùng đứng vững, bước lên, thùng lớn trượt, hân té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phủi bụi, suy nghĩ.

Hắn lấy thùng nhỏ đặt lên thùng lớn, thấy thùng đứng vững, bước lên và sắp với tới bình thì cái bình lại lên cao một tí và đứng bất động khỏi tầm tay.

Hắn bước xuống, suy nghĩ, đem những thùng vuông về chỗ cũ, hết thùng này đến thùng kia, quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Một cái thùng vuông thứ ba còn nhỏ hơn nữa từ trên vòm sân khấu hạ xuống đất.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn quay người lại, thấy cái thùng thứ ba, nhìn nó, suy nghĩ, quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Thùng vuông thứ ba lên cao trở lại và biến mất trên vòm sân khấu.

Đến cạnh cái bình, một sợi dây có thắt gút từ trên vòm sân khấu thả xuống, bất động cách mặt đất một thước.

Hắn vẫn suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn quay người lại, trông thấy sợi dây, suy nghĩ, leo lên sợi dây và sắp với tới cái bình thì sợi dây dần ra và đưa hắn trở xuống đất.

Hắn quay ra chỗ khác, suy nghĩ, đưa mắt tìm cái kéo, thấy kéo, đến nhặt lên, quay trở về phía sợi dây và định cắt.

Sợi dây căng ra và nhắc bổng hắn lên, hắn vẫn bám vào, cắt xong sợi dây, hắn rớt xuống, bỏ kéo ra, té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phủi bụi suy nghĩ.

Sợi dây lên cao trở lại rất nhanh và biến mất trên vòm sân khấu.

Với đầu dây hắn thắt một sợi dây, thông mà hắn dùng để cố thắt lấy được cái bình.

Cái bình lên cao trở lại rất nhanh và biến mất trên vòm sân khấu.

Cầm sợi dây thông trong tay, hắn đi về phía cây, nhìn sân khấu, người lại, nhìn những cái thùng vuông, lại nhìn cành cây, cành, quay thông ra, đi về phía những cái thùng vuông, lấy thùng cây, bỏ sợi dây dưới cành cây, trở lại lấy thùng lớn và đem nó để dưới cành cây, muốn đặt thùng lớn lên thùng nhỏ, đổi ý, đặt thùng nhỏ lên thùng lớn, muốn thùng đứng vững, nhìn cành cây, quay ra chỗ khác và cúi xuống để lấy lại sợi giây thông.

Cành cây rũ xuống dài theo thân cây.

Hắn đứng thẳng dậy, tay cầm sợi dây thông, quay người lại, nghiêng ra.

Hắn quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Hắn đem những cái thùng vuông trở về chỗ cũ, hết thùng này đến thùng kia, cầm thận cẩn thận sợi dây thông lại và để lên cái thùng nhỏ.

Hắn quay ra chỗ khác, suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở hậu trường bên phải.

Hắn suy nghĩ, đi ra phía bên phải.

Bị dây ra sân khấu ngay liền lúc đó, hắn sảy chân, té xuống, đứng dậy ngay tức khắc, phải huýt, suy nghĩ.

Tiếng còi huýt ở hậu trường bên trái.

Hắn nhìn hai bàn tay, đưa mắt tìm cái kéo, thấy kéo, liền nhặt lên, bắt đầu cắt móng tay, ngừng lại, suy nghĩ, đưa ngón tay vuốt lười lười kéo, lấy chiếc khăn tay chùi lưỡi dao, đi lại để cả kéo lên khăn tay, lên cái thùng nhỏ, quay ra chỗ khác, mở còi ảo, đưa còi ra và sờ sờ vào nó.

Cái thùng nhỏ lên cao trở lại và biến mất trên vòm sân khấu mang theo nó sợi dây thông, kéo và khăn tay.

Hắn quay người để lấy lại kéo, nghiêng ra, ngồi lên cái thùng lớn.

Thùng lớn lay động, hất hắn xuống đất, lên cao trở lại và biến mất trên vòm sân khấu.

Hắn vẫn cứ nằm dài nghiêng một bên hông, đối diện với khán giả, mắt nhìn đăm đăm.

Cái bình hạ xuống, bất động cách người hắn nửa thước.

Hắn không nhúc nhích.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn không nhúc nhích.

Cái bình lại xuống nữa, chạy lững lững chung quanh một lần.

Hắn không nhúc nhích.

Cái bình lên cao trở lại và biến mất trên vòm sân khấu.

Cành cây lại chĩa dậy, là cây lại mở ra, hông mặt lại trở về.

Tiếng còi huýt ở trên cao.

Hắn không nhúc nhích.

Cây lên cao trở lại và biến mất trên vòm sân khấu.

Hắn nhìn hai bàn tay.

Đôi Thoại

Ý NGHĨA VỀ MỘT CUỘC ĐÔI THOẠI

HOÀNG BÌNH HUY

Tuy-Hòa ngày 13-11-1965

Phượng yêu quý,

Trong vòng không đầy một tuần lễ anh đã nhận được đến hai lá thư của em cũng một lúc. Hai lá thư mà trong đó em đã tỏ ý phản nài, tỏ ý khó chịu về một đôi thoại giữa những người Tri thức Miền Nam và những người Tri thức Miền Trung, nhất là cuộc đối thoại giữa nhà văn Thế Uyên (nhà văn mà em vẫn thường báo với anh là viết thật bạo, thật sôi nổi không tưởng) và giữa một Chủ tịch Tổng hội sinh viên Huế trên lập chí VĂN HỌC. Anh thật không muốn trả lời em, không muốn viết gì cả trong lúc này nhưng em vẫn bắt buộc anh phải bày tỏ một thái độ, một sự phê phán, một sự đồng tình hay chống đối những lời lẽ trong cuộc đối thoại đó. Và anh thấy không thể nào từ chối được, một phần vì nhận thấy những điều thức mắc của em là đúng, phần khác anh đang sống trong một khung cảnh chiến tranh mà những việc xảy ra chung quanh đã dẫn anh không ít và anh tự nguyện rằng, bằng cách này hay cách khác, trong một niềm phần vất tột độ anh cũng phải chọn cho mình một thái độ dù thái độ đó có thiệt thòi nhiều đến thân phận làm người của mình. Nhưng có một điều mà anh thấy cần phải xác nhận lại với em từ đầu là anh chỉ có thể nói lên những ý nghĩ của anh về cuộc đối thoại cũng chỉ là những ý nghĩ vụn vặt, bọt bèo chứ anh không bao giờ có ý nghĩ là mình sẽ phê phán bởi vì anh không dám nhân danh cái gì hay nhân danh ai để làm được điều đó.

Trong cả hai là thư, em hỏi anh là có một Tổ chức bị một năm ngoài lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa đã điều khiển theo một hệ thống từ trên xuống dưới mà cơ quan nhận chỉ thị cuối cùng là Tổng hội Sinh viên Huế như lời anh Thế Uyên đưa ra không? Và trong lời đối thoại của anh Trần Xuân Kiêm, Chủ tịch Tổng hội sinh viên Huế, anh Kiêm bảo anh Thế Uyên quá giàu óc tưởng tượng để bịa đặt ra một tổ chức mơ hồ, bí ẩn như một huyền thoại và anh Kiêm đã đưa ra một giả thuyết ngược lại để đánh đổ lời nói của anh Thế Uyên, thì chúng ta phải tin ai bây giờ? Câu hỏi đó của em đã làm cho bối rối không ít vì anh không biết phải nói thế nào cho em hiểu cũng như anh gặp phải khó khăn là trong hai sự kiện chống đối đó chúng ta phải tin tưởng vào một sự kiện nào. Anh thì anh không dám kết luận một cách vội vàng rằng những điều của anh Thế Uyên đưa ra là đúng, rằng những lý luận của anh Chủ tịch Tổng hội Sinh viên là sai vì anh không phải là người có liên quan đến cuộc đối thoại, cũng như anh thiếu rất nhiều sự kiện để quyết đoán. Nhưng điều mà anh nhận thấy trước tiên là chính những vũ trụ của chúng ta sẽ có lợi không ít trong mọi xét đoán nếu chúng ta thấy gần dễ cập đến. Vì anh nghĩ rằng ít ra chúng ta càng còn đủ sáng suốt để hiểu được vấn đề mà không bị trở lực nào chi phối hay không dám ăn ngay nói thẳng.

Anh xin trở lại vấn đề đó một cách mau chóng hơn bằng nhận xét đầu tiên của anh là nhà văn Thế Uyên đang ở trong một thế bị động—bị cộng từ một năm trước. Khi H.B.N.D.C.Q. phát động mạnh ở miền Trung và tổ lập Trường xuất hiện mặt sức ắt nói lên những vấn đề chính trị, cách mạng... bị động ở ngay trong thế chống đối giữa một tờ báo và một tờ báo (anh muốn nói đến sự chống đối của tập chí VĂN HỌC và tờ Lập trường trước đây). Bị động vì « Màng cách mạng thành tâm » nằm ngay ở xứ Huế đã quá rạc rồi và anh Thế Uyên phải tìm kiếm trong những rạc rồi đó một SỰ THẬT để phải đối diện với những cặp mắt soi bói nhăm nhăm, những cặp mắt mà từ một năm trước đó đã ngấm ngầm không ra gì nhà văn Thế Uyên và tập chí VĂN HỌC. Dù anh Thế Uyên có tìm ra sự thật thì cũng chỉ mình anh ấy biết và sự thật đó đối với chúng ta vẫn bị che đậy một cách khéo léo không thể nào nhìn thấy chân tướng được. Em đang tưởng anh Thế Uyên nói để mà nói, nói để mà phở biến hay quảng cáo mình. Anh tin là bên trong có rất nhiều bí ẩn, có nhiều khó khăn đến nỗi anh Thế Uyên là « nhà binh » cũng không thể nào đưa sự việc ra một cách công khai để chúng ta nhìn ngấm một cách thỏa mãn được. Phần khác anh Thế Uyên đang ở trong thế « bị kẹt » với những tổ chức anh phải đương đầu, và vì biết được yếu điểm đó, nên sự phai nhạt lợi thế của những người chống đối tất nhiên phải vơi vơi, phải quyền rũ được một số người chưa ý thức kỹ. Chính những điều khó khăn đó đã làm cho cuộc đối thoại trở nên cầm chừng, trở nên dai dẳng đến khó chịu như em nói. Nhưng biết làm sao bây giờ khi chính anh Thế Uyên hay tập chí VĂN HỌC cũng không muốn như thế. Và những người Trí thức

miền Trung đâu muốn đề cập đến mình nhiều như vậy. Thật là khó chịu cho chúng ta, khó chịu cho cả hai bên đang đối thoại em nhỉ ! Những anh tin rằng sự thật bao giờ cũng vẫn là sự thật và cuộc đối thoại rồi sẽ ngã ngũ để biết bên nào đích thật chân lý. Anh và em hãy chờ xem. Chứng đó bộ mặt mà chúng ta cần tìm hiểu sẽ phơi bày một cách thật rõ ràng thật trắng trợn.

Phượng yên yên qui,

Trong thư em còn hỏi anh thật nhiều điều khác nhưng anh thấy chỉ có những điều trên là quan trọng đáng để cho chúng ta phải nói đến mà thôi. Ngoài ra những điều khác anh thấy em gây trở ngại một cách rất đáng thương và tội nghiệp. Chẳng hạn như em hỏi anh tại sao anh. Thế Uyên lại nói nhiều đến sự Huế, nói nhiều đến con gái Huế như vậy. Bộ con gái Huế đẹp lắm hả ? Anh thấy thật vui vui khi em hỏi những điều làm cảm như vậy. Em quên anh Thế Uyên là một nhà văn đã từng mơ ước xứ Huế từ lâu rồi sao ? Cũng như em hỏi có thật các Sinh viên Huế khi gặp anh Thế Uyên bàn về chính trị, cách mạng thì cãi rất hăng, phản đối rất hăng nhưng khi gặp nhau nói về Văn nghệ thì thông cảm một cách rất là « anh em » không ? Điều đó có đáng gì bất anh phải trả lời. Sự thật hiển nhiên là như vậy rồi cũng như khi gặp mặt với anh Phan Kim Thịnh, các Sinh viên « viết văn » Huế tuyên bố là nếu anh Thịnh không đem chính trị ra khỏi VĂN HỌC thì sẽ tuyệt thực xuống đường, nhưng khi anh Phan Kim Thịnh nói chung nào các thầy tu đem chính trị ra khỏi tôn giáo thì anh sẽ làm thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ lại ngồi im... Anh nghĩ già như anh Chủ chính trị, xem thử họ tuyệt thực xuống đường ra sao ? Nhưng tiếc là anh Phan Kim Thịnh đã nói một câu thật hợp lý, nên các Sinh viên đó khỏi phải lo nhịn đói và khỏi phải lo lên đường, xuống đường cho một thân.

Phượng kể ra anh viết cho em cũng dài rồi đó. Anh hy vọng là em không còn khó chịu với cuộc đối thoại giữa những người trí thức miền Nam và miền Trung mà chúng ta đang nói đến, đang theo dõi từ đầu. Và anh cũng như em sẽ vui vẻ để chờ đợi xem cuộc đối thoại sẽ ngã ngũ về bên nào. Chứng đó chắc em không còn bắt anh phải góp ý kiến, phải giải thích những điều mà anh không muốn nói đến chút nào.

Chúc em ngủ ngon. Sẽ viết đến em thật dài ở thư sau.

Thân mến,
Anh của em
HOÀNG ĐÌNH-HUY



thằng ngày lạ mặt

3 | Hoàng thức dậy khi nghe thấy tiếng cửa gỗ nhẹ nhẹ, nàng ngồi dậy gạt nốt góc chiếc chăn còn mắc lại trên vai. Tiếng gõ cửa đã ngừng. Hoàng vươn vai, ngả cổ về phía sau, cảm giác ên ả chạy mòn man trong những da thịt. Sự lười biếng ập đến và Hoàng ngả người nằm xuống lại. Qua tấm màn mỏng, Hoàng nhận thấy ánh nắng ngoài vườn lắt qua những khe cửa chớp. Hoàng nhắm mắt. Tiếng sóng biển vỗ rất xa, cảm giác mòn man làm Hoàng ngây ngất. Tôi muốn có một đứa con. Tiếng nói của Ông Linh bất chợt vang lên trong đầu nàng. Thầy yêu em vì thầy muốn có con. Chính ông Linh cũng đã nói với nàng như thế, nói một cách thành thực làm nàng xúc động muốn khóc. Ông Linh đâu còn trẻ, đâu còn những ham hố, những làm dáng của người trẻ, nhưng có một vẻ quyền rũ trầm lặng, chín chắn, vẻ đẹp của một người đứng tuổi giữ được cho mình vẻ hào hoa lừng trãi một cách lịch lãm. Trong ăn uống, cung chiêu Hoàng tìm thấy ở Ông Linh vẻ gì của một người bề trên. Thầy yêu em vì thầy muốn có con. Trong câu nói mang theo nỗi lòng của một người cô đơn, một người khi về già không có

con cái đồ nương chiều, dễ hy vọng, dễ khi chết có người khóc và nhớ tới. Em có muốn cho thấy một đứa con không. Hoàng đã gật đầu, đã khóc. Tại sao em khóc. Hoàng đã khóc vì cảm thấy mình đang dần dần vào một cuộc phiêu lưu, trong cuộc phiêu lưu đó những đau khổ bất hạnh đang chờ đợi nàng.

Hoàng đưa tay sờ trên lần lạng. Có thể một cái thai đang lớn dần trong đó. Tại sao mày dám liều như vậy, còn cả đời mày, mày còn trẻ, dù sao lâu ấy dần còn trẻ gì cho cam. Thái tạo không thể hiểu được mày, Bàn tay mát, nhẹ nhàng trên da thịt mang lại cho thân thể nàng một cảm giác thoải mái. Tiếng mẹ nàng nói chuyện với ai ngoài vườn, tiếng nói mơ hồ không rõ ràng. Tại sao không có ai đến thăm nàng. Nàng nghĩ tới lớp học giờ này. Ông Linh trong phòng làm việc của hiệu trưởng hay trong lớp dạy. Hoàng nghĩ đến chiếc bàn bốn người trên cùng sát với bàn giáo sư, trên bàn hôm nay chỉ còn Thanh, Ngà và Liên. Thanh mặc áo hồng, Ngà mặc áo trắng, những chiếc áo trắng cổ hữu, Liên áo tím hoa cà hay rêu xanh, chúng nó bây giờ đang làm gì, có nghĩ tới nàng không. Không còn có nàng ở đó để chốc chốc nhìn ra phía sau trường khoảng đất toàn những cái bờ bãi giầy vụn và rác bừa. Trên hàng rào kẽm gai, những chiếc cột cây song queo đen đối với mấy chiếc quần áo phơi của những người trong khu nhà của trại gia đình binh sĩ. Phía bên, trên cao, vượt khỏi mái nhà của khu trại binh nàng có thể thấy những ngọn phi lao ngoài bãi biển, những ngọn cây cao và yếu nghiêng xuống từng lúc một cách mềm mại như ngọn tóc đuôi gà... Có ai nhớ, đâu ý tới sự vắng mặt của nàng không. Nếu bây giờ ông Linh có mặt trong lớp. Ánh nắng hắt trong những khe cửa đi động, chừng như có một người nào đi lại ngoài đó, một bóng lá cây, hay một cành lá...

Thời gian chừng như kéo dài và chuyển động một cách chậm chạp. Hoàng ngồi đây khi tiếng gõ cửa bắt đầu trở lại lần thứ hai, tiếng gõ cửa rụt rè nửa như muốn đánh thức nàng, nửa như e ngại Hoàng với chiếc áo cánh mặc lên người, vuốt mái tóc về phía sau và cột lại bằng sợi thun, Hoàng hỏi:

— Ai đó?

Không tiếng trả lời, Hoàng lắng nghe, không một tiếng động tiếp theo, cha nàng, đi nàng, hay anh Quân? Hoàng đứng lên, tới cửa và mở then, chị Năm đứng đó:

— Gì đó chị Năm?

Chị người làm đứng ngó nàng từ đầu đến chân như kiểm soát gì, chị lảng lảng, tay chị cầm một chiếc bát lớn, chị Năm nói:

— Bà nói tôi lên hỏi cô ăn gì để mua, sáng nay trông cô có vẻ xanh. Hoàng mỉm cười;

— Tôi xanh thật sao chị ?

— Chắc cô không ngủ được, tối qua tôi thấy đèn trong phòng cô quá sáng không ngủ được cô đi dạo庭 — ngừng một lúc — cô ăn phở không tôi đi mua luôn ?

— Thôi chị, mất công chị quá.

— Tôi đi mua phở cho bà mà.

Nghẹn ngào một lúc Hoàng cầm lấy tay chị Năm :

— Cảm ơn chị, chị pha cho tôi ly sữa, tôi không muốn ăn phở, mà chị cứ đi mua cho bà đi đã, tôi còn phải xuống nhà, còn rửa mặt nữa đã chứ, nếu chị không lên chắc tôi còn ngủ, tôi muốn ngủ thêm quá. Ông đã đi chưa chị ?

— Hôm nay ông đi từ sớm không ăn sáng ở nhà. Bà cũng sửa soạn đi đâu không rõ.

— Mấy giờ rồi chị ?

Hơn tám giờ, thôi tôi xuống còn đi chợ, tôi mang sữa lên trên này hay để dưới phòng ăn cô ?

— Nếu chị bận, chị để đó tôi, tôi xuống dưới và làm lấy cũng được mà, chị lo chuyện của chị đi.

Chị Năm nói vâng rồi đi, Hoàng đóng cửa lại, nàng muốn nằm xuống và ngủ, nếu trời dậy, ăn sáng rồi làm gì cho qua thi giờ, nếu bây giờ có một người lại thăm, sao mấy ngày nay không thấy anh Quân hay Dũng trở lại, hay Dũng đã đi khỏi. Hoàng trở lại giường và buông người nằm xuống, con mắt mở lại co rút thân thể nàng lại, chứng như chúng rần ra thật nhiều và không muốn cử động. Tiếng nói của ông Linh mất hẳn dần đó trong trí óc. Bây giờ ông ra sao ? Sau này sẽ ra sao ? Nàng thấy giấc ngủ muốn ập đến, tôi muốn có một đứa con, Hoàng mở mắt tìm kiếm, ông Linh không còn đứng trong căn phòng xử nữa, ông đi đâu, trong giữa những bàn ghế trống không, vành móng ngựa màu đen, những chiếc ghế dài màu đen, hàng bậc cao, chiếc quạt trần trắng tinh trên chỗ chiếc vành móng ngựa quay tít, Hoàng thấy mình ngồi một mình chỗ ông chánh án đeo kính trắng vẫn ngồi, cánh cửa phòng xử chợt Dũng bước vào, tôi của chàng đứng lại, đỡ tay, chạm chân chào theo kiểu nhà binh rồi bỏ mũ cầm ra tay :

— Thưa toà, tôi yêu cô ấy, tôi xứng đáng để yêu cô ấy hơn ông Linh.

— Cái gì chứng minh điều đó ?

— Tuổi trẻ.

— Tuổi trẻ là cái gì ?

— Là cái phững thẳng già không có.

— Không, những thằng già cũng có tuổi trẻ của nó. Tình yêu không phải là món hàng độc quyền của bọn trẻ, Ngụy biện.

— Tòa ngụy biện.

— Không, tòa có luật pháp của tòa.

— Tình yêu không có luật pháp nào cai trị.

— Anh nhân danh tuổi trẻ nhưng anh giàu lộn, anh không có tuổi trẻ, anh chỉ có tuổi già. Tòa sẽ xử anh một cách đích đáng.

— Tôi thách đố.

— Khổ sai chung thân.

— Nghĩa là tôi không chết, tôi còn sống.

— Anh ước mong được chết, anh hèn.

— Tôi còn sống.

— Anh là một thằng hèn, anh sợ sống.

— Không.

— Anh không được chết, tôi không cho anh, tôi bắt anh sống trong một nhà tù suốt đời trông thấy cuộc sống của người khác mà anh không có. Phải rồi, suốt đời anh không được sống thực với đời sống của anh, mãi mãi như thế.

— Tôi còn sống, một lúc, nào đó...

— Anh không bao giờ thoát được, suốt đời anh không thoát được cái án anh mang, án khổ sai chung thân, anh nên nhớ điều đó, anh nên nhớ, phải rồi anh phải nhớ điều đó.

— Nhưng...

Anh nghĩ anh có thể vượt ngục, anh có thể phá nhà tù, không, không bao giờ anh làm được điều đó, người ta chỉ có thể phá bỏ những tù ngục ràng buộc, giằng nhứt từ phía ngoài, từ phía người khác mang đến buộc anh còn đồng này thì không, anh biết điều đó, nhà tù này do anh, do chính anh thiết lập, anh bao vây anh kiên cố; chính anh, cố thủ không cho anh thoát ra, và trong đó anh chết dần dần.

— Không, không bao giờ, tôi còn tuổi trẻ, tôi còn tôi, Tôi yêu Hoàng, tôi yêu Hoàng, tôi tin tôi yêu Hoàng hơn bất cứ ai, hơn thằng già, hơn tất cả những thằng già khác...

— Không, tòa đã tuyên án, anh không được nói gì nữa.

— Tôi yêu...

Tiếng nói mất tăm trong những bàn ghế vô trí, màn đen bao phủ, Dừng bần đầu mắt, Hoàng la lên: Tôi không có trong phiên xử này, tôi biết tôi không có trong phiên xử này, tôi cũng có tội, tôi đáng kết tội, nhưng ai xử tôi, tôi yêu ông Lĩnh, tôi không muốn biết gì hết.

tháng ngày

đứng cật vác tôi nữa. đừng tra khảo tôi nữa tôi không có gì để nói, để phân trần. Tôi không có khi giới để kháng cự, tôi không có gì ngoài tôi là một đứa con gái, một đứa con gái trong xã hội tôi lệ, trong một tù hãm truyền kiếp, tôi không có gì hết nhưng tôi chống lại tất cả những gì chống lại, trả đũa, gây xéo lên tôi, tôi chết tôi không oán, nhưng tôi nguyên rủa những kẻ không cho tôi sống với điều tôi mong muốn được sống, tôi chống tất cả, vì tôi biết tôi thua, tôi bất lực... Hãy để cho tôi được là tôi, hãy để cho tôi được sống theo những ước muốn của tôi...

— Không bao giờ, không bao giờ...

Ông Vĩnh Thành xuất hiện bất ngờ ngay dưới phía vành móng ngựa, ông cầm trên tay một con dao dài đến hơn một thước, con dao mà từ dưới đó nếu muốn ông có thể chém lên ngang vào cổ Hoàng :

— Không được sống theo ý mày muốn, không ai cho mày được sống như thế. Mày là con tao.

— Không...

— Tao có quyền về mày, vì tao sinh ra mày.

— Không, tôi không có cha mẹ, không có anh em, không có gia đình, tôi không biết bất cứ một điều gì, tôi không có bất cứ một liên hệ gì với ai, tôi không là gì hết, tôi không phải là Thị Hoàng, tôi không là tù nhân hay vua chúa, tôi có đó và tôi sống.

— Không, tao giết mày, tao giết mày...

Tiếng nói vang lên như ô, vô vãn những tiếng la tiếp theo, những tiếng la đinh tai nhức óc, ông nghị Vĩnh chạy như con một con trâu điên trong gian phòng trống không, bàn ghế không còn nữa, những kẻ lạ mặt từ đâu kéo đến ào ào từ phía cửa, giây phút trong phòng rống đầy ắp những người, tiếng nói rì rầm như tiếng cơn trùng, tiếng nói như những cơn sóng lao sào, ông nghị Vĩnh biết đi trong đám người không mất một phút, nhưng tiếng nói được lặp lại, tao giết mày, tao giết mày... Khi đó Hoàng thấy mình đi trên đám người bầy nhảy như đất bùn, chẳng đi chuyển dưới chân như con nước chảy đi dòng Hoàng từ góc này sang góc khác, từ dưới đó ông Linh mọc lên như một ngọn núi, mọc lên như một cái nấm mọc lên như một ngọn cây, nhưng cả hai bị những đợt sóng làm cho trôi đi từng phía xa không sao gần lại được, sự di chuyển mỗi lúc một tăng khiến cho Hoàng chóng mặt một một, tiếng la trong cổ họng Hoàng không thoát ra được, chắc đã chết, Đồng đầu, anh Quân đầu, một người đàn bà xuất hiện, Hoàng nói : Bà là ai trong đám người này. Tôi là người sinh ra cô, cô không nhận ra tôi sao, tôi là mẹ cô.

Tiếng người đánh thức Hoàng. Chị Năm vào mang theo ly sữa Hoàng mở mắt nhìn thấy mình trong một tấm gương nhỏ, tiếng chị Năm :

— Có lại ngủ nữa sao ?

Hoàng lặng thinh ngồi dậy ;

— Có uống sữa đi, tôi pha đề dưới má không thấy có xuống
đang đi đã về rồi.

Hoàng ngồi im nhìn ly sữa trắng, nâng nhìn chị Năm nghĩ ngợi :

— Trong này có thuốc độc không đó chị ?

Chị Năm giật mình khi nghe Hoàng hỏi, chị nhìn Hoàng; chị mỉm
cười vô tư :

Có nói sao ?

— Tôi nói vì đồ trong ly sữa này có thuốc độc, tôi uống vào và chết.
Chị có bao giờ nghĩ đến chết không ?

— Không có, tôi còn hai đứa con phải nuôi.

Hoàng đứng dậy.

— Chị đề đó tôi, tôi xuống nhà đi.

Hoàng đi xuống, chị Năm nhìn theo ái ngại...

(còn tiếp)

DƯƠNG NGHIÊM-MẬU

Truyện THÁNG NGÀY LẠ MẶT được rút trong truyện dài LẠ MẶT, theo
lời đề nghị của bạn đọc Văn Học, tác giả sẽ cho đăng tiếp một số
chương trong truyện này.

Đối thoại

GỬI TÁC GIẢ BÀI :
« XIN ĐỪNG GÁN GHÉP
HUẾ VỚI MIỀN TRUNG »

(tiếp theo trang 76)

Saigon 23-11-61.

Anh Kim Sinh,

Tôi được hân hạnh đọc nguyên bài « Xin đừng gán ghép Huế với miền Trung » của anh đăng trong Văn học 50. Cảm tưởng đầu tiên của tôi đối với anh không mấy tốt đẹp. Anh đã cố ý gán-ghép cho Huế những cái gì xấu xa và không đẹp. Tôi xin không đề cập đến những chi tiết mà anh nêu ra, tôi chỉ xin thảo luận với anh về những vấn đề liên quan đến cả dân Huế.

Thưa anh,

Tôi nghĩ rằng ở đâu cũng có những hạng người tốt xấu. Không thể dùng tam-đoạn-luận đi từ một phần tử nhỏ bé để suy diễn ra cho toàn thể được. Anh đã mắc phải lỗi lầm đó khi cố ý ghép cho tất cả dân Huế những điều xấu xa nhất. Anh lý luận rằng xin đừng gán ghép Huế với miền Trung vì Huế chỉ là Huế, đơn phương mà thôi. Thế mà anh lại vịn vào có một nhóm thanh niên sinh viên khích động hay đã chống đối ý tưởng của chính quyền lập ra cái gọi là « Hội đồng nhân dân cứu quốc » những cuộc xuống đường của nhóm đó để quy cho tất cả những người Huế mọc mọc căn cứ làm ăn, không biết tự do là gì, dân chủ là gì mà chỉ biết ngày kiếm đủ hai bữa ăn nuôi con cháu. Thái độ của anh vô tình phản lại những dữ kiện anh nêu ra trong suốt lá thư gửi các anh Văn học. Hơn nữa các nhận xét của anh qua một vài câu ca dao — không biết dành riêng cho Huế hay cho các miền khác — đã làm mọi người dân cảm thấy buồn tủi vô cùng. Té ra nam Huế đa trí, gái Huế đa đảm sao. Lý luận của anh làm tôi nhớ lại một thứ tam-đoạn-luận khôi hài nhất. Anh là một thằng lười mà anh là học sinh vậy tất cả học sinh đều lười ! Tôi mong rằng khi phê bình một cái gì xin anh hãy đứng ở cương vị khách quan, và nhất là xin dẹp bỏ những mặc cảm của mình như vậy cuộc đối thoại mới toàn bích được.

Tôi đồng ý với anh, trong khi dân chúng cơ cực, các chiến sĩ hy sinh nhiều ngoài tiền tuyến, thanh niên sinh viên không nên chạy trốn trách nhiệm của mình bằng cách gây áp lực đối với chính quyền để mong những ân huệ. Thái độ ấy là thái độ của những kẻ ấu xuẩn và cầu an. Cần loại bỏ những con sâu mọt trong thể hệ thanh niên hiện tại. Trong vấn đề này tôi cũng xin đưa ra một vài luận cứ để quy trách nhiệm cho chính quyền hiện hữu. Nếu như chính quyền công bằng, vô tư và khách quan để xét mọi việc, tránh những che dấu các người con kẻ quyền thế, thì đâu lại nảy sinh thái độ chạy trốn ở những người đang học hành. Trong khi chiến sĩ hy con cái nhà quyền thế gây ra tệ trạng trên. Trong khi chiến sĩ hy sinh rất nhiều ngoài chiến trường thì họ lại nhõn nhõ ở vùng thành thị và đôi khi lại được du học để sống cuộc đời vương giả. Nếu trừng trị hoặc áp dụng biện pháp công bằng đối với các loại hạng ấy, thanh niên sinh viên sẽ không chần chờ gì mà nhập ngũ bảo vệ đất nước. Tôi xin hỏi nhỏ anh : anh đã thi hành phận sự quân chức trách Hoa kỳ (?) của xứ Quảng nam căn cứ ! Tuy nhiên tôi cũng vẫn trách thanh niên sinh viên đã không ý thức được trách nhiệm của mình trước hiểm họa mất nước. Đành rằng không thể cùng nhau nhập ngũ hết để gây cảnh hỗn loạn, nhưng những ai đủ điều kiện pháp định hãy mạnh dạn đảm trách nhiệm vụ cao quý của

Chắc hẳn anh ở ngoài Quảng nam rõ tất cả mọi cuộc xáo động. Tôi không có hân hạnh làm chứng nhân của thời cuộc nhưng qua những bài tường thuật của báo chí, tôi cũng vô cùng phân tức và tức giận thái độ vô trách nhiệm của một nhóm người ngoài đó. Tôi không ưa gì cái H Đ N D C Q cũng như những trí thức phong trà chí

dấu tranh miệng mà không dám cầm súng giết giặc. Tôi đồng ý với anh thái độ của HONDCQ và giới trí thức hủ hóa như vậy phải được trừng trị thẳng cánh. Nhưng tôi xin nói rõ cùng anh HONDCQ và trí thức hủ hóa không phải là đại đa số dân Huế. Họ chỉ là một nhóm vì hoàn cảnh đã ở Huế đề tạo nên ó nhục cho xứ Huế. Như tôi đã nói dân Huế mong cuộc sống thanh bình chứ không thích giết chóc, vậy thì nhóm thiểu số nhỏ bé đó không phải là Huế. Sở dĩ báo chí gán cho họ là Huế khởi động bởi vì bao cuộc biến động đều khởi xuất từ địa điểm Huế đó. Lý luận của anh làm tôi thắc mắc, nếu như vậy các công cuộc biểu tình xuống đường ở Sài Gòn của thanh niên sinh viên chống lại chế độ Nguyễn Khánh hay chế độ chia rẽ Trần Văn Văn là dân Saigon cả sao. Điểm quan hệ là khung cảnh chứa động biến cố đã mang tên biến cố I chứ không phải là toàn thể dân chúng như anh nói. Tiếc rằng VN chưa có Hàn lâm Viện để định nghĩa rõ rệt «nơi chôn dấu biến cố» và «khởi xuất biến cố». Cũng vì lý do đó, một lần nữa tôi xin anh xác định lại Thanh niên sinh viên ở Huế không phải là toàn thể dân chúng Huế. Hân anh cũng biết Đại học Huế không gồm thanh niên Huế mà là tập hợp những người thanh niên Việt nam. Chúng ta hay phụng sự cho quốc gia Việt nam, vì chỉ có tổ quốc mới đáng kể, còn những địa phương chỉ là phụ thuộc. Nhân tiện tham luận với anh ở đây, tôi cũng xin các anh trong Văn học chấm dứt nạn kỳ thị địa phương để tránh cảnh xấu xí đau lòng xảy ra. Tại sao các anh trong Văn học không lấy đề mục đối thoại của thanh niên Việt nam trước thời cuộc mà lại lấy đề mục cổ vế chia rẽ đến thế. Các anh trong Văn học nghĩ sao?

Thưa anh,

Anh ở Quảng Nam chắc hẳn anh rõ tình hình kinh-tế của ngoài đó. Nên được anh có thể trình bày thực trạng kinh tế địa-phương qua phương tiện Văn-học và các biện pháp đề nghị để có thể làm sống tổ vấn đề. Chúng tôi rất mong ở anh, những người thanh niên quí cảm hiểu biết thực tế cho những đề nghị hữu ích để chúng tôi mở mang kiến thức. Anh hẳn thấy tình hình vật giá giá càng ngày càng cao nhĩ. Do đâu mà có ? Chắc anh rõ nguyên nhân rồi, vậy tại sao anh không trình bày cho mọi người rõ mà quanh co làm gì trong vấn đề Huế với chống Huế. Bài Huế tháng tám của anh Thế Uyên đã cho tôi nhiều suy tư. Tuy nhiên tôi cho rằng anh Thế Uyên viết trong một cuộc viễn du chắc không tránh được khuyết điểm. Riêng anh, tôi không thể nào chấp nhận luận điệu như vậy được, nó có tính cách gây sự méo mó tình đoàn kết của những người miền Trung đang đau khổ vì thiếu ăn, thiếu mặc qua thiếu tài, qua nạn xâm lược của Cộng sản.

Để kết thúc tôi mong rằng anh chịu khó khách-quan hơn chút và cân-nhắc cẩn thận hơn khi phê-bình một cái gì. Được như vậy thì lấy làm sung sướng đến nhận ý kiến của anh.

Tôi xin mạn phép anh ở đây đề xin anh Thế Uyên xác định hẳn lại những gì anh viết cho Huế. Và mong anh Thế Uyên cho biết : Thanh-niên Sinh-viên Huế có phải là tất cả Huế không ?

Kính chào anh
LÊ PHỤNG CHƯ

Anh Lê Phụng Chư

Còn tạ Anh đã dành nhiều thời gian theo dõi phản đối thời của Văn Học và mặc dầu Anh đang ở Saigon, Anh không tham dự những hội cổ Miền Trung và qua, nhưng Anh đã có một vài nhận xét có bổn có trên chúng tôi vẫn luôn luôn nhận.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ trả lại Anh một vài điểm có liên hệ đến Văn Học mà Anh đã đề cập đến. Trước hết Anh Kim Sinh (một độc giả của Văn Học) chúng tôi xin đề tác giả trả lại Anh trên trang Huế tháng tám, Anh Thế Uyên không còn là cộng tác viên của chúng tôi nữa. Vậy mong anh cũng như một số bạn đọc đứng hẳn lên hoặc có tình gần gũi độ của Thế Uyên là chủ trương của Văn Học.

Là thư Anh đã viết ở trên chúng tôi đồng ý với anh ở nhiều điểm. gần cuối thư Anh hỏi : *tại sao Văn Học không lấy đề mục đối thoại của thanh niên V.N trước thời cuộc mà lại lấy đề mục có vẻ chia rẽ đến thế?*

Vấn đề thời cuộc với Sinh viên Thanh niên, chúng tôi vẫn có, hơn nữa mục tâm sự người thanh niên vẫn thường xuyên đặt ra đề bạn đọc tự do trình bày. Anh lại nói mục đối thoại có vẻ chia rẽ, chúng tôi tự hỏi không biết Anh có hiểu rõ hai chữ đối thoại là thế nào không. hay anh cố tình không hiểu.

Đối thoại là cùng nhau thảo luận một vấn đề, thảo luận trên tinh anh em, và chúng ta tự do trình bày mọi ý kiến để đi đến một kết luận thông cảm nhau trên một vấn đề, một lập trường tranh đấu cho cuộc cách mạng xã hội mà toàn dân đang mong đợi.

Câu kết luận của Anh còn hỏi : *«Thanh niên sinh viên Huế có phải là tất cả Huế không?»* Chúng tôi xin trả lời anh : Chúng tôi chỉ không đồng ý trên tư tưởng và đường lối sách đồng quân chủng của một số người lãnh đạo những phong trào đấu tranh ở Huế tháng tám năm ngoái, và tháng tám năm nay, còn đối với thanh niên sinh viên Huế chúng tôi vẫn coi là bạn.

Cũng vì bạn nên chúng tôi mới tiếp tục mở cuộc đối thoại này để các bạn Huế tự do trả lời những tác giả đã nhận xét về Huế. Chúng tôi còn ước mong cuộc đối thoại này không riêng gì vấn đề Huế mà còn bước sang nhiều vấn đề khác liên quan đến cả thế hệ thanh niên.

VĂN-HỌC

Đối thoại số sau : Là thư của TIU Trương Thìn-Cần gửi Anh Nguyễn Trọng Văn và thư trả lời của Anh Nguyễn Trọng Văn, cùng một số bạn đọc Văn Học.

ca dao tình yêu

bài 1

một mình phở lạ chiều mưa
tôi lặn xe đạp đi mua tình người
ngại gì em nổi yên vui
chắc như chim ngại vượt lưòi biếng bay
mất tôi đồ trận mưa này
người che đủ mỏng lệ đầy tóc xanh
em đòi xuân sắc mong manh
trốn đâu cho khỏi lòng anh giếng sâu
ngã tư đường khó gì đâu
anh chia làm bốn thân cầu đón đưa
em qua đời hiểu gì chưa ?
tình anh may lắm thì vừa giấc mơ
dành lòng trời nổi cùng thơ
lắm duyên đắp lễ đôi giờ có nhau

bài 12

mai mù sương biếc đầu sông
khoang ghe áo lụa khép hồng mặt hoa
nét lại lá chợt phai nhòa
bật điểm khói thuốc người xa lạ người
lực đẩy tốc rồi cơn vui
trên thân sợi được nụ cười hư vô
lên ngày hăm vũ thang cao
nhớ ngỗng men rượu giang hồ qua đêm ?

bài 14

xế chiều nặng giọng cái lương
anh ơi hồ hát thêm buồn ngủ thôi
mát tôn nóng đã lắm rồi
vui chỉ thêm một vài ngời lửa đen
cháy nhà loi mọt chuột chằng ?
trong nhau sự thật anh bằng điều tra ?
khỏa thân cho chàng thật thà ?
lấy chỉ đang hiếp gọi là yêu thương ?
tay nhỡ úp lạnh mặt giường
em trôi cùng giọng cái lương xế chiều

bài 15

bà hoa lắm sợ lạc đường
chén em sang lệch đôi hàng âm-thanh
đôi thừa đôi nét xuân xanh
lòng anh còn chút để dành yêu em

LUÂN HOÀN
(Trời sông)

tìm vòng hào quang

anh bỏ mà đi sao
đằng trước còn cuộc đời
sau lưng còn tình yêu
tôi muốn xin tự do
người mù xin ánh sáng
người câm xin âm thanh
tôi muốn xin tình thương
như người cần hơi thở
tôi muốn xin niềm tin
như cần những nụ hôn

anh bỏ mà đi sao
đây vẫn còn bạn hữu
đây vẫn còn anh em
quê hương đang gầy vụn
đem tự do đi đây

tôi hạn từng bước đi
tôi nuôi từng hơi thở
mặt trời sẽ hồi sinh
cái nhìn như nắm đại
khi thủy triều rút đi
còn trơ lại rong rêu
người yêu tôi vẫn buồn
nàng cần một mà khóc
cho nên tôi ở lại
còn anh sao bỏ đi
từ một tuổi hai mươi
ý tưởng vọt lên cao
như một cây trắc lá
những tia nhìn dữ dội
như một lần đạn đi
những cuộc đời ngắn ngủi
như một trời hỏa châu
nhợt tắt trên vòm trời
chỉ một lần nhìn lại
anh không còn lưu đây

NGUYỄN PHÚC TỬ NGUYỄN
(Tiếng hát đá xanh)



**VĂN
HỌC**

CHÂN TRỜI

CHUYỆN TRONG LÀNG

**Ai sẽ được
giải thưởng văn chương toàn quốc?**

Mấy ngày gần đây trong làng văn xóm xao về chuyện giải thưởng văn chương toàn quốc năm nay, chính quyền sẽ trao tặng cho nhà văn nào?

Nghe đầu Bộ Văn Hóa Giáo Dục vừa gửi thư mời một số thầy giáo nhà văn tham dự ủy ban chấm giải thưởng văn chương thi phải,

Nhưng dù cho ủy ban chưa được thành lập xong, một số nhà văn đã được nhiều bạn văn liên đoàn sẽ chiếm hăng vàng văn chương như nhà văn Tuấn Huy, Văn Quang, Du Tử Lê v.v...

Và một tin đáng tin cậy nhất do Nguyễn Đông Ngạc quảng cáo ở quán Chèa chiều chủ nhật vừa qua là Thế - Uyên thế nào cũng may mắn được giải thưởng trên với tác phẩm « Ngoài đêm » vừa xuất bản.

Tin trên người là ít ai tin, nhưng riêng chúng tôi không nghi ngờ vì Nguyễn Đông Ngạc là em Thế Uyên, chả nhẽ lại không tin vịt à!

Bạn đọc cố chờ xem?

Thế Uyên đi Nhật Bản

Lúc này bạn đọc không còn được đọc truyện Tiền đồn nữa vì Thế Uyên đã ngồi ở Saigon để nghiên cứu Cách Mạng.

Ngày 15-11-65 vừa qua Thế-Uyên đã bay sang Nhật Bản 15 ngày. Chuyến đi này của Thế Uyên không biết vì việc công hay tư?

Chắc chuyến đi này tại xứ Phú Tang, Thế Uyên không tìm được kỹ nữ của Sông Hương, họa chăng chỉ gặp Geisha của xứ Hoa Anh Đào trong các trà thất.

Sau chuyến đi, Thế Uyên về, chắc sẽ gặp được nhiều bạn văn như Nguyễn Đông Ngạc vừa cho biết ở trên.

Tuần báo Thái độ của Thế Uyên sắp ra mắt.

Chiều chủ nhật vừa qua, Anh Trần Phong Giao cho anh em làng báo biết: Thế Uyên đi Nhật về sẽ được xuất bản một tờ tuần báo chính trị lấy tên là THÁI ĐỘ.

Cũng tối thứ tư 1-12-65 vừa qua tuần báo nghệ thuật truyền thanh trên đài Saigon cũng loan tin: « tuần báo Thái độ đã có giấy phép xuất bản và bà Nguyễn Thủy Sơn vợ Thế Uyên đang tên chủ nhiệm ».

Tuần báo nghệ thuật truyền thanh còn cho biết: « trong giai đoạn này hàng trăm đơn xin ra báo nhưng không được, riêng Thế Uyên được xuất bản báo cũng chẳng có gì lạ ».

CHUYỆN NGOÀI LÀNG Những khuôn mặt trẻ được nhắc tới trong giới làm văn ở Pháp

Jean-François Josselin vừa thực hiện mấy trang báo (1) trình bày những khuôn mặt trẻ trong làng văn:

1— FRANÇOIS SONKIN, năm nay được 43 tuổi và sinh đáng vào ngày trọng đại nhất của nước pháp: ngày 14 tháng 7. La Dame qu'en tien thuyết đầu tiên xuất bản năm 1964. Quyền mới nhất: Admirable. Bắt đầu viết từ năm 1963.

2— JACQUES BOREL sinh năm 1925, là giáo sư và là nhà văn nghệ. Ông là người ưa chuộng thi ca và làm thơ từ thuở nhỏ. Tuy ngày nay biết rằng thi ca không phải là con đường của mình, nhưng Jacques Borel vẫn coi thi ca như thứ tiếng nói đích thực nhất mà ông muốn vươn tới. Tác phẩm: L'ADORATION.

3— CLAUDE NERON năm nay được 39 tuổi bỏ học năm 13 tuổi và làm đủ nghề: lái xe taxi, thợ mộc... Bắt đầu viết từ năm 1962 nhờ được hưởng gia tài nên không phải lo sinh kế. Tác phẩm: La Grande Marrade. Nhà xuất bản: Bernard Grasset.

4— CLAUDE DELMAS, tác giả truyện Le Pont Du Chemin De Fer Est Un Chant Triste Dans L'Air, năm nay được 33 tuổi, cho rằng Germinet của Zola đã khiến ông có xu hướng chính trị và quyền Les Filles du Feu của Gérard de Nerval đã giúp ông khám phá vòm trời tưởng tượng trong tiểu thuyết.

5— JEAN—LOUP TRASSARD sinh ngày 11 tháng 8 năm 1933, *L' Amitié Des Abeilles* xuất bản năm 1951 là tác phẩm đầu tiên.

6— Người có số tuổi trung bình là RENÉ — VICTOR PHILLES năm nay được 31 tuổi. Ông bắt đầu viết năm 25 tuổi, tác phẩm do nhà Le Seuil ấn hành mang tên LA RHUBARBE.

7— GEORGES PEREC sinh ngày 7 tháng 3 năm 1936 tại Paris. Quyền sách đầu tiên mà ông đọc và ông còn nhớ là quyển *Vingt Ans Après* của Alexandre Dumas.

8— Người có đời sống gian khổ hơn cả lại là một nhà văn nữ ALBERTINE SARRAZIN, năm nay mới 28 tuổi, con không thừa nhận, đã ở nhà pha tẩm năm rưỡi, đậu hai cái tú tài và viết được hai quyển sách : L'ASTRAGALE và LA CAVALE.

9 và 10 — SERGE CHAUVEL và CLAUDE FARAGGI đặc biệt cũng sinh trong một năm (1942) SERGE CHAUVEL làm ký giả và quyển tiểu thuyết mang tên *L' Odeur De La Vertu* của ông, do nhà Julliard ấn hành đã làm giới phê bình ở Pháp xôn xao.

CLAUDE FARAGGI là giáo sư Triết và hiện đang dọn luận án Tiến Sĩ về D.H. Lawrence. Tác phẩm : *Les Dieux De Sable*.

11— Nhà văn có khuôn mặt trẻ nhất phải kể đến JEAN RISTAT sinh ngày 1 tháng 6 năm 1943 tại Argent—Sur—Saône. Nghiên cứu Triết Lý và học tiếng Trung Hoa. Tác phẩm : *Le Lit De Nicolas Boileau et De Jules Verne*.

12— Người sau cùng, hiện đang được nhắc tới tên là CHRISTIANE SINGER. Đã đậu Cử Nhân Văn Chương. Nhà xuất bản Albin Michel đã ấn hành hai tác phẩm của cô : *Les Calicots d'une hypocrite* và mới đây *Vie et Mort Du Beau Fron*. Quyền sách đầu tiên mà cô đọc là *Le Livre des Apôles* của bà Bà Tuân De Séguier.

— Nhân đề đó có nghĩa gì ?

— Cái tôi nhất.

— Còn nữa ?

— Lúc đầu tôi chọn «Tuổi Trẻ Đáng Điểm».

Nhưng tôi đã giữ chữ sau lại.

— Cô có hối tiếc tuổi trẻ không ?

— Tôi ghét nó

— Tại sao ?

— Tại chiến tranh,

— Có thích tuổi già ?

— Không. Càng lớn tuổi, tôi lại càng ít quý mến những người già.

— Phải chăng đó là lời tự phê ?

— Không. «Tôi vốn khiêm tốn khi tự phê và kiêu hãnh khi so sánh mình.»

— Tuổi trẻ của cô không có một kỷ niệm đẹp nào sao ?

— Có chứ, nhưng ít lắm. Tình yêu nhưng không phải tình yêu những người đàn ông. Tuy nhiên tôi là kẻ *hétéro sexuelle*. Làm mẹ nhưng tôi không nuôi con. Tự do là kỷ niệm đẹp duy nhất của tôi : Tự do của quê hương, Tự do của tôi và Tự do viết. Văn Chương cũng là Tình yêu.

— Mà tại sao lại có một nhan đề như thế ?

— Khi người ta sanh ra để mà yêu thương thì người ta cũng sanh ra để mà hận thù.

Một lời quảng cáo sách của nhà xuất bản Julliard : quyển CHIENNE DE JEUNESSE của FRANÇOISE D'EAUBONNE.

Ezra pound trở lại Paris

Đối với phần lớn những người làm văn nghệ ở Pháp cũng như ở Việt Nam, EZRA POUND là một tên tuổi còn xa lạ. Ngay ở Pháp chẳng hạn, thi phẩm của mới được dịch sang Pháp vào năm 1958 (quyển *Cantos et Poèmes Choisis* do nhà Pierre-Jean Oswald xuất bản) trong khi ở Hoa Kỳ tập thơ của ông xuất bản từ năm 1914.

Trên vòm trời thi ca Hoa Kỳ trong suốt tiền bán thế kỷ này, Ezra Pound là một nhà thơ lớn. Dòng thơ của ông được xem như đã chiếm đoạt ảnh hưởng trên thi ca của T. S. ELIOT.

Ông đã ở Paris trong những năm 20, sống ở Ý trong suốt thời chiến tranh và nay sau 40 năm vắng mặt, ông lại trở về Paris vừa đúng 80 tuổi. Cả Paris đã xô đi đón ông và nhìn tận mắt ông, giống như người ta đổ xô đến sở thú nhìn một con gấu.

Cong với sự trở lại của nhà thi sĩ già, nhà văn bị nguyên rủa của thời đại, nhà xuất bản L'HERNE sẽ cho ấn hành hai tuyển tập trong đó những bài khảo cứu, những tài liệu cũng như những tản văn giúp chúng ta hiểu rõ nhà văn bị quên lãng hơn.

Đồng thời nhà xuất bản SEGHERS cũng sẽ cho in quyển *Những Thi Sĩ Hận Đại* của Denis Roche. Trong quyển này Denis Roche sẽ dành một số trang nói về Ezra Pound. Tưởng cần nhắc thêm, trước Denis Roche, Michel Butor cũng như G. S. Fraser đã viết những bài nghiên cứu về nhà thơ Ezra Pound này.

Cholokhov bị lãng quên

Ông Cô Maigret, những nhân vật trong *Nocud de Vipères*, chàng Roquentin và Ông Hoàng Nhỏ hiện là thượng khách của giới văn học Nga vào mùa Thu này.

Thật cũng khó hiểu tại làm sao nhà văn được giải thưởng Nobel năm nay là Cholokhov lại không gây được sự chú tâm của đồng bào mình đến nỗi họ lơ là *Đông sông Don êm dềm* qđ chạy theo những Jean-Paul Sartre, A. de Saint-Exupéry, François Mauriac và Simenon như thế.

Trong mấy tiếng đồng hồ, họ tiêu thụ hết mười lăm ngàn ấn bản đầu quyển *Le Petit Prince* của Saint-Exupéry, ông Cô Maigret của Simenon và nàng *Thérèse Desqueroix* của François Mauriac dường như được tiếp đón nồng hậu hơn cả Gagarine và Valentina Nicolaieva. Quyển *Les Mots* của Sartre là quyển sách duy nhất được dịch sang tiếng Nga và dĩ nhiên cũng được tiếp đón nồng nhiệt.

PHƯƠNG KHANH
TRẦN LIÊN CHI
TRẦN HOÀNG OANH

Đỉnh Chính

Truyện dài Người Mỹ trăm lạng, trang 52 dòng 25 câu : «...như chính hần CÒN CHÚ còn chằm chú... » Xin đọc lại là : « như chính hần còn chằm chú » ; và dòng 35 câu : « Có là ĐẤU có là... » Xin đọc lại là : « Có là ĐẤU có là... » ; Trang 53, dòng 32 câu : «... CHỖ ĐỌC một... » Xin đọc lại là «... CHỖ ĐỌC một... »

Xin bạn đọc tha lỗi vì sự nhầm lẫn của nhân viên sửa bản.



GIỚI THIỆU SÁCH BẢO :

Tòa soạn **VĂN HỌC** đã nhận được những tác phẩm dưới đây :

BIÊN KHẢO :

— **TIẾP NỐI** Tiểu luận 1965-1966 của Trần Thanh Hiệp, Sáng Tạo xuất bản, 145 trang

— **HIỆN SINH** một nhân bản thuyết của J.P. Sarte, của nhà xuất bản Nhat Hà, 81 trang, giá 70 đồng.

— **SỐNG TRANH ĐẤU** bi quyết đê thành công của Hùng Minh và Trúc Phương tổng soạn, tác giả xuất bản, 184 trang giá 40 đồng

— **XÂY DỰNG TÁC PHẨM TIỂU THUYẾT** Nguyễn văn Trung, do Nam Sơn xuất bản, 228 trang, giá 60 đồng

— **TÌM HIỂU TRIẾT HỌC CỦA KARL MARX** của Trần văn Toàn, Nam Sơn xuất bản, giá 60 đồng.

— **CÁC VẤN ĐỀ TRONG ĐẠI CỦA CON NGƯỜI** của Krishnamurti, bản dịch của Nguyễn Minh Toàn, Đáo hữu Nghĩa Iyá giá 20 đồng.

TIỂU THUYẾT :

— **VÁCH ĐÁ CHƠI LEO** truyện dài của Nhật - Tiến, Đông Phương xuất bản, 280 trang giá 60 đồng.

— **BIÊN TRÂM LĂNG** truyện dài của Dương Kiên, Đông phương xuất bản, 160 trang giá 40 đồng

— **CON ĐƯỜNG** truyện dài của Nguyễn đình Toàn, Giao Điểm xuất bản, 168 trang, giá 60 đồng.

— **GIÓ MÙA** truyện dài của Ngô thế Vinh, Sông Mã xuất bản, 170 trang giá 60 đồng.

— **VỖ BỜ** truyện dài của Đoàn quốc Sỹ, Sáng Tạo xuất bản, 168 trang, 60 đồng

— **NGÔI LẠI BÊN CẦU** tập truyện của Trần phong Giao, Giao Điểm xuất bản, 130 trang, giá 40 đồng.

— **LÀ BỤNG VỀ CỘI** tiểu thuyết của Trần châu Hồ, Mãn Ảnh xuất bản, 351 trang, giá 81 đồng

— **QUYNH HUONG** của Đoàn quốc Sỹ, Sáng Tạo xuất bản, giá 64 đồng.

— ĐIỀU RU NƯỚC MẮT hiệu thuyết của Duyên Anh, Đông Bắc xuất bản, 442 trang giá 80, đồng.

— ĐÊM TÓC RỐI truyện của Dương Nghiễm Mậu, Thời Mới xuất bản, 219 trang, giá 70 đồng.

SÁCH DỊCH :

— NHÀ CHUNG nguyên tác của F. de Castro, người dịch Diễm Châu, Nam Sơn xuất bản 99 trang, giá 30 đồng.

— TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC tuyển tập truyện quốc tế, chọn và dịch do Tráng Thôn, Thời mới xuất bản, 95 trang.

THƠ :

— Vũ thi tuyển tác phẩm thứ hai Những người của Rừng 1965, gồm những thi phẩm của Phương Tấn, Nguyễn dã Thảo, Uyên Hà, Lữ Thứ, Xuân Thao, Yến Nguyễn Thanh, Nguyễn Bằng, sách dày 36 trang giá 36 đồng.

— TRĂNG thơ của Minh Viên, tác giả xuất bản, 124 trang, giá 45 đồng.

— HIỆN DIỆN thơ của Uyên Nguyên, tác giả xuất bản, 98 trang giá 40 đồng.

— EM LÀ GÁI TRỜI BẮT XẤU tập 1,2 thơ của Lệ Khánh, tác giả xuất bản, 104 trang, giá 60 đồng.

— NỖI BUỒN QUÊ HƯƠNG thơ của Vũ Tiến Giang, Những Người Đất Mẹ xuất bản, 90 trang, 75 đồng.

— PHA LỄ thơ của Phương Mai, bìa Vũ Hối trình bày. Sách dày 112 trang, không đề giá bán.

— DẤU CHÂN DU MỤC thơ của CHGVA. In bằng ronco.

— BÙNG SÁNG thơ của Hoàng Thiên Hương bìa Nguyễn Khai, dày 9 trang. Bản đặc biệt.

— TIẾNG CA QUÊ HƯƠNG thơ của Phổ Đức, Nhân chứng xuất bản. Giá 60 đồng.

BÁO

— SÓNG số 1 tháng 10 - 65. Tập san Văn Học nghệ thuật xã hội do một nhóm bạn văn Tuy Hòa chủ trương. In ronco, giá 15 đồng.

— TOÀN LỰC số 2 tháng 10 - 65. Tiếng nói trung tâm văn hóa xã hội Phật Giáo Bà Nặng. Chủ nhiệm T.T. Thích Minh Tuấn, giá 10 đồng.

Cảm tạ các tác giả, nhà xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc Văn-Học.

HỘP THƯ

VĂN HỌC

Thư văn sáng tác của Quý Bạn : Điền Trung, Phạm Mỹ Khánh, Thái Lệ Hà, Hoàng Li-lên, Hoài Xuyên, Phan Phụng Thạch, Hoài Xuân Long, (Hắc Môn) Hoàng Trịnh Tâm (Hắc Môn) Lê Bá Long (Huế) Trần Cao Thái Sác, Song Nguyên Hoài Thảo, Trương Mặc Uyên, Nguyễn Lệ Tuấn, Thanh Hải Sơn Thanh, Lê Đức Thương, Trần Văn Xuân (Đà Lạt) Nguyễn Bạch Dương, Trần Anh (Solgon) Trần Lữ Thanh, Dương Thủy Long (Kiến Phong), Phương Hoàng Vũ, Liêu Thuần (Huế) Hoàng Long (Đà Nẵng) Phương Mai Lan (Bà Xuyên) Hồ Đình Hải (Bà Rịa) Nguyễn Bích Vân (Saigon) Hương Huyền Trinh (Cần Thơ) Nguyễn duy Nghiệp (Quảng Nam) Vĩnh Hân (Hải An) Trần Dọ Linh (Tam Kỳ) Trần Văn Nam (Vũng Tàu) Ngô Phúc Long, Vương Hoài An, Lê Đình Vi, Trương Thị Thủy Ngo, Tân Nữ Linh Phương (Huế) Mây Viễn Xứ, Thái Vĩnh Thịnh, Nguyễn Hải Âu (Saigon) Lam Giang, (Tân An).

Tòa soạn đã nhận được. Đa tạ và mong những sáng tác khác thành công hơn.

- Bạn H.T (Tam Kỳ) Đã nhận được đủ. Đang đọc. Sẽ có thư riêng Chúc Bạn vui mạnh.

- Ông H.H. ST (Xuân Lộc) Đã đọc bài về « chính sách tâm lý chiến », sẽ đăng. Bài « vấn đề động viên » phải gác vì đã quá thời gian tính. Còn những sáng tác của ông chờ gửi sau chúng tôi đang đọc. Đa tạ.

- Bạn CHU VƯƠNG MIỆN (Bà Mẽ Thuột) Thư của Bạn rất hợp với hiện tại. Rất tiếc hoàn cảnh ... không cho phép đăng. Mong bạn viết về tâm sự người lính đã dành cho V.H thường xuyên. Chúc Bạn lập nhiều chiến công diệt Cộng.

- Anh LÊ PHỤNG CHỮ (Saigon) Đã nhận được thư đối thoại của Anh. Cảm ơn anh rất nhiều. Đã đăng trọn bài đối thoại của anh gửi bạn Kim. Sinh đã chúng ta thông cảm nhau hơn. Mong có dịp rảnh Anh ghé tòa soạn chúng tôi hẳn hạnh được hầu chuyện. Anh.

- Anh KHÔI NGUYỄN (Huế) sao Anh « tu » lâu thế, ba bốn tháng mới thấy Anh xuất hiện. Đang đọc bài của Anh. Nếu bài của Anh đăng sợ sẽ gây nhiều ngộ nhận.

— Em THỦY LOAN TỬ (Quy Nhơn) Những số V.H mà em thiếu lâu soạn hiện còn (trừ hai số 1 và 2). Em cứ tính 10 đồng một số, cộng số tiền lại theo tổng số báo em thiếu. Gửi bưu phiếu để tên Anh chủ nhiệm. Tòa Soạn thông cảm hoàn cảnh của em nên đã tính giá đặc biệt những số báo của em mua. Cho địa chỉ để dễ nhận báo.

— Anh HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN (Tuy Hòa) Đa tạ Anh đã dành nhiều ngày giờ theo dõi phần đối thoại của V.H. Đã đăng bài đối thoại của Anh trong số này. Chúc Anh sống tốt nhiều. Về sáng tác của Anh gửi cho V.H, chúng tôi đang đọc. Sẽ gửi báo biểu Anh.

— Anh NGUYỄN TÀI THIẾT (Quảng Trị) Quên quê mẹ của Thanh Tịnh anh còn, chúng tôi sẽ tìm mua hộ, nhưng giá tiền chưa biết rõ bao nhiêu. Chúng tôi sẽ tin Anh biết khi nào có.

— Anh HOÀNG LỘC (Tam Kỳ) Đa tạ lắm, nay mới nhận được thư và bài của Anh. Tưởng quên V.H rồi. Được tin Anh đã qua đoạn đường Trung học, chúng tôi gửi lời mừng đến anh. Dạy học chắc vui, nhớ sáng tác cho V.H. Đang đọc mấy bài của Anh vừa gửi. Chúc Anh nhiều vui tươi. Anh 1). Kiên gửi lời thăm Anh.

— Ông NGUYỄN KỶ PHƯƠNG (Phong Dinh) Đa tạ nhận được thư và bài của ông. Cảm tạ và sẽ có thư riêng đến ông.

— Cô HỒ THỊ NGÂN (Dân Y Viện Kontum) Thư của cô đã tới tòa soạn. Cô cứ viết gửi về tòa soạn sẽ chọn đăng, nếu bài không hỏng lắm.

TÒA SOẠN VĂN HỌC CẦN MUA LẠI NHỮNG SÁCH BÁO DƯỚI ĐÂY :

1. « Hoàng-Đế Nội-Kinh Tố-Vấn Toàn Tập », bản dịch của Nguyễn Tử-Siêu, nhà thuốc Hồng-Khê xuất bản tháng 5—1954, tại Hà-nội.
2. « Hoàng-Hán » của Thanh-Bàn Câu-Chôn.
3. « Y-Học Tùng-thư », của Nguyễn An-Nhân.
4. « Thuốc Nam Chuẩn-Lệnh » của Lê Mạnh-Diêm.
5. « Dược-tính thuốc Nam » của Lê Mạnh-Diêm.
6. « Y-học Đông-phương » của Nguyễn Di-Luân, Edition Mai-Linh.
7. « Nam Thiên Y-học » của Nguyễn Di-Luân. Edition Thụy-Ký.
8. « Sách thuốc Nội-Thượng Lân-Ông Toàn Thư » bản dịch của Nguyễn Di-Luân.
9. « Nhật-Hoa Y-học » của Nguyễn An-Nhân, Edition Nhật-Nam, 1938, Hà-nội.
10. « Sách Thuốc Y-học Tùng-thư » của Nguyễn An-Nhân, Imp. Moderne, 1933, Hà-nội.
11. Châu-Ngọc Cách Ngôn » của Lân-Ông, Ed. Thượng-Đức, Hà-nội 1942.
12. « Y-lý Đông Nguyên » của Nguyễn An-Cu, Imp. Việt-nam, Saigon 1942.
13. « Y-tôn Tâm Lĩnh » của Lân-Ông, Edition Mân-Linh.
14. Quê Hương của Nguyễn-Luân.

Bạn nào có những sách báo trên dư dúng, xin liên lạc với Tòa Soạn chúng tôi xin mua lại với giá quý bạn ấn định.

Sách thời mới

VỪA PHÁT HÀNH:

TẬT DỨT II của Võ Phiến 31đ
ĐÊM TỨC RỐI của Dương Nghiễm Mậu 70đ
TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC II của Trùng Thiên 34đ
VOC NƯỚC GIỖN TRĂNG của Lớn Nam 40đ
NHỮNG HẠT CÁT (tái bản) của Thế Uyên 40đ
sắp phát hành:

SẮP PHÁT HÀNH:

THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM (tái bản) của Võ Phiến

DÓN ĐỌC:

Mại Dâm

biên khảo của Nguyễn hữu Dung

do

Văn-Học xuất bản đầu xuân 1966.

CÁC CHỨNG BỊNH VỀ TIM

Đau tim, lớn tim, yếu tim xảy xẩy choáng váng, mệt ngất, mất ngủ, đổ mồ hôi, hay giật mình, hoảng hốt, thần kinh bất an động:

Thuốc Tim TÂM CHI BỬU (La-Vạn-Linh)

TRONG THỜI KỲ THẠI NGHÈN

để bồi dưỡng cho qui Bà được khỏe khoắn, ngủ yên; Ăn ngon và trị các chứng ưả mửa, mệt nhọc, bón thái trắng, đau lưng qui Bà dùng thuốc: **ĐƯƠNG THAI CHI BỬU (La-Vạn-Linh)** đến ngày sanh mau, em bé cứng mạnh (có bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng phát hành: 55 552 Đường Khánh CHOLON

(K.N. số 606.610-N. 18-12-62)



Đi xa, thức đêm,
Lao-lực nhiều.

Cửu-long-hoàn

VÔ-DĨNH-DẪN
Bổ-huyết, Dưỡng-tâm
Trắng-thận

Bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng phát hành: **PHUOC-LINH**
170 BIS, KHUONG TU - CHOLON

KH. 541
20-1-63

XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUỐC-GIA
GIÚP ĐỒNG BÀO TA LÀM NÊN CỬA NHÀ

3 LÔ ĐỘC BẮC 1.000.000\$

BÁN GIÁ CHÍNH THỨC :

9\$60 : CHO NGƯỜI BÁN LẺ
10\$: CHO NGƯỜI TIÊU THỤ
TẠI : TỔNG NHÀ NGÂN KHỐ
: TỔNG NHÀ THUẾ VỤ
: SỞ XỔ SỐ KIẾN-THIỆT

VĂN HỌC

NGUYỆT SAN VĂN HÓA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ NGHỆ THUẬT
DIỄN ĐÀN SINH VIÊN THANH NIÊN VIỆT NAM TỰ DO

BAN BIÊN TẬP

DƯƠNG KIÊN — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — HOÀNG VŨ — NGUYỄN SA
ĐỖ TIẾN ĐỨC — VIÊM ĐÀU — DƯƠNG NHẤT NHÂN — VƯƠNG TRẦN NAM
NGUYỄN HỮU DUNG — BUI NGỌC DUNG — TRẦN THIÊN — LUÂN HOÀN
TRẦN QUANG LONG — NGUYỄN XUÂN HUÂN — ĐỖ THỊ HOÀNG SA
LÊ DUY — DỊ THẢO — TRẦN HOÀNG CANH — HUY GIANG —
HÀ NGUYỄN THẠCH — NGUYỄN TRỌNG VĂN — VƯƠNG THANH
PHƯƠNG KHANH — TRẦN TRIỆU LUẬT — TRẦN DẠ TỬ — NINH CHỮ
HOÀNG NGỌC BIÊN — LÊ VINH THỌ — PHÙNG KIM CHỮ — TẦN HOÀI DẠ VŨ

Ngoài nước

LÊ THỊ HÂN (Tokyo-JAPAN) — PHAN CÔNG LUÂN (Québec-CANADA)
ĐÀO THANH KIỆT (Philippines) — NÔNG BẢNG GIANG (Tokyo-JAPAN)
NGUYỄN THANH HUY (Bonn-TÂY ĐỨC) — NGUYỄN THIÊN LONG (Paris-
FRANCE) — TRẦN VĂN TOÀN (Luxemburg-Bỉ) — TÔN THẤT BÌNH (London-ANH)
TRẦN QUÍ PHƯƠNG (Úc ĐÀI LỢT)

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA

L.M. CAO VĂN LUÂN

Nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Huế

L.M. BÙU DƯƠNG — THANH LANG — TRẦN THAI ĐÌNH — B.S. HOANG VÂN ĐỨC
B.S. STADTLER — LÝ CHÁNH TRUNG — NGUYỄN NHƯ CƯỜNG
VŨ KHẮC KHOAN — NGUYỄN VĂN TRUNG — M. FICLIN — TRẦN BÍCH LAN
LÝ QUỐC SINH — LƯU TRUNG KHẮC — VŨ PHÉN — VŨ HOÀNG CHUÔNG
ĐOÀN QUỐC SỸ — NGUYỄN KỸ TẾ — VŨ BÌNH LƯU — THÁI THÁI
PHAN TRỌNG QUÝ — NGUYỄN DUY CẦN — NGUYỄN MANH CỒN
TRẦN VIỆT CHÂU — DƯƠNG NGHIỆM MẬU — NHẬT TIẾN — LINH BẢO
THẾ VIÊN — NGUYỄN THỊ VINH — DUYẾN ANH — LÔI TAM — ĐĂNG GIAO

Chịu nhiệm — Chủ bút:

PHAN KIM THỊNH

Tòa soạn và Trị sự

61, Lê Văn Duyệt, 51

ĐT : 23.622 — Saigon